SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH TỈNH BR-VT
TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /CV-TTĐDNCC
V/v triển khai Bộ Tài liệu trả lời kiến nghị của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp năm 2024.

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Kính gửi:
- Phòng Hành chính – Điều dưỡng – Chăm sóc cơ sở 1;
- Phòng Hành chính – Điều dưỡng – Chăm sóc cơ sở 2.

Thực hiện Công văn số 236/SLĐTBXH-VP ngày 13/01/2025 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc triển khai Bộ Tài liệu trả lời kiến nghị của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp năm 2024, Giám đốc Trung tâm điều dưỡng Người có công tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị viên chức và người lao động thực hiện như sau:

Tổ chức triển khai, quán triệt, tuyên truyền phổ biến đến viên chức và người lao động Bộ Tài liệu trả lời kiến nghị của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp năm 2024 được biết để chủ động nghiên cứu phục vụ công tác chuyên môn.

Đề nghị Trưởng Hành chính – Điều dưỡng – Chăm sóc triển khai thực hiện./.

(Bộ Tài liệu trả lời kiến nghị của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp năm 2024 được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Trung tâm tại địa chỉ /https://ttdieuduong.baria-vungtau.gov.vn/)

Nơi nhận:
- Như trên (để biết);
- Sở LĐ-TB&XH (b/c);
- GĐ Trung tâm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRUNG TÂM ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG TỈNH BR-VT

Vũ Nhật Hà

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦNGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TÀI LIỆU
TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ HƯỚNG DẪN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ CỦA BỘ TƯ PHÁP NĂM 2024

Trên cơ sở Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2024 của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đã tổng hợp được 187 kiến nghị về công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, trong đó một số kiến nghị có nội dung tương tự nhau nên Bộ Tư pháp đã tổng hợp theo nhóm vấn đề. Cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm hỗ trợ địa phương trong công tác xây dựng VBQPPL; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ cho các địa phương bằng các hình thức phù hợp; thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác xây dựng VBQPPL nhằm nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này *(UBND các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Từ khi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) được ban hành, hằng năm, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn chuyên sâu, lớp bồi dưỡng theo chuyên đề, nhiều diễn đàn để các tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế, người làm công tác xây dựng pháp luật có điều kiện giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và cùng nhau trao đổi, tháo gỡ những vướng mắc trong nghiệp vụ. Đồng thời, Bộ đã biên soạn, phát hành nhiều cuốn sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng VBQPPL (Sổ tay hướng dẫn quy trình xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL; Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL; Sổ tay soạn thảo VBQPPL).

Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương để tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng, lớp tập huấn về công tác pháp luật cho đối tượng là cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, công tác xây dựng pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ này thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật ban hành VBQPPL theo hướng đơn giản hóa quy trình đối với việc ban hành VBQPPL để bãi bỏ VBQPPL *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Khoản 4 Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã quy định trường hợp xây dựng, ban hành VBQPPL, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ theo trình tự, thủ tục rút gọn để bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ VBQPPL trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể hóa Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP) đã quy định về đề nghị xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 37). Do đó, các quy định hiện hành về Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản quy định chi tiết đã phần nào đơn giản hóa quy trình đối với việc ban hành VBQPPL để bãi bỏ VBQPPL.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tham mưu giúp Chính phủ đề xuất xây dựng Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi, dự kiến trình Quốc hội xem xét thông qua và kỳ 9 (tháng 5/2025), trong đó sẽ quy định đơn giản hơn về quy trình xây dựng, ban hành các VBQPPL.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất với Chính phủ xem xét tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo đề nghị Quốc hội xem xét, sớm ban hành Luật Ban hành VBQPPL, trong đó tập trung tháo gỡ một số bất cập, tồn tại của Luật hiện hành, tạo thuận lợi nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước: kịp thời thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL theo hướng ngày càng công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, tăng cường sự tham gia của các cơ quan, đơn vị, đối tượng chịu sự tác động và người dân; trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; trách nhiệm tiếp thu ý kiến thẩm định; đề cao vai trò của tổ chức pháp chế, công chức làm pháp chế trong các cơ quan chuyên môn trong quy trình xây dựng VBQPPL của cấp tỉnh,... *(UBND TP. Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 640/QĐ-BTP ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 Hội nghị tổng kết Luật Ban hành VBQPPL (khu vực

phía Bắc tại Hà Nội vào ngày 26/4/2024 và khu vực phía Nam tại tỉnh Bình Định vào ngày 31/5/2024). Ngày 03/7/2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 170/BC-BTP tổng kết Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL năm 2020. Ngày 02/10/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 85/TTr-CP về việc đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi). Dự kiến Luật Ban hành VBQPPL sẽ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Mục tiêu của việc sửa đổi Luật là nhằm thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là các nội dung nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW, Quy định số 178-QĐ/TW, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu mới đặt ra đối với công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Đồng thời tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Luật Ban hành VBQPPL thời gian qua; tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc xây dựng và vận hành hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nội dung sửa đổi Luật tập trung vào các vấn đề lớn như tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 về cơ chế kiểm soát, phân công, phối hợp thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật; phù hợp với quy định của các luật về tổ chức như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương…

Phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực gắn với vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, nâng cao năng lực phản ứng chính sách, xử lý các vấn đề cấp bách phát sinh từ thực tiễn. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của cơ quan Tư pháp trong hoạt động thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL, tổ chức thi hành pháp luật. Nghiên cứu đổi mới các khâu mang tính quyết định đến chất lượng và tiến độ xây dựng pháp luật, bảo đảm khoa học, hiệu quả, khả thi, giải quyết được những "*điểm nghẽn*". Đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng chặt chẽ nhưng có độ mở, độ linh hoạt nhất định để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; làm tốt từng khâu, đặt yêu cầu cao về chất lượng, bám sát và kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn kết hợp hiệu lực áp dụng trực tiếp. Tiếp tục phát huy, bảo đảm dân chủ trên cơ sở tăng cường thu hút sự tham gia rộng rãi của Nhân dân, chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý trong quá trình xây dựng pháp luật; bổ sung yêu cầu về truyền thông, đổi mới hình thức, phương thức lấy ý kiến chính sách, dự thảo VBQPPL; bảo đảm đầu tư nguồn lực cho công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật với tính chất là

nguồn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Bảo đảm gắn kết giữa công tác xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác xây dựng văn bản cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế và không nên giới hạn về số lượng tham gia để địa phương cử cán bộ tham gia tập huấn nghiệp vụ pháp chế đầy đủ *(UBND tỉnh: Bình Định, Quảng Ninh, Lai Châu).*

Trả lời:

Thời gian qua, công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ người làm công tác pháp chế luôn được Bộ Tư pháp xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương. Hàng năm, Bộ Tư pháp đã tổ chức rất nhiều đợt tập huấn về công tác xây dựng VBQPPL, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp v..v... nhằm tăng cường năng lực cho người làm công tác pháp chế; thường xuyên đổi mới về nội dung, phương pháp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu với nhiều hình thức; biên soạn nhiều tài liệu, cuốn sổ tay, cẩm nang về nghiệp vụ công tác pháp chế cho đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương. Bộ cũng kịp thời hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc về nghiệp vụ cho pháp chế Bộ, ngành, địa phương khi được yêu cầu. Bên cạnh đó, Bộ cũng phối hợp tốt với các Bộ, ngành Trung ương trong việc cung cấp đội ngũ báo cáo viên để phổ biến, tập huấn về các nghiệp vụ pháp chế cho tổ chức pháp chế Bộ, ngành, địa phương... Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ và phối hợp với Bộ, ngành, địa phương để tập huấn về nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ này để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Căn cứ vào tính chất, nội dung, quy mô của hội nghị, Bộ Tư pháp sẽ cân nhắc về số lượng để đề nghị địa phương cử cán bộ tham dự.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn địa phương đối với một số nội dung về công tác xây dựng VBQPPL, cụ thể:

5.1. Đối với đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh, tại Điều 127 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020)* quy định "*Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".* Tuy nhiên, trên thực tế một số cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh như: Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Kho bạc Nhà nước… để thực hiện chức năng quản lý nhà nước hoặc trên cơ sở nhiệm vụ được giao trong văn bản trung ương cũng cần thiết phải tham mưu ban hành

VBQPPL. Do đó, đề nghị Bộ có hướng dẫn cụ thể về cơ quan có thẩm quyền đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh trong các trường hợp này *(UBND tỉnh Bắc Kạn).*

Trả lời:

Khoản 1 Điều 127 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: *"Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".* Theo đó, chủ thể có thẩm quyền đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do vậy, các cơ quan như Cục thuế tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh... muốn ban hành VBQPPL để thực hiện chức năng quản lý nhà nước có thể đề nghị các Sở, ngành đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân.

5.2. Khoản 3 Điều 148 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020)* quy định:*"Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản".* Đề nghị Bộ có hướng dẫn về thời gian, từng bước thực hiện cụ thể trong quy trình xây dựng văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn bởi quy định nêu trên có thể dẫn đến hai cách hiểu: (1) Việc thẩm định, thẩm tra được thực hiện đồng thời trong vòng 07 ngày; (2) hoạt động thẩm định được thực hiện trước thẩm tra *(theo quy trình thông thường)* và tổng thời gian cho cả hai hoạt động này là 07 ngày *(UBND tỉnh Bắc Kạn).*

Trả lời:

Khoản 3 Điều 148 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định *"Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản"*, theo đó, với mỗi chủ thể, mỗi hoạt động trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án, dự thảo, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thẩm định, cơ quan chủ trì thẩm tra có trách nhiệm thẩm tra dự thảo văn bản.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL, hoàn thiện cơ chế tổ chức thi hành VBQPPL, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với thi hành VBQPPL *(UBND các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị).*

Trả lời:

Thực hiện Nghị quyết số 110/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải

pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; Kế hoạch số 11-KH/TW ngày 28/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương đã giao Đảng đoàn Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng Đề án về đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; đặc biệt thực hiện Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL. Ngày 02/10/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 85/TTr-CP về việc đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi). Dự kiến Luật Ban hành VBQPPL sẽ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) với 03 chính sách. Trong đó tại chính sách 3 nêu rõ: *Tiếp tục hoàn thiện một số quy định về tổ chức thi hành VBQPPL, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với thi hành VBQPPL, cụ thể quy định, cụ thể nội dung tổ chức thi hành VBQPPL, thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng và thi hành.*

7. Cần thống nhất quy định hình thức ban hành VBQPPL giữa Luật Giá và Luật Ban hành VBQPPL nhằm xác định rõ hình thức ban hành văn bản liên quan đến định giá *(UBND các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị).*

Trả lời:

Luật Ban hành VBQPPL quy định nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng VBQPPL. Như vậy, Luật Ban hành VBQPPL đã quy định đầy đủ về nguyên tắc và hình thức văn bản đối với từng loại chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL.

Luật Giá quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Do vậy, để xác định hình thức văn bản định giá đối với mỗi loại hàng hóa, dịch vụ cần căn cứ vào Luật Giá, văn bản hướng dẫn Luật Giá và pháp luật chuyên ngành của từng loại hàng hóa, dịch vụ.

Trong trường hợp cần hướng dẫn cụ thể thêm, đề nghị địa phương tham khảo thêm ý kiến của Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì soạn thảo Luật Giá.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành Thông tư hướng dẫn cụ thể việc chuyển ngạch và xếp lương các ngành pháp chế viên và việc thực hiện chế độ hỗ

trợ đối với người làm công tác pháp chế *(UBND tỉnh Quảng Bình).*

Trả lời:

Ngày 18/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Để triển khai thực hiện Nghị định, thực hiện quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan góp ý về dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch pháp chế viên và dự kiến ban hành trong tháng 12/2024.

Về việc thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người làm công tác pháp chế: Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Ban thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Nghị định số 56/2024/NĐ-CP theo đề nghị của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp về việc quan tâm thực hiện Nghị định, trong đó có nội dung bố trí kinh phí năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành để chi hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP. Chỉ đạo xây dựng kinh phí này trong dự toán ngân sách năm 2025 của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng các quy định.

9. Từ khi có Luật Ban hành VBQPPL, công tác xây dựng pháp luật trong những năm qua đã có sự đồng bộ, thống nhất, năm sau tốt hơn năm trước và cơ bản hoàn chỉnh. Do đó, cần phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật từ luật đến các văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương để bảo đảm quy trình xây dựng pháp luật được chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Tuy nhiên, cần sửa đổi quy định quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL theo hướng đơn giản hoá thủ tục đề nghị xây dựng VBQPPL đối với việc ban hành Nghị quyết, Quyết định quy định chi tiết đã được quy định cụ thể trong Luật, Nghị quyết *(UBND tỉnh Hà Nam).*

Trả lời:

Ngày 21/02/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1112/VPCP-PL thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL, trong đó *"Giao Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thực hiện sớm việc xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định (trình trong năm 2024)"*. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đang phối hợp cùng các Bộ,

cơ quan ngang Bộ, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi).

Ngày 02/10/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình số 85/TTr-CP về việc đề nghị xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi). Dự kiến Luật Ban hành VBQPPL sẽ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp tháng 5/2025. Bộ Tư pháp xin ghi nhận và sẽ nghiên cứu kiến nghị của địa phương trong quá trình sửa đổi Luật.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ban, ngành có thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết tại các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của các Bộ đến UBND cấp tỉnh (hoặc đến Sở Tư pháp làm đầu mối) nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong triển khai VBQPPL cũng như đảm bảo tính tuân thủ pháp luật *(UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Nghị định 59/2024/NĐ-CP có quy định:

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, quyết định đó được ký ban hành;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung thông tư giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư đó được ký ban hành;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết

thi hành thông tư; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

Theo đó, Nghị định đã quy định rất cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thông báo nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết tại nghị định, quyết định của Thủ tướng và thông tư của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Trên cơ sở đó, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để có giải pháp kiến nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, đồng thời, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ thực hiện nghiêm các nội dung theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP nêu trên.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, trình Chính phủ quy định cơ chế thu hút chuyên gia và cán bộ làm công tác xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá VBQPPL, đổi mới việc sử dụng kinh phí, chính sách tiền lương và phụ cấp trách nhiệm nghề cho cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL nhằm thu hút cán bộ có chuyên môn sâu thực hiện công tác này *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

11.1. Về chế độ phụ cấp trách nhiệm nghề cho cán bộ làm công tác pháp chế: Tại khoản 2, Điều 12 Nghị định 55/2011/NĐ-CP đã quy định về chế độ phụ cấp cho người làm công tác pháp chế. Tuy nhiên, quy định này không thực hiện được vì tại thời điểm đó Trung ương có chủ trương dừng ban hành các chế độ phụ cấp. Để thực hiện chủ trương này, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã có quy định theo hướng quy định chế độ chi hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế. Theo đó, căn cứ vào vị trí việc làm về nghiệp vụ chuyên môn pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính, người làm công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được hưởng mức hỗ trợ là 40.000 đồng/ngày làm việc.

11.2. Về đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu, trình Chính phủ quy định cơ chế thu hút chuyên gia và cán bộ làm công tác xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa VBQPPL, đổi mới việc sử dụng kinh phí, chính sách tiền lương và phụ cấp trách nhiệm nghề cho cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng và kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL nhằm thu hút cán bộ có chuyên môn sâu thực hiện công tác này:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu xây dựng Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) trong đó có đề xuất về việc bổ sung các quy định về bảo đảm nguồn lực (nhân lực, kinh phí trong các khâu, đoạn) và ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng, ban hành và

tổ chức thi hành VBQPPL, trong đó, tập trung thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; bố trí đầy đủ kinh phí để đảm bảo thực hiện việc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL. Dự kiến, dự án Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi) sẽ đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2025) theo quy trình một kỳ họp.

Bên cạnh đó, để triển khai Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đến năm 2030", nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật; đảm bảo xây dựng và duy trì đội ngũ nòng cốt bồi dưỡng, dẫn dắt và phát triển nguồn nhân lực tham mưu xây dựng pháp luật tại các Bộ, ngành và địa phương, hiện nay Bộ Tư pháp đang dự thảo Kế hoạch triển khai Quyết định này, trong đó có một số nhiệm vụ và giải pháp, cơ chế để thu hút chuyên gia và cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật. Dự kiến, Kế hoạch sẽ được ban hành vào cuối tháng 12 năm 2024.

12. Tại khoản 2, khoản 3 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL quy định:

"2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và đảm bảo ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản".

Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL thì cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL quy định trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm đảm bảo ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, đề xuất sửa đổi thời gian lấy ý kiến tại khoản 2 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL theo hướng rút ngắn thời gian quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL để phù hợp với thời gian quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Ban hành VQBPPL *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Khoản 2 và khoản 3 Điều 120 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi là Luật Ban hành VBQPPL) quy định:

"*2. Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.*

Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản.

3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản".

Theo quy định này thì cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết phải bảo đảm ít nhất là 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến. Trong trường hợp được lấy ý kiến thì đối tượng được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản.

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang soạn thảo Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025), Quốc hội khóa XV, trong quá trình sửa đổi Luật, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, xem xét các khó khăn, vướng mắc, bất cập của địa phương.

13. Theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành VQBPPL thì *"Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực".* Tuy nhiên, trường hợp VQBPPL hết hiệu lực nhưng VQBPPL thay thế VQBPPL đó tiếp tục giao cho địa phương quy định chi tiết và địa phương xác định văn bản quy định chi tiết thi hành không có nội dung mới hoặc trái so với quy định hiện hành nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 154 Luật Ban hành VQBPPL thì văn bản này hết hiệu lực và địa phương vẫn phải ban hành một văn bản mới để quy định chi tiết nội dung được giao do căn cứ ban hành văn bản thay đổi trong khi nội dung không có sự thay đổi. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét sửa đổi quy định này cho phù hợp *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

<u>Trả lời</u>:

Khoản 4 Điều 154 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 quy định: *"Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực"*.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL, cơ quan đã ban hành các văn bản quy định chi tiết hết

hiệu lực có trách nhiệm:

- Lập, công bố theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền công bố danh mục các văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực đồng thời với văn bản được quy định chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều này trước ngày văn bản được quy định chi tiết hết hiệu lực;

- Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản để thay thế văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này.

Tuy nhiên, đúng như địa phương chia sẻ, thời gian tới, trong quá trình xây dựng Luật Ban hành VBQPPL, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để sửa đổi quy định của Luật, khắc phục những hạn chế, tồn tại bất cập nêu trên.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập để địa phương sớm sắp xếp, kiện toàn người làm công tác pháp chế của các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

Trả lời:

Ngày 18/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Để triển khai thực hiện Nghị định, thực hiện quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), hiện nay, Bộ Tư pháp đang tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan góp ý về dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, vị trí việc làm về công tác pháp chế trong cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp công lập và dự kiến ban hành trong tháng 12/2024.

15. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu trình Chính phủ xem xét bố trí biên chế để kiện toàn tổ chức pháp chế theo Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, ngày 04/7/2011 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Để hoạt động pháp chế được thực hiện hiệu quả, chuyên nghiệp hơn, ngày 18/5/2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, trong đó có các quy định mới về bố trí biên chế cũng như kiện toàn tổ chức pháp chế. Theo đó, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP tiếp tục kế thừa quy định về tổ chức bộ máy pháp chế của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho

phù hợp với thực tiễn. Đối với địa phương, Nghị định đã có các quy định cụ thể liên quan đến tổ chức pháp chế và bố trí biên chế làm công tác pháp chế tại một số điều, khoản như: khoản 10 Điều 1, khoản 12 Điều 1, khoản 3 Điều 4, khoản 4 Điều 4...

16. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình tại khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành VBQPPL. Vì trong thực tế triển khai đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, không xác định được trường hợp nào thì Bộ trưởng được ban hành Thông tư quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước *(Bộ Nội vụ).*

Trả lời:

Khoản 1 Điều 99, Hiến pháp 2013 quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là thành viên Chính phủ và là người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ, lãnh đạo công tác của Bộ, cơ quan ngang Bộ; chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được phân công; tổ chức thi hành và theo dõi việc thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc.

Điều 100, Hiến pháp 2013 quy định Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành văn bản pháp luật để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra việc thi hành các văn bản đó và xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định của luật.

Tại khoản 4, Điều 34 của Luật tổ chức Chính phủ quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành VBQPPL theo thẩm quyền để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công.

Căn cứ tại các quy định nêu trên, khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành VBQPPL quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành Thông tư để quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình. Đây được xem là trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành VBQPPL theo thẩm quyền riêng của mình. Trong trường hợp Luật và các văn bản của cơ quan nhà nước không giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết thì các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan để quy định về các biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình.

17. Đề nghị hướng dẫn cụ thể về Thông tư sửa đổi Thông tư liên tịch vì theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) trong hệ thống VBQPPL không quy định về Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ. Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay một số Bộ, ngành vẫn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

liên tịch, do đó đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn để thống nhất trong tổ chức thực hiện *(Bộ Nội vụ)*.

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020): *"Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được **sửa đổi, bổ sung**, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật **của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản** đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền..."*. Tuy nhiên, do Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 không còn quy định hình thức thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là VBQPPL nên không có hình thức văn bản tương ứng để sửa đổi, bổ sung các thông tư liên tịch này.

Để xử lý hiệu lực của các thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã được ban hành trước ngày 01/7/2016, khoản 2 Điều 172 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 quy định: *"Thông tư liên tịch giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi **có văn bản bãi bỏ hoặc bị thay thế bằng VBQPPL khác**"*. Như vậy, quy định này cho phép thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi bị bãi bỏ hoặc bị thay thế; không quy định việc sửa đổi, bổ sung các thông tư liên tịch này. Do đó, việc một số Bộ, ngành (nếu có) dùng hình thức Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch là không phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL.

Bên cạnh quy định của Luật Ban hành VBQPPL thì khoản 30 Điều 1 của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành VBQPPL đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ có hướng dẫn về việc bãi bỏ hoặc thay thế thông tư liên tịch giữa các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành trước ngày 01/7/2016 được thực hiện như sau: (i) Trường hợp cần bãi bỏ toàn bộ thông tư liên tịch thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã chủ trì xây dựng thông tư liên tịch ban hành thông tư bãi bỏ thông tư liên tịch đó sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã liên tịch ban hành thông tư; (ii) Trường hợp cần thay thế một phần thông tư liên tịch thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành thông tư quy định nội dung thuộc thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực của mình và bãi bỏ các nội dung đã được thay thế trong thông tư liên tịch sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã liên tịch ban hành thông tư.

18. Một số quy định của pháp luật hiện hành có mâu thuẩn, chồng chéo, gây khó khăn cho địa phương trong công tác thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như:

- Các cơ quan được giao tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh xây dựng văn bản quy định chi tiết các Luật gặp khó khăn trong việc xác định văn bản được giao quy định chi tiết thuộc khoản 2 hay khoản 3, khoản 4 Điều 27; khoản 2 khoản 3 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ví dụ như quy định tại Điều 16, Điều 103, Điều 109…Luật Đất đai.

- Việc xác định hình thức văn bản định giá trong các lĩnh vực:

Điều 24 Luật Giá quy định:

"Điều 24. Ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá; văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá

1. Văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành là văn bản hành chính. Việc ban hành văn bản được thực hiện như sau:

a) Lập phương án giá;

b) Thẩm định phương án giá;

c) Trình và ban hành văn bản định giá, điều chỉnh mức giá.

2. Văn bản quy định cơ chế, chính sách về giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.".

Điều 3 Luật Giá quy định:

"Điều 3. Áp dụng Luật Giá và pháp luật có liên quan

1. Trường hợp có quy định khác nhau về giá giữa Luật Giá và luật khác được ban hành trước ngày Luật Giá có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Luật Giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

...

4. Việc định giá của Nhà nước đối với một số mặt hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan như sau:

a) Giá đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Giá nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Giá điện và giá các dịch vụ về điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về điện lực;

d) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Học phí, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục đại học,giáo dục nghề nghiệp;

e) Tiền bản quyền khi khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong trường hợp giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan, tiền đền bù đối với quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc trong trường hợp người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế và người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thỏa thuận được, tiền đền bù đối với quyền sử dụng giống cây trồng được chuyển giao theo quyết định bắt buộc được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ".

+ Về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định: "*4. Về hình thức văn bản định giá hoặc điều chỉnh giá: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Giá.".*

Như vậy, theo các quy định trên thì hình thức văn bản quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại điểm d khoản 4 Điều 3 Luật Giá là văn bản hành chính.

+ Đối với giá đất, giá nhà ở…tại khoản 4 Điều 3 Luật Giá chưa có văn bản chuyên ngành nào quy định về hình thức văn bản định giá. Do đó, các cơ quan được giao tham mưu văn bản quy định về giá ở địa phương rất lúng túng trong việc xác định hình thức các văn bản định giá.

Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ có liên quan hướng dẫn để địa phương thực hiện cho thống nhất, đúng quy định *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

1. Về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:

Đây là văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Do đó, đề nghị địa phương tham khảo thêm ý kiến của Bộ Y tế (cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, đồng thời là cơ quan chủ trì soạn thảo Luật Khám bệnh, chữa bệnh) để được hướng dẫn cụ thể việc áp dụng quy định của Luật này nhằm xử lý những vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành.

Liên quan đến việc xác định hình thức văn bản quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, đề nghị thực hiện theo quy định của Luật Giá năm 2023, văn bản hướng dẫn Luật Giá và Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đối với giá đất, giá nhà ở... hiện chưa có văn bản chuyên ngành nào quy định về hình thức văn bản định giá. Bộ Tư pháp sẽ chuyển ý kiến của địa phương tới Bộ, ngành liên quan để có hướng xử lý vướng mắc, khó khăn của địa phương.

3. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang soạn thảo Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025), Quốc hội khóa XV, trong quá trình sửa đổi Luật, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, xem xét các khó khăn, vướng mắc, bất cập của địa phương.

19. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa VBQPPL; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế của để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng thực hiện *(UBND tỉnh Bình Định).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Ban hành VBQPPL (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua trong năm 2025, trong đó, các quy định về xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa VBQPPL được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện tổng thể, đáp ứng yêu cầu thực tiễn triển khai công tác này trong giai đoạn hiện nay.

20. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về công tác kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL nhằm nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác này *(UBND các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Định, Lai Châu, Quảng Nam, Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã triển khai nhiều hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ với nhiều hình thức tổ chức (hội nghị, hội thảo, Đoàn công tác liên ngành, Đoàn công tác địa bàn, trao đổi thông qua hình thức công văn, điện thoại …) để trao đổi, thảo luận, hướng dẫn nghiệp vụ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các lĩnh vực chuyên môn (đặc biệt là công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL). Trong năm 2024, Bộ đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo chuyên sâu về nghiệp vụ kiểm tra, rà soát VBQPPL như:

- Hội nghị tập huấn nội dung mới của Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP" tại tỉnh Hà Tĩnh (tháng 9), Thành phố Hà Nội (tháng 9);

- Hội thảo "Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành VBQPPL của địa phương - Nhìn từ góc độ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL" tại Thành phố Đà Nẵng (tháng 8), tỉnh Phú Thọ (tháng 11);

- Tọa đàm về tình hình thực hiện công tác kiểm tra văn bản, xử lý văn bản trái pháp luật khu vực phía Nam - tại tỉnh Hậu Giang (tháng 6) và khu vực phía Bắc - tại Thành phố Hà Nội (tháng 9).

- Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng tác viên làm công tác kiểm tra, rà soát văn bản tại Hà Nội (tháng 12).

Trong thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục quan tâm, tăng cường các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tại các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, do điều kiện còn hạn chế nên rất mong các địa phương tăng cường các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác này. Bộ Tư pháp sẵn sàng cử báo cáo viên tham gia theo đề nghị của địa phương.

21. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên nâng cấp, bảo trì để khắc phục tình trạng lỗi hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo hướng hiện đại, tự động hóa tạo thuận lợi cho công chức cập nhật CSDL từ đó giúp cho Sở Tư pháp kịp thời cập nhật văn bản đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP. Đồng thời, nghiên cứu, kết nối phần mềm CSDLQG về pháp luật với Bộ pháp điển, xây dựng phần mềm kiểm tra, rà soát VBQPPL, hướng dẫn địa phương ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác soạn thảo, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL *(UBND các tỉnh: Đồng Tháp, Tiền Giang).*

Đề nghị Bộ Tư pháp đầu tư, nâng cấp các phần mềm, trang web về pháp điển, cập nhật VBQPPL trên Cơ sở DLQG đảm bảo hoạt động thông suốt, dễ truy cập, thuận tiện cho người sử dụng *(Bộ Nội vụ).*

Trả lời:

Phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (CSDLQGPL), Bộ pháp điển điện tử đã được xây dựng, vận hành gần 10 năm. Về cơ bản, phần mềm đã đáp ứng được nhu cầu xây dựng, cập nhật, quản lý CSDLQGPL, Bộ pháp điển. Tuy nhiên, với sự phát triển nhanh, mạnh mẽ của công nghệ thông tin, cũng như nhu cầu khai thác, sử dụng và yêu cầu về quản lý, khai thác CSDLQGPL, Bộ pháp điển ngày càng cao, sau 10 năm đưa vào sử dụng và chưa được nâng cấp, CSDLQGPL, Bộ pháp điển đã bộc lộ hạn chế làm ảnh hưởng đến quá trình cập nhật, khai thác, sử dụng. Hiện nay, một mặt Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Cục Công nghệ thông tin) luôn chủ động, thường xuyên rà soát để phát hiện và kịp thời khắc phục, hạn chế tối đa các lỗi trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Bộ pháp điển, mặt khác, Bộ đang trong quá trình đề xuất dự án để nâng cấp hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, Bộ pháp điển điện tử bằng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

22. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ sửa đổi khoản 1 Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP về thời hạn cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, để đảm bảo thống nhất với khoản 50 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL năm 2020 *(UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, xây dựng quy định sửa đổi quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật tại dự thảo Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi. Ngoài ra, trong năm 2025, Bộ Tư pháp dự kiến thực hiện tổng kết đánh giá 10 năm triển khai thi hành Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Trên cơ sở nội dung quy định của Luật Ban hành VBQPPL sửa đổi và kết quả tổng kết thi hành Nghị định số 52/2015/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tham mưu xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 52/2015/NĐ-CP.

23. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành hoặc tham mưu ban hành để xử lý kịp thời những văn bản không còn phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Thời gian qua, công tác rà soát VBQPPL thuộc lĩnh quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp luôn được chú trọng tổ chức thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định. Trên cơ sở kết quả rà soát, Bộ Tư pháp đã kịp thời phát hiện, xử lý, kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý đối với các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới[1]. Định kỳ hằng năm, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Bên cạnh công tác rà soát thường xuyên, Bộ Tư pháp tập trung, tích cực tham mưu, chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, tổ chức liên quan giúp Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL và Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống VBQPPL[2] tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể một số nhiệm vụ thực hiện trong năm 2024 như: Rà soát, điều chỉnh phương án đơn giản hóa, lộ trình xử lý VBQPPL có quy định về thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại các Nghị quyết của Chính phủ giai đoạn 2017-2018 phục vụ triển khai Đề án 06; cập nhật tình hình xử lý kết quả rà soát hệ thống VBQPPL thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV; tiếp tục thực hiện rà soát VBQPPL theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; rà soát, đề xuất xử lý vướng mắc trong lĩnh vực pháp luật về phân cấp, ủy quyền, cải cách thủ tục hành chính và một số lĩnh vực khác; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung VBQPPL có quy định vướng

[1] Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã thực hiện rà soát và xử lý, kiến nghị xử lý đối với 21/21 văn bản.
[2] Theo Quyết định số 603/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

mắc, bất cập do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng…

24. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên cập nhật các văn bản thuộc trách nhiệm cập nhật của mình trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật theo quy định, đặc biệt là cập nhật phần hiệu lực của các văn bản đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan ở địa phương tra cứu để phục vụ cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL *(UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời các văn bản thuộc trách nhiệm của mình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định (bao gồm cả tình trạng hiệu lực của văn bản) để bảo đảm phục vụ nhu cầu tra cứu văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Trong trường hợp phát hiện thiếu văn bản hoặc thông tin của văn bản chưa chính xác (không chỉ đối với những văn bản thuộc trách nhiệm cập nhật của Bộ Tư pháp), đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh trực tiếp về Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, số điện thoại 02462735955, email: banbientapcsdlqgpl@moj.gov.vn) để Bộ Tư pháp kịp thời cập nhật, đôn đốc các cơ quan có trách nhiệm cập nhật văn bản, bảo đảm dữ liệu ngày càng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu tra cứu, khai thác.

25. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường trao đổi thông tin về việc kiểm tra VBQPPL, xử lý văn bản trái pháp luật nói chung, VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nươc của Bộ Nội vụ nói riêng, đáp ứng kịp thời, hiệu quả công tác kiểm tra văn bản theo thẩm quyền. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế phối hợp trong hoạt động của Đoàn kiểm tra liên Ngành VBQPPL để phát huy vị trí, bai trò, trách nhiệm của các cơ quan tham gia, qua đó nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Đoàn kiểm tra liên Ngành *(Bộ Nội vụ).*

Trả lời:

Thời gian qua, trong quá trình tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền, Bộ Tư pháp thường xuyên trao đổi, phối hợp (thông qua nhiều hình thức: công văn, họp kiểm tra văn bản…) với các bộ, ngành (trong đó có Bộ Nội vụ) để một mặt, cung cấp thông tin cho bộ, ngành về các văn bản do các Bộ, địa phương ban hành có dấu hiệu trái pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành đó (thuộc trách nhiệm kiểm tra theo thẩm quyền của các Bộ, ngành), mặt khác, tham vấn ý kiến chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành trong quá trình xem xét, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản được kiểm tra. Việc tổ chức triển khai như vậy đã góp phần nâng cao hiệu quả, chất

lượng của hoạt động kiểm tra VBQPPL, đồng thời cũng là kênh thông tin để các Bộ, ngành tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền tại Bộ, ngành mình.

Về hoạt động của Đoàn công tác liên ngành kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL, thời gian qua, Bộ Tư pháp đều có văn bản gửi Bộ Nội vụ đề nghị cử thành viên tham gia Đoàn công tác liên ngành, về cơ bản, đã nhận được sự phối hợp kịp thời, chất lượng của Bộ Nội vụ. Trong quá trình tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra, xử lý văn bản, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu về kiến nghị xây dựng cơ chế phối hợp trong hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành để bảo đảm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành.

26. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu triển khai việc gửi Kết luận kiểm tra văn bản địa phương có dấu hiệu trái pháp luật do Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL) ban bành có liên quan đến nội dung quản lý của Bộ, ngành để nắm được nội dung sau quá trình trao đổi tại các cuộc họp kiểm tra văn bản. Đồng thời là kênh để trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra văn bản của Bộ, ngành *(Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp tiếp thu kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong thời gian tới sẽ nghiên cứu triển khai việc gửi Kết luận kiểm tra văn bản có liên quan đến nội dung quản lý của Bộ, ngành sau quá trình trao đổi tại các cuộc họp kiểm tra văn bản để các Bộ, ngành có liên quan cùng biết.

27. Kiến nghị Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát, kịp thời tham mưu sửa đổi các quy định pháp luật liên quan của ngành, làm cơ sở cho việc đẩy mạnh phân cấp, phần quyền, tạo thế chủ động cho địa phương trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong công tác giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp *(UBND tỉnh Đồng Nai).*

Trả lời:

- Thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn chú trọng thực hiện định hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm đến từng cá nhân gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ. Trên cơ sở đó, cân nhắc, đánh giá kỹ lưỡng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC, đồng thời, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

- Năm 2021, thực hiện yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1104/TTg-KSTT ngày 25/8/2021 về việc triển khai xây dựng Đề án Phân cấp trong giải quyết TTHC, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính

phủ để rà soát, đánh giá, đề xuất phương án phân cấp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đáp ứng yêu cầu đề ra (Phương án phân cấp thuộc phạm vi quản lý của Bộ đươc phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Trên cơ sở Quyết định số 1015/QĐ-TTg cũng như chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã tích cực, khẩn trương nghiên cứu các giải pháp thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC đã được phê duyệt một cách hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Đến nay, Bộ đã thực thi phương án phân cấp trong lĩnh vực luật sư, hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc ủy quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch và nuôi con nuôi để thực thi phương án phân cấp trong thời gian chờ sửa đổi, bổ sung vản bản quy phạm pháp luật. Trong năm 2024, Bộ cũng đã xây dựng, trình Chính phủ các dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn để đảm bảo lộ trình thực thi các phương án đơn giản hóa quy định, TTHC đã được phê duyệt, trong đó có phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc các lĩnh vực: Nuôi con nuôi, chứng thực, bổ trợ tư pháp (dự kiến ban hành trong tháng 12/2024).

Hiện nay, Bộ đang tiếp tục rà soát, nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi các phương án phân cấp trong giải quyết TTHC còn lại, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, giữa các chương trình, kế hoạch cải cách TTHC trên cơ sở Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh và Chương trình công tác của Chính phủ.

II. QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn hoặc quy định cụ thể về trường hợp xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu đã bị thế chấp *(UBND tỉnh Bến Tre)*.

Trả lời:

Đối với việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu đã bị thế chấp, hiện nay, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự, thì xử lý như sau:

a) Bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước;

b) Bên nhận thế chấp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xử lý tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi được xử lý có giá trị lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm, mà cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chưa nộp đủ khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước, thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm;

c) Bên nhận thế chấp không thực hiện nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu trong thời hạn quy định, thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng hoặc lĩnh vực khác có liên quan".

2. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 166/2013/NĐ-CP hoặc tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 *(UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bến Tre, Ninh Thuận)*.

Trả lời:

Việc chủ trì, tham mưu cho Chính phủ xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm của Bộ Công an. Hiện nay, Bộ Công an đang nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 166/2013/NĐ-CP sau khi được Bộ Tư pháp thẩm định[3].

3. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm phối hợp các Bộ, ngành Trung ương tham mưu Thủ tướng Chính phủ sớm xác định lĩnh vực trọng tâm liên ngành của năm theo quy định; phối hợp các Bộ, ngành Trung ương triển khai việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, đặc biệt là các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành Trung ương theo hệ thống ngành dọc để các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố thực hiện và phối hợp thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

[3] Báo cáo thẩm định số 302/BCTĐ-BTP ngày 06/12/2024 của Bộ Tư pháp.

Khoản 2 Điều 11a Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) quy định *"Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch"*.

Điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 quy định: *"..., Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch"*.

Thực hiện các quy định về thẩm quyền, thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, hằng năm, Bộ Tư pháp luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc triển khai đồng bộ các hoạt động xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn, phát huy ý nghĩa, vai trò của cơ chế phối hợp.

Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đặc biệt là vấn đề quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm nghiên cứu và hướng dẫn, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được tổng hợp và phản ánh trong báo cáo định kỳ, đột xuất của địa phương về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương, hằng năm, Bộ Tư pháp đã tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được phản ánh trong báo cáo định kỳ, đột xuất của các địa phương, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để giải quyết những khó khăn, vướng mắc đó. Trong trường hợp những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ những quy định của pháp luật, Bộ Tư pháp đều tổng hợp và đề xuất sửa đổi,

bổ sung quy định của pháp luật để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đó nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các lợp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ TDTHTHPL, XLVPHC cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính. Đặc biệt là những người trực tiếp xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính để hạn chế sai sót khi thi hành công vụ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp *(UBND các tỉnh: Bình Định, Bình Dương, Bắc Kạn, Hà Nam, Lai Châu, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Trong những năm qua, Bộ Tư pháp luôn quan tâm, chú trọng đến công tác tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính ở các Bộ, ngành, địa phương. Bộ Tư pháp cũng thường xuyên cử báo cáo viên của Bộ truyền đạt, trao đổi tại các hội nghị tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở các Bộ, ngành, địa phương.

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của các địa phương nói trên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục ưu tiên thực hiện hoạt động tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho cán bộ, công chức, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính ở các địa phương.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu sửa đổi Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính *(UBND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Bình).*

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ được giao, ngày 28/6/2024, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 53/TTr-BTP trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về XLVPHC; kịp thời sửa đổi, bổ sung những điểm bất cập, hạn chế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi khi áp dụng thực hiện *(UBND các tỉnh: Bình Định, Quảng Bình).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của các địa phương và xin cung cấp

thêm thông tin như sau: Trong năm 2024, Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh,… Trên cơ sở các nghị định được sửa đổi, bổ sung, Bộ Tư pháp cũng đang tiến hành xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan, thường xuyên thực hiện góp ý, thẩm định các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết hoặc hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập và bảo đảm phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, bất cập của quy định pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu các giải pháp hoàn thiện thể chế pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, công chức và nhân dân về vị trí, vai trò của công tác này *(UBND tỉnh Hà Nam).*

Trả lời:

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về theo dõi tình hình thi hành pháp luật đã được nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện qua từng thời kỳ nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu do thực tiễn đặt ra. Ngày 15/8/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BTP quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Thông tư số 08/2024/TT-BTP được ban hành nhằm quy định một cách cụ thể các tiêu chí định lượng để xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, bước đầu phân định cụ thể trách

nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật và cơ chế báo cáo, tổng hợp báo cáo trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, góp phần tổ chức triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đi vào nền nếp, thực chất, hiệu quả.

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ (ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ) để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án *"Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2025 - 2030"*, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tích cực, chủ động nghiên cứu, triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án nêu trên với mục tiêu góp phần nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định cụ thể về đối tượng theo dõi, trách nhiệm, thẩm quyền của các chủ thể thực hiện theo dõi, đặc biệt là thẩm quyền xử lý khi phát hiện vi phạm trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật; ban hành tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân *(UBND TP. Hải Phòng)*.

Trả lời:

Thứ nhất, về đối tượng theo dõi, trách nhiệm, thẩm quyền của các chủ thể thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nội dung nêu trên đã được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) - sau đây gọi là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, cụ thể:

(i) Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

(ii) Trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Các điều 5, 15, 16 và 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

(iii) Trách nhiệm phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Điều 18 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

(iv) Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

Tuy nhiên, ghi nhận ý kiến của UBND TP. Hải Phòng, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác tổ chức thi hành pháp luật nói chung.

Thứ hai, về tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan,

tổ chức và cá nhân. Ngày 15/8/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 08/2024/TT-BTP quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 08/2024/TT-BTP đã có quy định về mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cụ thể:

"Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân được xem xét, đánh giá trên cơ sở những nội dung cơ bản sau:

a) Tình hình vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ;

b) Tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật".

Đây là những tiêu chí định lượng bước đầu để xem xét, đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, ghi nhận ý kiến phản ánh của UBND TP. Hải Phòng, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy định này trong thời gian tới và trong trường hợp cần thiết, sẽ tiến hành sửa đổi, bổ sung quy định nêu trên để bảo đảm phù hợp.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu Chính phủ xây dựng Cơ sở Dữ liệu quốc gia về XLVPHC để giúp cho việc theo dõi, đánh giá đảm bảo tính chính xác, góp phần quản lý tốt công tác XLVPHC tại các địa phương và cả nước *(UBND tỉnh Bình Phước).*

Trả lời:

Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 957/QĐ-BTP ngày 03/6/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1 và Quyết định số 737/QĐ-BTP ngày 25/4/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính - Giai đoạn 1. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang thực hiện các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

11. Tại điểm c khoản 6 Điều 40a Nghị định số 119/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản được bổ sung tại khoản 29 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử và Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản quy định thẩm quyền xử

phạt như sau:

"c) Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 7; điểm a khoản 1 Điều 9; các khoản 1, 2 và 3 Điều 11; điểm a khoản 1 Điều 13; các khoản 1 và 2 Điều 16; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 20; khoản 3 Điều 21; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 22; các khoản 1, 2 và 3, các điểm c, đ, e và g khoản 4 Điều 23; khoản 1 Điều 25; Điều 26; các khoản 1 và 2, điểm b khoản 3, các khoản 4 và 5 Điều 27; các khoản 1 và 2, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 28; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 28a; các khoản 1 và 2 Điều 28c; điểm c khoản 1, các điểm b, c và d khoản 2, các điểm b và c khoản 3, các điểm d, đ, e và g khoản 4 Điều 29; khoản 1, điểm d khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Nghị định này;"

Theo đó, Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP.

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP quy định:

"2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân."

Tại điểm c, đ khoản 8 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP quy định khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân quy định tại khoản 2,3 Điều 6 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP như sau:

"c) Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 2 như sau:

"2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong

các hành vi sau đây:".

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng tư cách nhà báo, phóng viên để trục lợi.".

Như vậy, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 40a Nghị định số 119/2020/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 29 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP thì Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền phạt tiền tối đa đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP; có thẩm quyền phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 119/2020/NĐ-CP.

Tuy nhiên, tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền phạt tiền của Trưởng công an cấp huyện như sau:

"b) Phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật này nhưng không quá 25.000.000 đồng;"

Như vậy, quy định tại điểm c khoản 6 Điều 40a Nghị định số 119/2020/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 29 Điều 2 Nghị định số 14/2022/NĐ-CP không phù hợp với quy định tại tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, sửa đổi cho phù hợp.

Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung: Trong trường hợp đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ khác nhưng tỉnh chưa có Chủ tịch UBND tỉnh mới thay thế thì việc xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện như thế nào? *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

- Đối với kiến nghị "Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông rà soát, sửa đổi cho phù hợp đối với mức tiền phạt tối đa của Trưởng Công an cấp huyện được quy định tại Nghị định số 119/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP để phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính":

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của địa phương và sẽ có ý kiến khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022).

- Đối với kiến nghị "Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung: Trong trường hợp đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ khác nhưng tỉnh chưa có Chủ tịch tỉnh mới thay thế thì việc xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh được thực hiện như thế nào?":

Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *"Người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử phạt, thì có thẩm quyền xử phạt và được giao quyền xử phạt, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính như cấp trưởng"*. Như vậy, trong thời gian địa phương chưa có Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh mới thay thế, nếu có người được giao quyền/phụ trách hoạt động của UBND tỉnh thì việc xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh sẽ do người được giao quyền/phụ trách hoạt động của UBND tỉnh thực hiện.

III. PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành quy định, hướng dẫn thực hiện tích hợp, vận hành trang thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh với Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia *(UBND tỉnh Vĩnh Long)*.

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021", Bộ Tư pháp đã xây dựng Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia (địa chỉ: https://pbgdpl.gov.vn/Pages/Home.aspx). Đến nay, sau một thời gian vận hành thử nghiệm, Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia hoạt động cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu thông tin pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Việc tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia với Cổng/Trang thông tin PBGDPL của Bộ, ngành, địa phương được Bộ Tư pháp xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn, đồng bộ, thống nhất về hệ thống hạ tầng thông tin giữa Trung ương và địa phương. Vì vậy, hiện nay Bộ Tư pháp đã đề xuất giải pháp thực hiện nhiệm vụ này trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư công "Xây dựng hệ thống thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật" năm 2025. Sau khi hoàn thành, Bộ Tư pháp sẽ kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn để Bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ này.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung thêm chuyên mục cảnh báo rủi ro pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; cập nhật các phán quyết, quyết định của trọng

tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai để các doanh nghiệp tham khảo trong quá trình sản xuất kinh doanh *(UBND tỉnh Lào Cai).*

Trả lời:

Trong thời gian qua, Trang Thông tin điện tử về Hỗ trợ pháp lý dành cho doanh nghiệp (tại địa chỉ: https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/TrangChu.aspx) được Bộ Tư pháp xây dựng và vận hành là kênh cung cấp thông tin quan trọng phục vụ nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030", đến hết năm 2025, Bộ Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng, duy trì, cập nhật và vận hành Cổng Thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì vậy, hiện nay Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, rà soát và đề xuất giải pháp nhằm xây dựng Cổng Thông tin điện tử quốc gia về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên cơ sở nâng cấp Trang Thông tin điện tử hiện có và có sự liên kết trong tổng thể hệ thống thông tin về PBGDPL của Bộ Tư pháp. Tiếp thu ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tổng hợp, lựa chọn nội dung, xây dựng giao diện của Cổng nhằm đáp ứng tốt nhất, hiệu quả nhất nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục phối hợp có hiệu quả trong việc cung cấp thông tin, nguồn dữ liệu liên quan đến công tác này để kịp thời đăng tải, cập nhật trên Trang/Cổng Thông tin điện tử về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan: Nghiên cứu, triển khai xây dựng Hệ thống phần mềm điện tử đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc *(UBND tỉnh Lào Cai).*

Đề nghị Bộ Tư pháp ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Phần mềm điện tử đánh giá tiếp cận pháp luật, số hóa dữ liệu thực hiện từ xã, phường, thị trấn đồng bộ về cấp huyện, cấp tỉnh và Bộ Tư pháp để tạo thuận lợi trong việc cập nhật, tổng hợp số liệu, tài liệu đánh giá, rút ngắn thời gian, công sức, tăng hiệu quả của người trực tiếp tham mưu thực hiện nội dung chuẩn tiếp cận pháp luật *(UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Việc xây dựng Hệ thống Phần mềm điện tử phục vụ việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ quan trọng được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp thực hiện tại Quyết định số

25/2021/QĐ-TTg[4]. Thực hiện nhiệm vụ này, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã thực hiện các cuộc khảo sát[5] để xác định nhu cầu và thực trạng đáp ứng xây dựng, vận hành phần mềm. Kết quả khảo sát cho thấy bên cạnh đa số ý kiến khẳng định sự cần thiết phải sớm xây dựng và triển khai phần mềm nêu trên, một số ý kiến cho rằng việc xây dựng phần mềm này không thực sự cần thiết vì các nguyên nhân, như: Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật chỉ thực hiện mỗi năm một lần. Hiện nay, cấp huyện và xã đang triển khai rất nhiều phần mềm phục vụ công tác (phần mềm thống kê, phần mềm hộ tịch, phần mềm 01 cửa, dịch vụ công quốc gia, dịch vụ công của các tỉnh...). Nếu tiếp tục xây dựng và đưa vào sử dụng phần mềm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dẫn đến việc tài liệu, thông tin được lưu trữ lặp lại, công chức phải dành nhiều thời gian nhập dữ liệu (bởi các phần mềm đang độc lập, chưa liên thông, chưa sử dụng chung dữ liệu). Trong khi đó, khối lượng công việc của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã rất lớn và thường xuyên luân chuyển, thay đổi vị trí công tác. Do đó, việc có thêm phần mềm gây khó khăn và tốn kém chi phí cho địa phương trong xây dựng và vận hành.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, hiện nay Bộ Tư pháp đang tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất giải pháp khả thi để xây dựng Hệ thống Phần mềm đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với việc triển khai Dự án đầu tư công về xây dựng "Hệ thống thông tin PBGDPL" bảo đảm tính tiện ích, thống nhất, kết nối liên thông, đáp ứng hiệu quả công tác này trong thời gian tới.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chí, chỉ tiêu "tiếp cận pháp luật" thuộc các Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, thay thế Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh *(UBND tỉnh Lào Cai).*

Trả lời:

Ngày 20/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1143/QĐ-BTP ban hành Hướng dẫn nội dung tiêu chí, chỉ tiêu "tiếp cận pháp luật" trong đánh giá nông thôn mới và đô thị văn minh (thay thế Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2023), văn bản đã được phát hành trên trục liên thông văn bản quốc gia và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng Thông tin điện tử

[4] Quyết định số 1320/QĐ-BTP ngày 28/8/2021

[5] Năm 2023 khảo sát trực tiếp tại các tỉnh: Quảng Ngãi, Hoà Bình, Trà Vinh, Sơn La; năm 2024 thực hiện khảo sát trực tuyến trên phạm vi toàn quốc đối với Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch.

phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia. Đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai nói riêng, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nói chung kịp thời chỉ đạo các Sở Tư pháp tham mưu tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công tác này trong thời gian tới.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị với Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn tài chính các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, sửa đổi định mức tài chính cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp *(UBND tỉnh Lào Cai).*

Trả lời:

Ngày 29/7/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 64/2021/TT-BTC hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc ban hành Thông tư số 64/2021/TT-BTC đã kịp thời đáp ứng yêu cầu về việc bổ sung nội dung chi, tăng định mức chi kinh phí triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đồng thời, các quy định tại Thông tư số 64 cũng đã bảo đảm mặt bằng định mức chung trong hệ thống các quy định tài chính để triển khai các công việc, nhiệm vụ có tính chất tương tự thông qua việc dẫn chiếu để áp dụng thống nhất.

Qua tổng hợp, đến nay Bộ Tư pháp chưa nhận được ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư số 64 của Bộ, ngành, địa phương. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định để triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nói chung, quy định về cơ chế tài chính phục vụ nhiệm vụ này nói riêng để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hướng dẫn cụ thể về việc triển khai thực hiện các Đề án mới trong công tác *(UBND các tỉnh Bình Định, Quảng Ninh, Quảng Trí).*

Trả lời:

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Hoà giải ở cơ sở, Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành đều có quy định phân cấp, giao trách nhiệm cụ thể cho các cấp chính quyền địa phương trong tổ chức hoạt động tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ trong công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước thống nhất trong các công tác này, thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn xác định việc nâng cao chất lượng nguồn nhân

lực để thực hiện công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua các hoạt động hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ, kịp thời hướng dẫn triển khai các Đề án, chương trình mới được ban hành là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên triển khai. Theo đó, Bộ đã tập trung tổ chức nhiều hoạt động tập huấn trong công tác PBGDPL[6], hoà giải ở cơ sở[7] và chuẩn tiếp cận pháp luật[8]; đồng thời, cử nhiều lượt báo cáo viên pháp luật trung ương của Bộ đi trực tiếp hỗ trợ tập huấn cho các bộ, ngành, địa phương về nội dung này.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đã kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện; biên soạn, in ấp tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng các video bài giảng hướng dẫn nghiệp vụ chuyên đề đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia để hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác có liên quan.

Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương trong thời gian tới tiếp tục quan tâm, chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ này theo trách nhiệm được giao. Đồng thời, chủ động trao đổi, gửi đề xuất về các nội dung cụ thể cần hỗ trợ tập huấn để Bộ Tư pháp xem xét, cân đối chung trong tổng thể kế hoạch công tác 2025 và nguồn lực được giao để phối hợp thực hiện bảo đảm hiệu quả.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện các quy định về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP *(UBND tỉnh Bình Định).*

Trả lời:

Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã hướng dẫn chi tiết việc thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg (quy định các tiêu chí, chỉ tiêu, điểm số, cách tính điểm, tài liệu đánh giá, quy trình đánh giá, thời hạn đánh giá và các biểu mẫu phục vụ đánh giá…). Đồng thời, ngay sau khi Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ban hành, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1320/QĐ-BTP ngày 18/8/2021 về Kế hoạch triển khai

---

[6] Năm 2023, tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông dự thảo chính sách cho lãnh đạo Sở Tư pháp, báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (khu vực phía Bắc tại tỉnh Phú Thọ, khu vực phía Nam tại thành phố Cần Thơ); năm 2024, tổ chức Hội nghị tập huấn kỹ năng PBGDPL, hướng dẫn triển khai thực hiện 02 Đề án mới được Thủ tướng Chính phủ ban hành là Đề án "Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030" và Đề án "Nâng cao năng lực đội ngũ hoà giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030" theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên cả nước (ngày 11/7/2024); tổ chức tập huấn điểm kỹ năng truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại các tỉnh Nam Định, Kon Tum, Sóc Trăng.

[7] Từ năm 2022 đến nay, Bộ Tư pháp đã tổ chức 12 Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên, tập huấn viên về hòa giải ở cơ sở tại các tỉnh trên cả nước và cử gần 10 lượt báo cáo viên pháp luật trung ương hỗ trợ tập huấn cho địa phương;

[8] Từ năm 2022 đến nay Bộ Tư pháp đã tổ chức 16 lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho một số địa phương đại diện theo vùng, miền; cử 13 lượt báo cáo viên pháp luật trung ương hỗ trợ tập huấn tại các Hội nghị, Tọa đàm do địa phương tổ chức; tổ chức 03 Hội thảo đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP trong đó có nội dung hướng dẫn triển khai và giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong triển khai công tác này.

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Trong quá trình theo dõi việc thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp đã ban hành 14 văn bản hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc của địa phương về triển khai thực hiện các nội dung cụ thể liên quan đến quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP[9]. Các văn bản này được đăng tải trên Công thông tin điện tử PBGDPL quốc gia (chuyên mục "Công tác chuẩn tiếp cận pháp luật"/mục "Văn bản hướng dẫn nghiệp vụ") để các địa phương tham khảo, thực hiện.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP bằng nhiều hình thức khác, cụ thể như: (i) Biên soạn, in ấn 9.500 cuốn Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật và cấp phát cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, ưu tiên địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn; (ii) Xây dựng 04 video bài giảng điện tử theo chuyên đề hướng dẫn triển khai Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP; (iii) Từ năm 2022 đến năm 2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức 16 lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn TCPL cho một số địa phương đại diện theo vùng, miền; cử 13 lượt báo cáo viên pháp luật trung ương hỗ trợ tập huấn tại các Hội nghị, Tọa đàm do địa phương tổ chức; tổ chức 03 Hội thảo đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP trong đó có nội dung hướng dẫn triển khai và giải đáp các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong triển khai công tác này.

Trên cơ sở các văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP do Bộ Tư pháp ban hành, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Bình Định nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn. Nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp nghiên cứu, giải quyết.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật cấp tỉnh; bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp *(UBND các tỉnh: Bình Định, Bình Dương).*

---

[9] Công văn số: 745/BTP-PBGDPL ngày 14/3/2022 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố; 1217/BTP-PBGDPL ngày 19/4/2022 về việc trả lời kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk; 4138/BTP-PBGDPL ngày 24/10/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang; 4294/BTP-PBGDPL ngày 01/11/2022 gửi Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; 1445/BTP-PBGDPL ngày 17/4/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi; 2069/BTP-PBGDPL ngày 26/5/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; 2609/BTP-PBGDPL ngày 23/6/2023 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố; 568/PBGDPL-TCHG ngày 13/11/2023 gửi Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang; 628/PBGDPL-TCHG ngày 04/12/2023 gửi Sở Tư pháp thành phố Hà Nội; 573/HĐPH-PBGDPL ngày 30/01/2024 gửi UBND các tỉnh, thành phố; 3727/BTP-PBGDPL ngày 04/7/2024 trả lời kiến nghị của Hội đồng PBGDPL tỉnh Tây Ninh; 234/KHTC-VP ngày 09/5/2024 trả lời kiến nghị của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ; 6496/BTP-PBGDPL ngày 12/11/2024 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố; 6979/BTP-PBGDPL ngày 04/12/2024 gửi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố.

Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức ngành Tư pháp tại địa phương nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu, nhiệm vụ được giao *(UBND các tỉnh: Bình Định, Bình Dương, Bắc Kạn, Lai Châu).*

Trả lời:

Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 và Đề án "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030" theo Quyết định số 345/QĐ-TTg ngày 05/4/2023, trong năm qua, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để trao đổi, khảo sát nắm bắt nhu cầu về hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho doanh nghiệp và đội ngũ thực hiện công tác này[10]. Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của địa phương, Bộ Tư pháp đã tổ chức 17 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho doanh nghiệp tại 16 địa phương[11] (trong đó có sự tham dự của đội ngũ tư vấn viên) về nội dung các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp, tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp[12]. Thông qua việc tổ chức các hoạt động này đã giúp Bộ Tư pháp kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, nhu cầu, kiến nghị, đề xuất trong triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, là cơ sở để Bộ Tư pháp tiếp tục tăng cường tổ chức các hoạt động thiết thực trong năm 2025. Bộ Tư pháp đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp trong việc chủ động, khẩn trương đề xuất nhu cầu về hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho doanh nghiệp và các đối tượng liên quan để Bộ Tư pháp tổng hợp, xây dựng kế hoạch hoạt động của công tác này năm 2025 bảo đảm phù hợp và đáp ứng tối đa nhu cầu, mong muốn của địa phương.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm đưa vào vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia *(UBND tỉnh Quảng Bình).*

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật, trong thời gian qua Bộ Tư pháp đã tích cực nghiên cứu, tìm kiếm các

---

[10] Công văn số 2980/BTP-PBGDPL ngày 30/5/2024 v/v triển khai một số nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Nghị quyết số 66/NQ-CP.

[11] Bắc Giang (05/11), Hà Giang (06/11), Bà Rịa-Vũng Tàu (14/11), Thanh Hóa (21/11), Đồng Nai (28/11), Bình Dương (01/7), Khánh Hòa (22/7), Lạng Sơn (28/10), Kon Tum (26/11), Vĩnh Long (28/11), Đắk Lắk (25/11), Cần Thơ (30/11), thành phố Hà Nội (07/12), Cà Mau (15/8), Hưng Yên (25/10) và Quảng Ngãi (11/11).

[12] Luật Đất đai năm 2024; Luật Nhà ở năm 2023; Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; Luật Doanh nghiệp; những rủi ro của hợp đồng góp vốn trong giao dịch bất động sản; kỹ năng đàm phán ký kết hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh cho doanh nghiệp; Luật Đấu thầu năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; pháp luật doanh nghiệp (quản lý vốn và tài sản) trong doanh nghiệp; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP...

giải pháp khả thi phục vụ việc xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia gắn với quá trình xây dựng, vận hành Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia và việc triển khai Dự án đầu tư công về "Xây dựng hệ thống thông tin PBGDPL" do Bộ Tư pháp chủ trì thực hiện năm 2025. Theo đó, nhiệm vụ xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử được xác định là hạng mục quan trọng của Dự án này. Vì vậy, thời gian tới Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia sẽ được triển khai để các Bộ, ngành, địa phương khai thác, sử dụng.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành kế hoạch hoặc hướng dẫn về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương sớm để địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí thực hiện *(UBND tỉnh Yên Bái).*

Trả lời:

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước theo quy định của Luật Phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL), hằng năm, Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, Bộ Tư pháp đều ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó hướng dẫn các nội dung nhiệm vụ trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý được giao. Năm 2024, Bộ Tư pháp đã tham mưu Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật gửi các bộ, ngành, địa phương để làm căn cứ, định hướng giúp các địa phương xây dựng Kế hoạch công tác PBGDPL, hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương mình[13]; hướng dẫn công tác PBGDPL dịp Tết Nguyên đán và định hướng một số vấn đề trọng tâm mà xã hội quan tâm cần PBGDPL[14]. Bên cạnh đó, tại các kế hoạch, chương trình, đề án của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đều đề nghị các địa phương căn cứ điều kiện, yêu cầu thực tiễn của từng địa phương để chủ động tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án về PBGDPL cho phù hợp, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án phát triển kinh tế - xã hội; có các giải pháp đẩy mạnh việc huy động nguồn lực xã hội tham gia, hỗ trợ công tác PBGDPL.

Tiếp thu ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ chú trọng tăng cường, kịp thời hơn trong ban hành kế hoạch, hướng dẫn về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật bảo đảm, kịp thời.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục đa dạng các tài liệu tuyên truyền về Hiến pháp, các VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên để có thể cung cấp cho các địa phương phục vụ công tác tuyên truyền *(UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

---

[13] Công văn số 573/HĐPH-PBGDPL ngày 31/01/2024.
[14] Công văn số 446/HĐPH ngày 24/01/2024.

Trả lời:

Điều 25 Luật PBGDPL năm 2012 quy định trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm: "Xác định nội dung và hình thức PBGDPL phù hợp với từng nhóm đối tượng; biên soạn tài liệu và phổ biến kiến thức pháp luật chuyên ngành; bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của nhân dân". Vì vậy, phải khẳng định việc biên soạn tài liệu để phổ biến, giới thiệu nội dung các văn bản pháp luật chuyên ngành thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương chủ trì soạn thảo văn bản.

Thực hiện chức năng giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công tác PBGDPL theo quy định của Luật PBGDPL, hằng năm, Bộ Tư pháp đều phối hợp với các Bộ, ngành chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua xây dựng Tài liệu giới thiệu các văn bản này và kịp thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia làm tài liệu phục vụ công tác PBGDPL của các Bộ, ngành, địa phương[15].

Bên cạnh đó, trong phạm vi nguồn lực triển khai các chương trình, đề án về PBGDPL có liên quan, Bộ Tư pháp đã chủ động biên soạn một số tài liệu phổ biến các quy định cụ thể và đa dạng hoá về hình thức thể hiện (tình huống hỏi đáp, tiểu phẩm pháp luật, tờ gấp, infographic, video bài giảng trực tuyến…). Các tài liệu này cũng được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia để cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên cả nước tra cứu, tìm hiểu.

Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương chủ động khai thác nguồn tài liệu được cung cấp và tổ chức biên tập với nội dung phù hợp để phục vụ công tác PBGDPL tại địa phương mình, cho từng đối tượng, lĩnh vực, địa bàn cụ thể, đáp ứng hiệu quả yêu cầu kịp thời đưa pháp luật đi vào cuộc sống.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp có cơ chế, chính sách chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; phát triển tủ sách pháp luật điện tử để người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước thuận lợi trong tra cứu,… *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Trong thời gian qua, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL đã được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện, đạt được những kết quả cụ thể với nhiều hình thức phong phú để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân. Bộ Tư pháp xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực PBGDPL là giải pháp quan trọng, mang tính đột phá nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác PBGDPL

[15]Năm 2024 đã đăng tải 10 đề cương tuyên truyền, phổ biến các Luật mới được ban hành

đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thực hiện chỉ đạo mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong thời gian gần đây. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì tham mưu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án "Chuyển đổi số trong công tác PBGDPL" vào tháng 12/2024 nhằm tạo cơ sở pháp lý, cơ chế, chính sách cho công tác này, đồng thời khẩn trương triển khai thực hiện Dự án đầu tư công trung hạn "Xây dựng hệ thống thông tin PBGDPL", trong đó, sẽ triển khai đầu tư xây dựng phần mềm thông tin PBGDPL phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống quản lý, nghiệp vụ PBGDPL toàn quốc; phần mềm tương tác người dân và doanh nghiệp, các phần mềm trên nền tảng di động, mạng xã hội; xây dựng Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia.

IV. HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

1. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu nâng cấp Hệ thống đăng ký quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp, Phần mềm hộ tịch 158 để hạn chế tình trạng lỗi, chậm xử lý trong quá trình nhập liệu hộ tịch *(UBND các tỉnh: Bến Tre, Bình Dương, Ninh Thuận, Đồng Nai, Đồng Tháp, Quảng Bình, Thái Nguyên, Tiền Giang)*.

Trả lời:

Hiện tại cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin của Bộ Tư pháp đã được bổ sung, tích hợp hạ tầng mới cho Trung tâm dữ liệu điện tử của Bộ, cơ bản đã khắc phục những khó khăn, vướng mắc của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung. Tuy nhiên, do lượng dữ liệu, người dùng lớn nên một số thời điểm vẫn xảy ra lỗi.

Việc có một số lỗi xảy ra phụ thuộc vào từng thời điểm, đường truyền, cũng như cơ sở hạ tầng của cả cơ quan Trung ương và địa phương. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai rà soát, nâng cấp, có kế hoạch trang bị máy tính, trang thiết bị phù hợp (kiến nghị tại Công văn số 1993/BTP-HTQTCT ngày 19/4/2024) phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch để việc sử dụng Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp được thông suốt, tránh tình trạng chậm, treo và một số lỗi kỹ thuật phát sinh trong thời gian qua. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục ưu tiên bố trí hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hoá hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) đã bổ sung

thêm số tổng đài Hỗ trợ người dùng Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch (Số điện thoại: 1900.8888.01) để các đơn vị liên hệ khi cần hỗ trợ, đồng thời, tiếp tục tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc về kỹ thuật thông qua các Nhóm tương tác với địa phương.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hộ tịch *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

Ngày 18/12/2022, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết 06 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch. Hội nghị đã đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong thi hành Luật Hộ tịch và tạo diễn đàn cho các cơ quan Trung ương và địa phương trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm triển khai, phối hợp thực hiện Luật Hộ tịch, kiến nghị, đề xuất những giải pháp khắc phục những khó khăn, vướng mắc.

Ghi nhận ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, kịp thời đề xuất, kiến nghị các giải pháp hoàn thiện thể chế, khắc phục những tồn tại bất cập, nâng cao chất lượng công tác hộ tịch trong thời gian tới, đáp ứng tốt nhu cầu đăng ký hộ tịch của người dân, hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

Trên cơ sở ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ rà soát, nghiên cứu các đề xuất, kiến nghị để có các giải pháp hoàn thiện thể chế, khắc phục những tồn tại bất cập, nâng cao chất lượng công tác chứng thực trong thời gian tới.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch:

- Thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh ra tại Việt Nam có mẹ là công dân Việt Nam, cha là công dân nước ngoài khi người mẹ không thể liên lạc được với người cha ở nước ngoài để thỏa thuận về quốc tịch, họ,… (việc ghi vào Giấy khai sinh nội dung về quốc tịch, họ, dân tộc, quê quán như thế nào)

- Thực hiện đăng ký khai sinh, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trường hợp một người bị lừa bán sang Trung Quốc nhiều năm, nay trở về Việt Nam thông qua con đường tiểu ngạch không còn bất kỳ giấy tờ tùy thân nào *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

4.1. *Thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh ra tại Việt Nam có mẹ là công dân Việt Nam, cha là công dân nước ngoài khi người mẹ không thể liên lạc được với người cha ở nước ngoài để thỏa thuận về quốc tịch, họ,… (việc ghi vào Giấy khai sinh nội dung về quốc tịch, họ, dân tộc, quê quán như thế nào)?:*

Về nguyên tắc, con sinh ra do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng, nên khi đăng ký khai sinh cho trẻ sẽ có đầy đủ thông tin người cha, người mẹ trong Giấy khai sinh.

Trường hợp người mẹ không thể liên lạc được với người cha để thỏa thuận lựa chọn quốc tịch cho con, thì để bảo đảm quyền đăng ký khai sinh và các quyền lợi khác của trẻ em, Sở Tư pháp chỉ đạo cơ quan đăng ký hộ tịch kiểm tra, xác minh, cung cấp đầy đủ căn cứ chứng minh về việc không thể liên lạc với người cha để làm cơ sở áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch Việt Nam, trong xác định quốc tịch cho trẻ khi đăng ký khai sinh, việc xác định họ, dân tộc, quê quán của trẻ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch .

4.2. *Thực hiện đăng ký khai sinh, cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam trường hợp một người bị lừa bán sang Trung Quốc nhiều năm, nay trở về Việt Nam thông qua con đường tiểu ngạch không còn bất kỳ giấy tờ tùy thân nào:*

Căn cứ Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, trong đó tại Điều 31 quy định đối với những trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh, kể cả Giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nhưng trên đó ghi họ tên Việt Nam của người yêu cầu và cha, mẹ của người đó; Hộ chiếu, Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân), thì Sở Tư pháp hướng dẫn người yêu cầu xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam lập bản khai lý lịch, kèm theo một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP để làm cơ sở xác minh quốc tịch Việt Nam. Trong trường hợp sau khi xác minh có đủ căn cứ thì Sở Tư pháp thực hiện việc cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam cho người có yêu cầu.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời bổ sung thông tin những địa danh hành chính cũ vào Phần mềm hộ tịch 158 và Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý

hộ tịch để các địa phương thực hiện và hoàn thành tiến độ số hóa dữ liệu hộ tịch từ Sổ hộ tịch trong năm 2024 *(UBND tỉnh Ninh Thuận)*.

Trả lời:

Hiện tại, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực phối hợp với Cục Công nghệ thông tin cập nhật trên Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch các địa danh hành chính có sự thay đổi từ trước năm 2016 và từ năm 2016 đến nay. Trường hợp phát sinh địa danh hành chính chưa được cập nhật đề nghị Sở Tư pháp có văn bản gửi về Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) để tiếp tục cập nhật.

6. Hiện nay Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn chưa có quy định, hướng dẫn cải chính các nội dung đăng ký hộ tịch khác của người đã chết, đặc biệt là cải chính Giấy khai sinh. Trong khi đó, nhu cầu cải chính đối với thông tin của người chết để thực hiện các quan hệ dân sự rất nhiều nhưng không giải quyết được dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của công dân. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến, hướng dẫn chung nhằm tháo gỡ vướng mắc đối với vấn đề này *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Cải chính hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch là việc chỉnh sửa thông tin cá nhân trong Sổ hộ tịch hoặc trong bản chính giấy tờ hộ tịch và chỉ được thực hiện theo yêu cầu của người có giấy tờ hộ tịch khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch. Vì vậy, pháp luật hộ tịch hiện hành mới chỉ có quy định hướng dẫn việc cải chính nội dung đăng ký khai tử (Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020), chưa có quy định hướng dẫn cải chính các giấy tờ hộ tịch khác của người đã chết, trong đó có Giấy khai sinh. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền lợi của người dân trong các quan hệ dân sự, bảo đảm tính chính xác của nội dung đăng ký hộ tịch, nếu người thân thích của người chết cung cấp được các hồ sơ, giấy tờ liên quan, chứng minh được việc có sai sót trong nội dung đăng ký hộ tịch và bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì cơ quan đăng ký hộ tịch vẫn tiếp nhận, giải quyết yêu cầu cải chính Giấy khai sinh của người đã chết.

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp nội dung này để đề xuất trong quá trình hoàn thiện pháp luật hộ tịch.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp có kiến nghị xem xét điều chỉnh biểu mẫu điện tử liên thông đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - giải quyết mai táng phí, tử tuất trên phần mềm DVCLT: tại mục thông tin người được đăng ký khai tử, phần "Số định danh cá nhân", "ngày cấp " bỏ dấu * - bắt buộc hoặc bổ sung thêm "Số định danh cá nhân/CMND" để nhiều trường hợp chưa có CCCD vẫn

thực hiện được nhóm TTHC liên thông này *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Ghi nhận ý kiến của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ trao đổi với Văn phòng Chính phủ (cơ quan chủ trì soạn thảo, xây dựng Nghị định số 63/2024/NĐ-CP) để nghiên cứu điều chỉnh.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét điều chỉnh quy định thời gian thực hiện việc số hóa dữ liệu hộ tịch theo hướng kéo dài đến hết 30/6/2025 để các địa phương có thời gian số hoá đầy đủ dữ liệu hộ tịch vào Phần mềm hộ tịch 158 của Bộ Tư pháp *(UBND tỉnh Sơn La).*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, việc triển khai số hoá sổ hộ tịch và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp được triển khai từ thời điểm Nghị định số 87/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/9/2020) bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/01/2025.

Để đẩy nhanh quá trình thực hiện số hoá sổ hộ tịch tại các địa phương, từ năm 2022, Bộ Tư pháp đã có các Công văn: Công văn số 1117/BTP-HTQTCT ngày 12/4/2022, Công văn số 2282/BTP-HTQTCT ngày 04/7/2022, Công văn số 1594/BTP-HTQTCT, Công văn số 1595/BTP-HTQTCT, Công văn số 1596/BTP-HTQTCT ngày 01/4/2024, Công văn số 5033/BTP-HTQTCT ngày 09/9/2024 đề nghị UBND các tỉnh quan tâm, ưu tiên bố trí kinh phí đẩy nhanh tiến độ số hóa. Do đó, đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu thực hiện bảo đảm tiến độ theo đúng quy định.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thức phối hợp với đơn vị liên quan của Bộ Công an chủ động đối soát dữ liệu hộ tịch đã được số hóa chuyển vào Phần mềm hộ tịch 158, trên cơ sở đó hướng dẫn địa phương thực hiện có hiệu quả việc đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy trình số 1050/HTQTCT-QLHC ngày 09/11/2022 *(UBND TP. Hà Nội).*

Trả lời:

Theo Quy trình số 1050/HTQTCT-QLHC ngày 09/11/2022 về thực hiện việc đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an thì phạm vi thực hiện là toàn bộ dữ liệu đăng ký hộ tịch của công dân bao gồm các dữ liệu đăng ký mới trong CSDLHTĐT và các dữ liệu đăng ký hộ tịch của công dân được nhập vào CSDLHTĐT thông qua hoạt động số hóa của các địa phương; dữ liệu công dân tương ứng đã được thu thập, lưu giữ trong CSDLQGVDC.

Vì vậy, đề nghị UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Tư pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hoá, hoàn thành việc đẩy dữ liệu số hoá từ Phần mềm hộ tịch 158 vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để Bộ Tư pháp có cơ sở phối hợp với Bộ Công an thực hiện việc rà soát, đối chiếu dữ liệu.

10. Kiến nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an quan tâm hỗ trợ kịp thời, kiểm tra khắc phục hệ thống thông tin quản lý hộ tịch và cấp số định danh cá nhân nhanh hơn để công chức hộ tịch có thể vào xử lý hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ đăng ký hộ tịch đúng hạn theo quy định; kịp thời hỗ trợ địa phương khi có lỗi về kết nối, chậm cấp mã định ; khắc phục lỗi của phần mềm dịch vụ công liên thông*(UBND các tỉnh: An Giang, Bình Dương, Thái Nguyên).*

Trả lời:

- Về một số trường hợp chậm cấp số định danh:

Đối với một số trường hợp lỗi kỹ thuật cụ thể, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 3160/BTP-CNTT ngày 13/9/2021 gửi các địa phương - hướng dẫn xử lý một số vướng mắc trong tiếp nhận số định danh cá nhân khi cập nhật dữ liệu khai sinh vào Phần mềm đăng ký khai sinh điện tử. Bên cạnh văn bản hướng dẫn chung, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thiết lập cơ chế hỗ trợ khắc phục thường xuyên (qua Nhóm Zalo, Telegram). Đề nghị các địa phương quán triệt công chức làm công tác hộ tịch nắm vững các kỹ năng xử lý này, có đầu mối thường xuyên tham gia các nhóm hỗ trợ kỹ thuật để nắm và hướng dẫn cán bộ địa phương khi xảy ra vướng mắc.

- Về việc xử lý các lỗi phát sinh khi cấp số định danh cá nhân:

Để tháo gỡ, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đăng ký khai sinh, cấp số định danh cá nhân, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Cục Công nghệ thông tin), Bộ Công an (Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) đã ký Quy chế phối hợp số 656/QCPH - HTQTCT-CNTT-C06 ngày 01/6/2023 trong việc cấp, hủy, cấp lại Số định danh cá nhân cho công dân. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp, Bộ Công an đang triển khai hướng dẫn các địa phương thực hiện.

Hiện tại, Bộ Tư pháp đang triển khai Dự án "Đầu tư Hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp", Dự án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch" nhằm nâng cấp một cách toàn diện, triệt để Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch. Sau khi hạ tầng được nâng cấp, Cơ sở dữ liệu hộ tịch được hoàn thiện, Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch sẽ hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch trên môi trường điện tử của địa phương.

- Về việc khắc phục lỗi của phần mềm dịch vụ công liên thông

Việc đồng bộ, liên thông hồ sơ là vấn đề kỹ thuật giữa các Hệ thống. Việc

có một số lỗi xảy ra phụ thuộc vào từng thời điểm, đường truyền, cũng như yếu tố cơ sở hạ tầng của cả cơ quan Trung ương và địa phương.

Về giải pháp khắc phục bảo đảm thông suốt trong quá trình giải quyết các hồ sơ đăng ký hộ tịch nói chung và 02 nhóm thủ tục liên thông trên Phần mềm hộ tịch, khai sinh điện tử: Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã triển khai đồng bộ các giải pháp: (i) bổ sung, tích hợp Hạ tầng mới cho Trung tâm dữ liệu điện tử của Bộ (bổ sung 09 máy chủ cho Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch thay thế cho 06 máy chủ ứng dụng cũ, với hiệu năng bằng 1,5 máy chủ cũ, giúp tăng 225% hiệu năng máy chủ, từ cuối tháng 9/2023); (ii) tối ưu hoá một số chức năng của Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử gồm: chuyển thông tin, kết quả đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử sang Phần mềm dịch vụ công liên thông; tối ưu việc đồng bộ trạng thái và kết quả sang Phần mềm dịch vụ công liên thông, rà soát gửi các lỗi bị chặn liên quan đến thiếu số giấy tờ tuỳ thân, thiếu số định danh cá nhân… giúp giảm thời gian thực hiện việc liên thông 02 nhóm thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử; (iii) tăng cường các biện pháp giám sát hệ thống, bố trí thêm nhân lực để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh (tất cả các lỗi hệ thống được phản ánh từ người dùng); (iv) tiếp tục triển khai Dự án "Đầu tư Hạ tầng Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp", Dự án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch" nhằm nâng cấp một cách toàn diện, triệt để Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch.

Đồng thời, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1993/BTP-HTQTCT ngày 19/4/2024 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai rà soát, nâng cấp, có kế hoạch trang bị máy tính, trang thiết bị phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch để việc sử dụng Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch điện tử dùng chung của Bộ Tư pháp được thông suốt, tránh tình trạng chậm, treo và một số lỗi kỹ thuật phát sinh trong thời gian qua (lỗi ký số, lỗi đồng bộ trạng thái hồ sơ…).

Cùng với việc đảm bảo Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch hoạt động ổn định, các đơn vị chuyên môn của Bộ đã, đang và tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn của các Bộ/ngành/địa phương trong việc đảm bảo sự thông suốt giữa các Hệ thống đáp ứng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch của địa phương.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) đã bổ sung thêm số tổng đài Hỗ trợ người dùng Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch (Số điện thoại: 1900.8888.01) để các đơn vị liên hệ khi cần hỗ trợ. Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục ưu tiên bố trí hạ tầng kỹ thuật để tối ưu hoá hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung, đảm bảo hiệu quả trong việc thực hiện 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông; tăng cường hỗ trợ, tháo gỡ vướng mắc về kỹ thuật

thông qua các Nhóm tương tác với địa phương. Đồng thời, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đang phối hợp với Cục Công nghệ thông tin, Cục Chuyển đổi số (Bộ Thông tin và Truyền thông) để làm rõ, khắc phục các trục trặc trong việc kết nối.

11. Kiến nghị Bộ Tư pháp đề nghị, cơ quan quản lý các cửa khẩu biên giới giữa Việt Nam - Campuchia cấp các loại giấy tờ xác nhận việc trẻ em (sinh ra ở nước ngoài mà chưa đăng ký khai sinh) nhập cảnh hợp pháp theo cha, mẹ vào Việt Nam *(UBND tỉnh An Giang).*

Trả lời:

Liên quan đến việc xác nhận việc trẻ em nhập cảnh hợp pháp theo cha, mẹ vào Việt Nam thì phải có giấy tờ đi lại quốc tế (của trẻ hoặc thể hiện trong giấy tờ của người đưa trẻ về), vấn đề này thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, không thuộc chức năng của Bộ Tư pháp.

12. Nhằm triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường quản lý nhà nước trên môi trường điện tử, tránh lãng phí và sử dụng tối đa lợi ích của bản sao điện tử, góp phần thúc đẩy cải cách TTHC, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng công dân số, xã hội số và Chính phủ số, đề nghị Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, ban hành quy định về việc sử dụng bản sao điện tử trong thực hiện TTHC cũng như trong các giao dịch thực tế *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Ngày 30/11/2024, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 8385/VPVP-KSTT về việc chấn chỉnh tình trạng yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực từ bản chính khi thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) gửi các Bộ, ngành, địa phương, trong đó có nội dung chỉ đạo các cơ quan, tổ chức trực thuộc đẩy mạnh triển khai thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/202 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, tăng cường việc tiếp nhận, sử dụng bản sao điện tử trong giải quyết TTHC; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất Văn phòng Chính phủ để điều chỉnh các chỉ tiêu chứng thực bản sao điện tử cho phù hợp *(UBND tỉnh Tiền Giang).*

Trả lời:

Liên quan đến các chỉ tiêu chứng thực bản sao điện tử, đề nghị địa phương có văn bản gửi về Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) để được giải đáp.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp trao đổi, phối hợp với Bộ Công an đẩy nhanh việc xin cấp thẻ thường trú các trường hợp người di cư tự do từ Campuchia về nước đang cư trú trên địa bàn tỉnh *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Triển khai thực hiện Tiểu Đề án 2 trong thời gian được gia hạn, cơ quan Công an đã phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện cấp Thẻ thường trú cho người di cư, tạo điều kiện ổn định cuộc sống. Đối với những trường hợp người di cư tự do từ Campuchia đang cư trú tại tỉnh Bình Dương có yêu cầu cấp Thẻ thường trú nhưng chưa có kết quả, đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Công an tỉnh chủ động liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an để trao đổi nắm tình hình. Đồng thời, Bộ Tư pháp sẽ có công văn trao đổi với Bộ Công an để đẩy nhanh tiến độ cấp Thẻ thường trú cho người di cư tự do từ Campuchia về hiện cư trú tại các tỉnh triển khai Tiểu Đề án 2 và các tỉnh xin áp dụng cơ chế của Tiểu Đề án 2.

15. Để giải quyết vấn đề kết hôn không giá thú, đề nghị Bộ Tư pháp có sự trao đổi, đề xuất với Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao Lào hoặc kiến nghị với Chính phủ Việt Nam có sự trao đổi, đề xuất với Chính phủ Lào có chính sách tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Lào để kết hôn với công dân Việt Nam (có thể quy định cho trưởng bản cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mà không cần phải có xác nhận của Bộ Tư pháp và Cục Lãnh sự Lào); tạo điều kiện cấp các giấy tờ tùy thân cho những trường hợp không có giấy tờ tùy thân để thuận lợi hơn trong việc đăng ký kết hôn *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Ghi nhận kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, tiếp tục trao đổi, đề nghị phía bạn Lào nghiên cứu, có giải pháp tháo gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân 02 nước khi đăng ký kết hôn.

16. Về điều kiện để được nhập quốc tịch Việt Nam là đã thường trú và được cấp Thẻ thường trú, đề nghị sửa đổi quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam theo hướng: Đối với những trường hợp đã được đăng ký kết hôn thì không bắt buộc phải có Thẻ thường trú, không bắt buộc phải có thời gian thường trú là bao lâu mới đủ điều kiện để nhập quốc tịch Việt Nam mà chỉ cần họ có đăng ký cư trú là được *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Để thể hiện mối quan hệ gắn bó của một cá nhân với nhà nước, làm phát sinh quyền - nghĩa vụ qua lại giữa nhà nước và công dân, pháp luật quốc tịch của nhiều quốc gia có quy định điều kiện về cư trú hợp pháp khi xin nhập quốc

tịch (từ 3 đến 10 năm)[16]. Ở nhiều nước, pháp luật về quốc tịch gắn chặt với pháp luật về nhập cư và nhập cảnh để có sự thống nhất về chính sách.

Phù hợp với thông lệ quốc tế, Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam 2008 quy định một trong những điều kiện bắt buộc để được xem xét cho nhập quốc tịch Việt Nam là "thường trú" ở Việt Nam (giấy tờ để chứng minh việc thường trú là được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Thẻ thường trú) từ 05 năm trở lên. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp thì người xin nhập quốc tịch Việt Nam chỉ cần có Thẻ thường trú (không cần phải thường trú đủ 05 năm kể từ ngày được cấp Thẻ), như: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam; có công lao đặc biệt đóng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

17. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn về thẩm quyền đăng ký nhận cha, con kết hợp đăng ký khai sinh cho trường hợp người cha khai người mẹ có quốc tịch Lào nhưng không phải là xã tiếp giáp khu vực biên giới và không liên hệ được với người mẹ *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Đối với kiến nghị này, đề nghị địa phương cung cấp thông tin, hồ sơ cụ thể hơn để Bộ Tư pháp (Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực) có cơ sở hướng dẫn.

18. Đề nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan quan tâm sớm khắc phục, nâng cấp Hệ thống Phần mềm để đảm bảo việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của công chức nhanh chóng, đúng thời hạn nhằm giảm áp lực cho công chức chuyên môn ở địa phương trong quá trình giải quyết TTHC tránh tình trạng hồ sơ bị trễ hạn, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Cụ thể:

- Hiện nay, Bộ Tư pháp đã *cung cấp tài khoản truy cập, khai thác dữ liệu tại phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ quốc tịch để Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ động kiểm tra, đối chiếu thông tin về quốc tịch của người dân khi có nhu cầu* theo Công văn số 1703/HTQTCT-QT ngày 22/12/2023 của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực về việc tra cứu quốc tịch Việt Nam của các cơ quan Công an tại địa phương. Tuy nhiên, ngành Công an không thực hiện tra cứu theo văn bản trên mà hướng dẫn người dân liên hệ Sở Tư pháp để thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam để làm căn cứ giải quyết thủ tục đăng ký thường trú và cấp thẻ căn cước công dân, dẫn đến hồ sơ TTHC lĩnh vực quốc tịch phát sinh rất nhiều trên địa bàn tỉnh, tạo nên áp lực lớn trong công tác bố trí nguồn lực xử lý hồ sơ cho công dân trong bối cảnh đang cùng lúc thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm phục vụ chuyển đổi số.

- Một số trường hợp tra cứu danh sách thôi, tước quốc tịch Việt Nam, Bộ Tư

[16] Ví dụ: Luật Quốc tịch Nhật Bản, Thái Lan quy định thời gian cư trú hợp pháp đối với người xin nhập quốc tịch là 05 năm; Hàn Quốc là 03 năm; Nauy là 07-10 năm…

pháp trả lời chưa đảm bảo thời gian theo quy định, làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết hồ sơ TTHC của địa phương. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm sớm có kết quả cho địa phương.

- Số lượng hồ sơ TTHC phát sinh tăng, gây áp lực về khối lượng, thời gian giải quyết TTHC *(UBND tỉnh Khánh Hòa).*

Trả lời:

Trong năm 2024, Bộ Tư pháp đã giải quyết hơn 4000 trường hợp yêu cầu tra cứu thông tin về quốc tịch do các cơ quan đại diện, Sở Tư pháp và các cơ quan khác đề nghị (tăng 30% so với năm 2023). Bên cạnh đó, Phần mềm Hệ thống quản lý quản lý hồ sơ quốc tịch của Bộ Tư pháp được xây dựng từ năm 2013 nên có nhiều hạn chế trong việc tra cứu. Do đó, trong một số trường hợp việc trả lời yêu cầu tra cứu chưa đáp ứng về thời hạn.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ thực hiện việc nâng cấp Phần mềm Hệ thống quản lý hồ sơ quốc tịch và sẽ triển khai việc cấp tài khoản tra cứu cho các địa phương có yêu cầu.

19. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm hoàn thiện các chức năng của Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch đảm bảo đáp ứng yêu cầu cung cấp, giải quyết các dịch vụ công trực tuyến theo quy định; cung cấp chức năng xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến trên phần mềm Quản lý hộ tịch điện tử *(UBND tỉnh Tuyên Quang).*

Trả lời:

Ghi nhận ý kiến của địa phương, hiện tại, Bộ Tư pháp đang trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (dự kiến sẽ ban hành trong tháng 12/2024). Nghị định được ban hành sẽ là cơ sở pháp lý để địa phương thực hiện.

20. Đề nghị Bộ Tư pháp Phối hợp với Bộ, ngành liên quan ban hành các nhóm thủ tục hành chính liên thông theo theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình, tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2024 làm cơ sở cho các địa phương công bố, công khai và triển khai thực hiện *(UBND tỉnh Tuyên Quang).*

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022, Bộ Tư

pháp đã ban hành Quy trình giải quyết thủ tục hành chính: Đăng ký kết hôn, xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã (kèm theo Quyết định số 309/BTP-HTQTCT ngày 10/3/2023) và triển khai thí điểm tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở kết quả thí điểm Bộ Tư pháp đã có văn bản (Công văn số 5347/BTP-HTQTCT ngày 24/9/2024) đề nghị UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Tư pháp, Sở Thông tin truyền thông phối hợp với các ngành có liên quan ở địa phương và Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện việc điều chỉnh Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh để kết nối với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp theo Tài liệu kỹ thuật của Bộ Tư pháp (có Kế hoạch và Kịch bản chi tiết gửi các địa phương).

V. CON NUÔI

1. Tại điểm c, khoản 1, Điều 14 Luật Nuôi con nuôi quy định "người nhận con nuôi phải có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi". Tuy nhiên, căn cứ cụ thể để xác định thế nào là có điều kiện về kinh tế, dẫn đến việc xác định không thống nhất; xác định chỗ ở như thế nào để bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con nuôi cũng gặp khó khăn tương tự. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

Căn cứ để xác định điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi của người nhận con nuôi được quy định tại Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi (sau đây gọi là Thông tư số 07/2023/TT-BTP) trong biểu mẫu "Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi" được ban hành kèm theo. Trong biểu mẫu có thể hiện các tiêu chí để đánh giá các điều kiện về hoàn cảnh gia đình, kinh tế, chỗ ở của người nhận con nuôi.

Ngoài ra, năm 2020, Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi) đã xây dựng và phát hành đến các địa phương trên toàn quốc Cẩm nang "Hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước dành cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã", trong đó có nội dung hướng dẫn công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã những kỹ năng cơ bản trong thủ tục giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước như xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi.

Như vậy, trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi con, công chức Tư

pháp - Hộ tịch có thể căn cứ vào biểu mẫu "Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi" kết hợp với nội dung hướng dẫn trong Cẩm nang để xác định, đánh giá điều kiện của người nhận con nuôi.

2. Tại điểm b, khoản 2, Điều 15 Luật Nuôi con nuôi quy định về trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em; theo đó, trường hợp trẻ em có cha, mẹ đẻ, người thân thích không còn khả năng nuôi dưỡng thì báo cáo với UBND cấp xã để tìm gia đình thay thế cho trẻ em. Tuy nhiên, không có cơ sở để xác định thế nào là không có khả năng nuôi dưỡng, điều này gây khó khăn cho việc áp dụng quy định của Luật vào thực tế của các địa phương trong quá trình thực hiện. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

Đối tượng trẻ em theo điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi thuộc trường hợp trẻ em không nơi nương tựa theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em. Việc xác định nhu cầu cần hỗ trợ của trẻ em có thể căn cứ theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 56/2017/NĐ-CP. Nội dung xác minh tại biểu mẫu này cũng có thể làm căn cứ đánh giá khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng của gia đình đối với trẻ em.

Ngoài ra, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 (sau đây gọi là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) có quy định về vấn đề bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo. Vì vậy có thể vận dụng quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đối với cha mẹ đẻ của trẻ em thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo để xác định không còn khả năng nuôi dưỡng.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn đối với những vướng mắc liên quan đến việc ủy quyền giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi để địa phương có cơ sở triển khai thực thi phương án phân cấp giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi nói riêng và lĩnh vực tư pháp nói chung theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ *(UBND tỉnh Quảng Bình)*.

Trả lời:

Để triển khai thực thi phương án phân cấp giải quyết TTHC trong lĩnh vực nuôi con nuôi theo Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong khi chờ sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 6532/BTP-CN ngày 29/12/2023 và Công văn số 1299/BTP-CN ngày 14/3/2024 hướng dẫn để các địa phương tham khảo, thực

hiện phương án phân cấp giải quyết TTHC đối với 04 TTHC nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Sở Tư pháp. Trong thời gian qua, đã có nhiều địa phương thực hiện việc uỷ quyền theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, có thực trạng còn một số địa phương chưa thực hiện việc uỷ quyền do thực tiễn của địa phương chưa phù hợp để triển khai thực hiện và đến nay đã có một số địa phương ban hành Quyết định về việc chấm dứt ủy quyền cho Sở Tư pháp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Trong khi chưa sửa đổi, bổ sung Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tế (số lượng các trường hợp giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thời gian thực hiện,...) của địa phương và nội dung hướng dẫn trong Công văn số 6532/BTP-CN ngày 29/12/2023 và Công văn số 1299/BTP-CN ngày 14/3/2024 của Bộ Tư pháp để quyết định có hay không thực hiện việc uỷ quyền giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn cụ thể hình thức đăng thông báo tìm gia đình thay thế trên phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện thống nhất trên cả nước *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Luật Nuôi con nuôi *".... Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo 03 lần liên tiếp trên báo viết hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác của tỉnh"*. Tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 38/2017/TT-BTTT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn các cơ quan báo chí xây dựng chương trình, nội dung phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân có quy định cụ thể về "phương tiện thông tin đại chúng". Theo đó, phương tiện thông tin đại chúng là phương tiện được cơ quan báo chí sử dụng để cung cấp, truyền dẫn thông tin tới đông đảo công chúng bao gồm các đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/cổng thông tin điện tử. Như vậy, Sở Tư pháp có thể vận dụng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 38/2017/TT-BTTT để thực hiện việc thông báo trên báo viết hoặc đài phát thanh, đài truyền hình, báo in, báo điện tử và trang/cổng thông tin điện tử của tỉnh.

VI. LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp Văn phòng Chính phủ thống nhất điều chỉnh cách tính thời hạn giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) trong quy trình giải quyết trên Cổng Dịch vụ công như: Không tính chậm hạn đối với trường hợp đã có phiếu thông báo lùi ngày trả kết quả vì lý do chính đáng (như chờ kết quả tra cứu án tích của cơ quan, tổ chức liên quan) - *(UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 48 Luật Lý lịch tư pháp (LLTP) năm 2009, thời hạn cấp Phiếu LLTP không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Do đó, thời hạn giải quyết TTHC cấp Phiếu LLTP trên Cổng Dịch vụ công là 10 ngày hoặc 15 ngày tương ứng với mỗi đối tượng. Hiện nay, chưa có quy định riêng về việc tính ngày trên Cổng Dịch vụ công đối với những hồ sơ trễ hạn do các lý do khách quan. Để khắc phục tình trạng chậm trễ trong công tác phối hợp tra cứu, xác minh thông tin, đề nghị các Sở Tư pháp tăng cường công tác phối hợp với cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát và chủ động trong công tác xây dựng, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu LLTP, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời.

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật LLTP theo hướng quy định riêng về thủ tục cấp Phiếu LLTP đối với các trường hợp cần xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích, quy định thêm thời hạn xác minh điều kiện đương nhiên xóa án tích, quy định thời hạn, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết yêu cầu xóa án tích cho phù hợp với thực tế, cũng như trách nhiệm của người bị kết án phải chứng minh việc bản thân đã chấp hành xong Bản án *(UBND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Quảng Trị, An Giang, Đồng Tháp, Đắk Nông, Hải Dương).*

Trả lời:

Luật LLTP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thời hạn cấp Phiếu LLTP nói chung và trong trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích nói riêng. Việc quy định thêm về thủ tục cấp Phiếu LLTP cho những trường hợp đương nhiên được xóa án tích sẽ làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, chưa bảo đảm quyền và lợi ích cho người dân.

Ghi nhận kiến nghị của địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu và đề xuất sửa đổi Luật Lý lịch tư pháp trong thời gian tới.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật LLTP theo hướng cho phép người dân được ủy quyền cấp Phiếu LLTP số 2 tương tự như ủy quyền cấp Phiếu LLTP số 1 nhằm tạo điều kiện cho người dân được làm Phiếu LLTP số 2 khi có nhu cầu *(UBND TP. Đà Nẵng)*.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các Sở Tư pháp khi giải quyết yêu cầu cấp Phiếu LLTP, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan có văn bản giải thích về việc sử dụng từng loại Phiếu LLTP, đặc biệt là Phiếu LLTP số

2 và yêu cầu các cơ quan, tổ chức không được tùy tiện yêu cầu công dân cấp Phiếu LLTP số 2 *(UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Luật LLTP theo hướng: Bỏ quy định cấp Phiếu LLTP số 2 để phù hợp với tinh thần tại Điều 69 của Bộ luật Hình sự (Người được xóa án tích coi như chưa bị kết án), không thể hiện án tích đã được xóa trong Phiếu LLTP. Mặt khác, việc không thể hiện các án tích đã được xóa trong nội dung của Phiếu LLTP nhằm tránh việc các cơ quan, tổ chức nước ngoài lợi dụng việc này yêu cầu đương sự phải nộp Phiếu LLTP số 2 và để bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân hoặc quy định chuyển việc cấp Phiếu LLTP cho cơ quan Công an *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi Luật LLTP theo hướng: Chỉ cấp Phiếu LLTP số 2 cho cơ quan tiến hành tố tụng*(UBND tỉnh An Giang)*.

Trả lời:

Theo quy định của Luật LLTP, Phiếu LLTP số 2 được cấp cho cơ quan tiến hành tố tụng và cấp theo yêu cầu của cá nhân để người đó biết được nội dung về LLTP của mình, không quy định cấp Phiếu LLTP số 2 cho các đối tượng khác. Quy định này bảo đảm nguyên tắc bảo vệ bí mật đời tư cũng như quyền tiếp cận thông tin của cá nhân. Thời gian qua, do chưa hiểu đúng quy định của Luật LLTP nên một số tổ chức, doanh nghiệp đã yêu cầu cá nhân phải nộp Phiếu số 2 để làm các thủ tục như xin việc làm hoặc tuyển dụng lao động…, điều này là không đúng với quy định của Luật LLTP. Để hạn chế tình trạng nêu trên, cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân, cơ quan, tổ chức về ý nghĩa, giá trị của Phiếu LLTP, không yêu cầu người dân nộp/xuất trình Phiếu LLTP số 2 không đúng quy định. Bộ Tư pháp đánh giá cao nội dung nghiên cứu, kiến nghị của địa phương.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp Bộ, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu và có đề xuất sửa đổi phù hợp.

4. Cho phép doanh nghiệp có quyền yêu cầu cấp Phiếu LLTP để phục vụ cho việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhằm hạn chế người dân nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu LLTP đến Sở Tư pháp *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 7 Luật LLTP, chỉ có Công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoặc đang cư trú tại Việt Nam có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của mình; cơ quan tiến hành tố tụng có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư

pháp để phục vụ công tác quản lý nhân sự, hoạt động đăng ký kinh doanh, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã. Quy định này nhằm bảo đảm quyền bảo vệ bí mật đời tư của cá nhân.

Ghi nhận ý kiến của địa phương, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp Bộ, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu và có đề xuất sửa đổi, hoàn thiện thể chế về LLTP nhằm bảo đảm thuận lợi cho người dân và phù hợp với bối cảnh tình hình mới.

5. Theo Công văn số 570/TTLLTPQG-QLHC ngày 20/9/2024 của Trung tâm LLTP quốc gia - Cục Cảnh sát QLHC về TTXH thì quy trình cấp Phiếu LLTP trên VNeiD là 03 ngày. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 48 Luật LLTP thì thời hạn cấp Phiếu LLTP không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật này, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật này thì thời hạn không quá 15 ngày. Như vậy, nếu cấp Phiếu LLTP qua VNeiD, nếu quá thời gian 03 ngày Sở Tư pháp chưa nhận được kết quả xác minh từ các cơ quan có liên quan thì có bị coi là trễ hạn không (trong khi thời hạn 10 ngày hoặc 15 ngày theo quy định của Luật LLTP vẫn còn) - *(UBND tỉnh Hải Dương).*

Số lượng hồ sơ Sở Tư pháp phải giải quyết trung bình khoảng 800 hồ sơ/ngày, cộng với thời gian trả kết quả xác minh tại các cơ quan, đơn vị, địa phương còn chậm. Trong khi, thời gian giải quyết hồ sơ theo Quy trình 570/TTLLTPQG-QLHC là 03 ngày làm việc. Để đảm bảo tiến độ giải quyết hồ sơ đúng hạn, đề nghị Bộ Tư pháp giữ nguyên thời hạn trả kết quả theo quy định của Luật LLTP *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Đề nghị xem xét, điều chỉnh Quy trình 570/TTLLTPQG-QLHC ngày 20/9/2024 về thời hạn cấp Phiếu LLTP trên VNeID đối với các trường hợp phức tạp, phải xác minh thông tin về điều kiện đương nhiên xóa án tích. Trong quy trình cấp Phiếu LLTP qua VNeID phân luồng, cho phép cơ quan giải quyết hồ sơ đính kèm thư xin lỗi để gửi cho công dân đối với các trường hợp trễ hẹn *(UBND tỉnh Phú Yên).*

Trả lời:

Việc xây dựng Quy trình số 570/ TTLLTPQG-QLHC với mục tiêu thực hiện hiệu quả chủ trương về cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp Phiếu LLTP, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi yêu cầu cấp Phiếu LLTP qua VneID. Do đó, để bảo đảm thời hạn cấp Phiếu là 03 ngày làm việc, cơ quan công an thực hiện tra cứu xác minh sẽ trả kết quả trong 2 ngày làm việc; cơ quan tư pháp nhận và gửi tra cứu xác minh trong 1/2 ngày; nhận kết quả tra cứu,

xác minh, cấp Phiếu trong vòng 1/2 ngày. Đây là Quy trình thí điểm, do đó, sau thời gian thí điểm, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp những khó khăn, vướng mắc để đề xuất chỉnh sửa, hoàn thiện Quy trình.

6. Hồ sơ nộp bằng hình thức trực tuyến yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2, tuy nhiên công dân đang ở nước ngoài nhưng có tài khoản định danh mức độ 2 của Vneid nên người khác dùng để đăng nhập phần mềm 1 cửa để nộp hồ sơ. Việc này dẫn đến việc tiếp nhận hồ sơ không đúng theo quy định. Hồ sơ nộp bằng hình thức dịch vụ bưu chính yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2, tuy nhiên công dân đang ở nước ngoài nhưng thông qua Văn phòng công chứng để thực hiện việc chứng thực căn cước công dân và nộp hồ sơ theo hình thức dịch vụ bưu chính. Việc này dẫn đến việc tiếp nhận hồ sơ không đúng quy định *(UBND tỉnh Hải Dương).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin tiếp thu ý kiến đề xuất nêu trên và sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan thuộc Bộ nghiên cứu và sớm có phương án giải quyết trong thời gian tới.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi các quy định pháp luật về LLTP theo hướng bỏ khâu trung gian, tách rõ thủ tục xóa án tích là thủ tục độc lập; miễn phí cấp Phiếu LLTP; quy định việc hạn chế lạm dụng yêu cầu cấp phiếu; sử dụng bản ký số Phiếu LLTP thay cho bản giấy để tối ưu hóa, nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng VneID trong thực hiện cấp Phiếu LLTP; tiến tới bỏ thủ tục cấp Phiếu LLTP (xác định là một thông tin của công dân trong cơ sở dữ liêu quốc gia về dân cư) - *(UBND TP. Hà Nội).*

Trả lời:

Luật LLTP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và thời hạn cấp Phiếu LLTP nói chung và trong trường hợp phải xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích nói riêng. Việc quy định thêm về thủ tục cấp Phiếu LLTP cho những trường hợp đương nhiên được xóa án tích sẽ làm phát sinh thêm TTHC, chưa bảo đảm quyền và lợi ích cho người dân.

Ngày 19/6/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ LLTP, trong đó khoản 2 Điều 1 Thông tư quy định như sau: Biểu mẫu và mẫu sổ LLTP dưới dạng dữ liệu điện tử có giá trị sử dụng như biểu mẫu, mẫu sổ LLTP bằng văn bản giấy. Đồng thời, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp các Bộ, ngành có liên quan rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2010/NĐ-CP, trong đó có quy định Phiếu LLTP trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý, giá trị sử dụng như Phiếu LLTP bằng văn bản giấy.

Ghi nhận ý kiến của địa phương, thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp Bộ, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện thể chế về LLTP phù hợp với tình hình mới.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo tập trung đầu tư nguồn lực để triển khai thực hiện cấp Phiếu LLTP qua VNeID, đặc biệt là việc nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tránh tình trạng chưa đồng bộ và phát sinh lỗi khi vận hành, để việc triển khai cấp Phiếu LLTP qua VNeID được thông suốt, hiệu quả *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin tiếp thu ý kiến đề xuất nêu trên và sẽ chỉ đạo các đơn vị có liên quan thuộc Bộ nghiên cứu tổ chức và triển khai thực hiện trong thời gian sớm nhất.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án và các cơ quan liên quan xây dựng, triển khai đồng bộ tin học hóa để ứng dụng vào công tác tiếp nhận, trao đổi, tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin LLTP; nâng cấp Phần mềm Quản lý LLTP dùng chung, bổ sung chức năng đính kèm "file" để cung cấp thông tin cho Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp khác *(UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06, Bộ Tư pháp đang phối hợp Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Thi hành án dân sự để nghiên cứu kết nối, chia sẻ thông tin LLTP giữa các Cơ sở dữ liệu LLTP; đồng thời sử dụng bổ sung số định danh cá nhân trong các biểu mẫu thông tin LLTP để cung cấp cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP. Đối với kiến nghị nâng cấp Phần mềm, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị để bổ sung vào Dự án nâng cấp Phần mềm quản lý LLTP.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu trình Chính phủ đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, để phù hợp với Bộ luật Hình sự và Bộ Luật tố tụng hình sự 2015; trong đó có nội dung Tòa án đã xét xử vụ án hình sự có trách nhiệm cung cấp Trích lục bản án đó cho Trung tâm LLTP quốc gia đối với trường hợp không nơi cư trú, đối với trường hợp người bị kết án có nơi thường trú hoặc tạm trú thì cung cấp đến Sở Tư pháp đó, không cung cấp qua Sở Tư pháp nơi xét xử như quy định hiện nay*(UBND các tỉnh: Đồng Tháp, Đắk Nông).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh Đồng Tháp, Đắk Nông và sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật LLTP trong

thời gian tới.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp cho phép Sở Tư pháp tra cứu cơ sở dữ liệu về bản án hình sự có hiệu lực của Tòa án nhân dân trên toàn quốc *(UBND tỉnh An Giang).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Hiện nay thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06, Bộ Tư pháp đang phối hợp Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Thi hành án dân sự để nghiên cứu kết nối, chia sẻ thông tin LLTP giữa các Cơ sở dữ liệu LLTP; đồng thời sử dụng bổ sung số định danh cá nhân trong các biểu mẫu thông tin LLTP để cung cấp cho cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP.

12. Việc chủ động tra cứu thông tin LLTP tại Cơ sở dữ liệu LLTP của địa phương theo quy định tại Điều 47 Luật LLTP vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi các thông tin về án tích của công dân trong tỉnh nhưng vi phạm pháp luật ở tỉnh ngoài không đầy đủ; trong trường hợp phải xác minh tình trạng đương nhiên được xóa án tích, thông tin từ các cơ quan trả lời Sở Tư pháp còn chậm, nhất là đối với những thông tin về án tích của công dân trước năm 2010 (trước khi có Luật LLTP) thì việc xác minh càng khó khăn hơn do không lưu trữ được hồ sơ, không có dữ liệu đầy đủ. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp cung cấp thông tin LLTP, các chế tài cụ thể đối với trường hợp không phối hợp hay phối hợp không tốt trong công tác LLTP *(UBND các tỉnh: Hải Dương, Bình Dương).*

Trả lời:

Luật LLTP và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định về cơ chế phối hợp, trách nhiệm, thẩm quyền, thời hạn trao đổi, cung cấp, tra cứu và xác minh thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP và các cơ quan có liên quan như Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an, thi hành án dân sự, cơ quan có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng... để xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai các quy định nêu trên vẫn còn có khó khăn, vướng mắc. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tăng cường phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để chỉ đạo các cơ quan liên quan thuộc Bộ, ngành mình triển khai nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về LLTP, đặc biệt là hoạt động cung cấp thông tin để xây dựng Cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP thông qua hình thức như họp liên ngành, kiểm tra liên ngành về LLTP…

Về phía địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

tiếp tục quan tâm, chỉ đạo đối với cơ quan Công an và đề nghị cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát tại địa phương thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về LLTP, bảo đảm cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho Sở Tư pháp để phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu và cấp Phiếu LLTP. Đồng thời tạo điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất để Sở Tư pháp tập trung nguồn lực xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP, chủ động khai thác thông tin trong cơ sở dữ liệu LLTP để cấp Phiếu LLTP.

13. Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn thiện, hệ thống pháp luật về LLTP; đề xuất các Bộ, ngành kết nối các Phần mềm của cơ quan Công an, Kiểm sát, Tòa án, Thi hành án, Tư pháp (Phần mềm LLTP) theo hướng nhập một luồng thông tin đầu vào các cơ quan tiếp theo nhập giai đoạn tiếp theo, nhằm hỗ trợ rà soát thông tin đảm bảo thông tin chính xác, tiết kiệm nhân lực, thời gian, chi phí, kịp thời (tránh trường hợp cùng một người nhưng 05 ngành cùng nhập hồ sơ đầu vào gây mất thời gian, chi phí, nhân lực, không kịp thời và đôi khi thông tin không chính xác) - *(UBND tỉnh Tây Ninh).*

Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp nghiên cứu, triển khai phối hợp thực hiện tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án hình án hình sự, thi hành án dân sự để việc tra cứu, xác minh thông tin đủ điều kiện xóa án tích của công dân được thuận lợi, nhanh chóng hơn *(UBND tỉnh Thái Nguyên).*

Việc tra cứu Cơ sở dữ liệu LLTP để cấp Phiếu LLTP chưa thể đảm bảo tính chính xác tình trạng án tích của công dân, do các dữ liệu được cung cấp về cho Sở Tư pháp chưa đầy đủ, kịp thời. Đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Công an nghiên cứu phương án, đảm bảo việc phối hợp tra cứu thông tin cấp Phiếu LLTP được thuận lợi và chính xác trong giai đoạn chưa thể kết nối chưa sẻ được các dữ liệu án tích hiện nay; các dữ liệu Cơ sở dữ liệu LLTP chưa thể cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời để đáp ứng được tự tra cứu để cấp phiếu như hiện nay *(UBND tỉnh Thái Nguyên).*

Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ có giải pháp về kết nối Cơ sở dữ liệu LLTP của Sở Tư pháp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, Cơ sở dữ liệu về án tích của ngành Công an, Tòa án quân sự, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan để khắc phục những khó khăn trong công tác phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý LLTP và các cơ quan đầu mối cung cấp thông tin; phương án đặt ra là nên chia sẻ dữ liệu điện tử từ dữ liệu gốc của các ngành sau khi đã được số hóa, để Sở Tư pháp có thể kịp thời khai thác, tra cứu chính xác thông tin về án tích phục vụ việc cấp Phiếu LLTP, xóa án tích cho công dân qua VNeID và xác định được rõ trách nhiệm của các

cơ quan *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh cải cách TTHC cấp Phiếu LLTP tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Bộ Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án 06 và Chỉ thị số 23, trong đó có nhiệm vụ phối hợp với cơ quan có liên quan thuộc Bộ Công an nghiên cứu giải pháp kết nối Cơ sở dữ liệu LLTP với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, Cơ sở dữ liệu do ngành Công an, Cơ sở dữ liệu của Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ này, hiện nay, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Trung tâm LLTP quốc gia và Cục Công nghệ thông tin đang phối hợp với đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công an nghiên cứu, đề xuất giải pháp kết nối Cơ sở dữ liệu LLTP với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan nhằm khắc phục những khó khăn trong công tác phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin LLTP giữa cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu LLTP với các cơ quan đầu mối cung cấp thông tin.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tra cứu, xác minh thông tin LLTP trước ngày 01/7/2010 và sau ngày 01/7/2010 theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Quy chế số 02/QCPH-TTLLTPQG - C53 ngày 29/6/2018 giữa Trung tâm LLTP quốc gia, Bộ Tư pháp và Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát, Bộ Công an về phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP *(áp dụng đối với cả hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết bằng phương thức xác thực, định danh điện tử VNeID)* cho đến khi Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trong cả nước hoàn chỉnh việc xây dựng Cơ sở dữ liệu LLTP *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Theo quy định của Luật LLTP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này, Trung tâm LLTP quốc gia và Sở Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu LLTP kể từ ngày 01/7/2010 (ngày Luật LLTP có hiệu lực).

Đề nghị Sở Tư pháp tại các địa phương thực hiện đúng, hiệu quả các quy định pháp luật về phối hợp liên ngành trong cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng dẫn tại Công văn số 4105/BTP-TTLLTPQG ngày 05/9/2023 của Bộ Tư pháp về việc tăng cường phối hợp tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP, Công văn số 3068/BTPTTLLTPQG ngày 04/6/2024 của Bộ Tư pháp và Công văn số 06/TTLLTPQG-TN&XLTT ngày 11/9/2023 của Trung tâm LLTP quốc gia về việc hướng dẫn phối hợp tra cứu, xác minh thông tin LLTP theo Quy chế số 02.

15. Xác định lại các nhiệm vụ về công tác LLTP là nhiệm vụ thường xuyên, công tác chuyên môn gắn với hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp. Đảm bảo tính thống nhất xác định tính chất, nhiệm vụ LLTP ở Trung ương và địa phương về công tác này. Điều này tạo cho cơ chế sử dụng kinh phí cho các hoạt động LLTP tại địa phương *(UBND tỉnh Đồng Nai).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, thời gian tới, Bộ sẽ nghiên cứu đề xuất sửa đổi, hoàn thiện thể chế về LLTP phù hợp với tình hình mới.

16. Xây dựng cơ chế sử dụng kinh phí trích để lại của phí cung cấp thông tin LLTP theo hướng địa phương được sử dụng để trang trải cho công việc, trả tiền lương, tiền công cho nhân sự, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác xây dựng kho dữ liệu LLTP và công tác cấp phiếu LLTP tại địa phương. Điều này giúp giảm bớt áp lực công việc cho công chức, viên chức tư pháp địa phương hiện nay do đã có kinh phí thuê mướn thêm nhân sự thực hiện nhiệm vụ *(UBND tỉnh Đồng Nai).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề xuất Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin LLTP.

17. Đề nghị Bộ Tư pháp tập huấn nghiệp vụ cho công chức làm công tác LLTP tại các Sở Tư pháp trước khi triển khai thực hiện cấp Phiếu LLTP trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID trên toàn quốc *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp vẫn tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về Phần mềm Quản lý LLTP, nghiệp vụ LLTP cũng như tập huấn những quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) liên quan đến công tác LLTP. Bộ Tư pháp ghi nhận và đánh giá cao kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian tới, Bộ sẽ tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về nội dung đề xuất trên của Tỉnh

VII. BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1. Kiến nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ quy định chế tài xử lý đối với hành vi giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ, khai khống để được bồi thường, từ đó hạn chế việc đương sự khai khống thiệt hại chênh lệch lớn so với thực tế. Đồng thời, phân định trách nhiệm bồi thường cụ thể đối với lãnh đạo, kiểm sát viên thụ lý giải quyết các vụ án dẫn đến oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự,

kể cả lỗi vô ý và cố ý *(UBND tỉnh Đồng Nai)*.

Trả lời:

- Quy định về chế tài đối với hành vi giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ, khai khống để được bồi thường:

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), tại khoản 1 Điều 48 về việc hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường đã quy định:

"1. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định hủy quyết định giải quyết bồi thường và đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các căn cứ sau đây:

a) Không còn một trong các căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;

b) Giả mạo văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường;

c) Giả mạo tài liệu, giấy tờ quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật này để yêu cầu bồi thường".

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (Nghị định số 82/2020/NĐ-CP) tại mục 6, Chương II đã có quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động bồi thường nhà nước.

Như vậy, Luật TNBTCNN năm 2017 và Nghị định số 82/2020/NĐ-CP đã có quy định về chế tài đối với hành vi giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ, khai khống để được bồi thường như kiến nghị đã nêu.

- Phân định trách nhiệm bồi thường cụ thể đối với lãnh đạo, kiểm sát viên thụ lý giải quyết các vụ án dẫn đến oan, sai trong hoạt động tố tụng hình sự, kể cả lỗi vô ý và cố ý:

Điều 64 Luật TNBTCNN năm 2017 quy định: *"1. Người thi hành công vụ có lỗi gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả cho ngân sách nhà nước một phần hoặc toàn bộ số tiền mà Nhà nước đã bồi thường cho người bị thiệt hại. 2. Trường hợp có nhiều người thi hành công vụ cùng gây thiệt hại thì những người đó có nghĩa vụ hoàn trả tương ứng với mức độ lỗi của mình và thiệt hại mà Nhà nước phải bồi thường".* Như vậy, trong hoạt động tố tụng hình sự như nội dung kiến nghị đã nêu thì cả lãnh đạo và kiểm sát viên thụ lý giải quyết các vụ án dẫn đến oan, sai, đều phải thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong trường hợp cùng một vụ việc có nhiều người thi hành công vụ cùng gây

thiệt hại. Mức hoàn trả được xác định tương ứng với mức độ lỗi của người thi hành công vụ và thiệt hại mà Nhà nước phải bồi thường.

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 *(UBND tỉnh Đồng Nai).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận và tiếp thu nội dung kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Bộ sẽ chỉ đạo Cục Bồi thường nhà nước nghiên cứu, tham mưu Lãnh đạo Bộ để triển khai thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017.

VIII. BỔ TRỢ TƯ PHÁP

1. Đề nghị Bộ Tư pháp hoàn chỉnh Hệ thống Phần mềm quản lý công chứng, hướng dẫn triển khai xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về vi bằng để địa phương vận hành và khai thác thông tin được dễ dàng và thuận tiện hơn trong công tác quản lý các lĩnh vực này *(UBND các tỉnh: Bình Thuận, Đồng Nai).*

Trả lời:

a) Về Hệ thống quản lý Phần mềm công chứng:

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, trong năm 2020, Bộ Tư pháp đã xây dựng và đưa vào sử dụng Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng. Cơ quan có tài khoản đăng nhập, sử dụng là: Cục Bổ trợ tư pháp và Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó, có các trường thông tin quản lý cơ bản về công chứng viên[17], tổ chức hành nghề công chứng[18].

Về đề nghị của địa phương: hiện Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp đã phối hợp với Cục CNTT và đơn vị liên quan) đang nâng cấp, hoàn chỉnh Phần mềm này, theo hướng ngoài phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động công chứng, thì người dân, doanh nghiệp cũng có thể khai thác, tra cứu thông tin về công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng hay đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp (Cục Bổ trợ tư pháp) đang đề xuất xây dựng Phần mềm quản lý về các chức danh bổ trợ tư pháp để quản lý thống nhất đối với các chức danh bổ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, đấu giá viên, trọng tài thương mại...). Tuy nhiên, qua theo dõi tình hình thực hiện Phần mềm này trong

[17] Gồm các trường thông tin: danh sách công chứng viên, quá trình tập sự, bổ nhiệm, đăng ký hành nghề và cấp thẻ, xóa đăng ký hành nghề và thu hồi thẻ công chứng viên, xử lý vi phạm đối với công chứng viên…

[18] Các trường thông tin: danh sách tổ chức hành nghề công chứng, thành lập Văn phòng công chứng, đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng, thay đổi nội dung hoạt động Văn phòng công chứng, hợp nhất Văn phòng công chứng, sáp nhập Văn phòng công chứng, chuyển nhượng Văn phòng công chứng, thành lập Phòng công chứng, chuyển đổi Phòng công chứng, giải thể Phòng công chứng, xử lý vi phạm đối với tổ chức hành nghề công chứng, chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng…

thời gian qua cho thấy, có nhiều Sở Tư pháp chưa cập nhật thường xuyên hoặc cập nhật chưa đầy đủ, kịp thời các thông tin về công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng của địa phương trên Phần mềm, dẫn đến đến việc sử dụng, khai thác Phần mềm còn chưa hiệu quả. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị UBND các tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp các địa phương tăng cường cập nhật, sử dụng Phần mềm quản lý tổ chức hành nghề công chứng để bảo đảm các thông tin, dữ liệu trên Phần mềm được cập nhật thường xuyên, kịp thời và đầy đủ, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động công chứng trong giai đoạn hiện nay, nhất là Luật công chứng (sửa đổi) mới được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

b) Về hướng dẫn triển khai xây dựng Phần mềm Cơ sở dữ liệu về vi bằng:

Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại đã quy định việc xây dựng Cơ sở dữ liệu vi bằng và quản lý Cơ sở dữ liệu về vi bằng thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tư pháp (khoản 4 Điều 39, điểm đ khoản 2 Điều 68). Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đã có quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu vi bằng (Điều 31).

Hiện nay, theo báo cáo của Sở Tư pháp một số địa phương đã xây dựng được Phần mềm Cơ sở dữ liệu về vi bằng và đi vào hoạt động như tỉnh Bình Dương, Hải Dương và Quảng Nam... Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đồng Nai chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm các địa phương nêu trên để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại *(UBND tỉnh Hải Dương)*.

Trả lời:

Trong năm 2023, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc sơ kết 03 năm triển khai thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại để đánh giá kết quả, tồn tại, hạn chế, xác định nguyên nhân. Trên cơ sở đó, hiện Bộ Tư pháp đang đề xuất Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đáp ứng yêu cầu thực tiễn và cải cách hành chính. Dự kiến, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP sẽ được trình Chính phủ vào quý IV/2024.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 77/2008/CĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật và các văn

bản có liên quan *(UBND các tỉnh: An Giang, Hải Dương)*.

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của UBND các tỉnh An Giang, Hải Dương. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các tổ chức chủ quản cấp Trung ương, địa phương để hoàn thiện báo cáo tổng kết thi hành Nghị định và chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định mới trong năm 2024, trình Chính phủ thay thế Nghị định số 77/2008/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay ở nước ta.

4. Trường hợp các Tư vấn viên pháp luật đã nhiều tuổi hoặc điều kiện sức khỏe yếu, không đủ điều kiện để thực hiện tư vấn pháp luật thì Sở Tư pháp sẽ thực hiện thu hồi thẻ Tư vấn viên; tuy nhiên, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn *(UBND tỉnh Hải Dương).*

Trả lời:

Hiện nay, Nghị định số 77/2008/CĐ-CP ngày 16/7/2008 chưa có quy định cụ thể về vấn đề này, do đó, trong quá trình sửa đổi Nghị định, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tiếp đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, bổ sung quy định về cách thức xử lý Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản khi doanh nghiệp đấu giá tài sản đã thay đổi địa chỉ trụ sở *(UBND tỉnh Phú Yên).*

Trả lời:

Để bảo đảm việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá thuận lợi, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đã quy định cụ thể nội dung nêu trên. Do đó, đề nghị Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên nghiên cứu, tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của hoạt động trọng tài thương mại, hòa giải thương mại theo hướng tăng cường và đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại và hòa giải thương mại về đơn giản hóa thủ tục hành chính để nắm bắt và hoạch định chính sách cụ thể, hiệu quả; có biện pháp rà soát, kiểm tra, phân loại tranh chấp trong hoạt động hành nghề trọng tài thương mại và hòa giải thương mại; phân định cụ thể đối tượng áp dụng và trách nhiệm của các bên Tòa án, cơ quan Thi hành án, Trung tâm trọng tài thương mại, Trung tâm hòa giải thương mại khi hành nghề; bổ sung thêm quy định cụ thể đối tượng của Hiệp hội trọng tài; rà soát, đánh giá lại hiệu quả hoạt động của hòa giải viên thương mại vụ việc và chức năng của đối tượng này *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Hiện nay, việc sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại đang được giao cho Hội Luật gia Việt Nam chủ trì nghiên cứu, xây dựng. Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp ý kiến của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình tham mưu cho Chính phủ đóng góp ý kiến sửa đổi, bổ sung Luật Trọng tài thương mại. Trong quá trình xây dựng, đề nghị địa phương tiếp tục quan tâm phối hợp, có văn bản, tham gia góp ý sâu hơn, cụ thể hơn để đưa những nội dung kiến nghị, đề xuất, đóng góp ý kiến cho dự thảo Luật được hiệu quả, khả thi.

Đối với lĩnh vực hoà giải thương mại, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp ý kiến của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình triển khai và nghiên cứu, đề xuất tổng kết thi hành Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hoà giải thương mại.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xây dựng các hệ tiêu chí nhằm đánh giá, phân loại năng lực hoạt động và việc tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật về trọng tài thương mại và hòa giải thương mại *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến nêu trên của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng dự án Luật Trọng trọng thương mại (sửa đổi) sẽ tổng hợp, nghiên cứu, kiến nghị để hoàn thiện pháp luật về trọng tài, hoà giải thương mại.

8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 có nhiều điểm mới điều chỉnh các quy định tại nhiều pháp luật chuyên ngành. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, đảm bảo quy định *(UBND tỉnh Quảng Ninh).*

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã xây dựng và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan về các dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản để trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, đảm bảo các văn bản này có hiệu lực thi hành đồng thời với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (01/01/2025).

9. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành quy định cụ thể về xác định tiêu chuẩn, xếp hạng đối với các vị trí việc làm công chứng viên, đấu giá viên, vị trí hỗ trợ nghiệp vụ nhằm làm cơ sở cho việc quản lý, sử dụng, bố trí, thực hiện xếp hạng đối với đội ngũ viên chức hoạt động trong lĩnh vực của ngành *(hiện nay Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến các đơn vị đối với dự thảo Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn nghề nghiệp các chức danh nghề nghiệp về công chứng, đấu giá, hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ nghiệp vụ trong các lĩnh vực nêu trên) - (UBND tỉnh Sơn La).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đã xây dựng Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp công chứng viên, đấu giá viên, hỗ trợ pháp lý và hỗ trợ nghiệp vụ trong lĩnh vực tư pháp trong đó có quy định tiêu chuẩn, việc phân hạng và mã số của các chức danh nghề nghiệp công chứng viên, đấu giá viên, hỗ trợ nghiệp vụ và hỗ trợ pháp lý trong lĩnh vực tư pháp và hiện nay dự thảo Thông tư đang được xem xét ký ban hành.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản để giải quyết những tồn tại, hạn chế:

- Vẫn còn một số tổ chức hành nghề công chứng chưa tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực: chứng thực bản sao có dấu hiệu sửa chữa, chưa tra cứu thông tin về tình trạng giao dịch của tài sản trên phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng; tình trạng các Văn phòng công chứng mượn công chứng viên hợp danh trong thời gian ngắn, gia hạn kéo dài thời gian có 01 công chứng viên hợp danh để đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước; Việc cập nhật thông tin ngăn chặn của các cơ quan có thẩm quyền lên Cơ sở dữ liệu công chứng của tỉnh chưa kịp thời, đầy đủ.

- Tình trạng giả mạo chủ thể, giấy tờ, tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức ngày càng tinh vi, diễn biến phức tạp, rất khó để nhận diện, gây khó khăn cho công chứng viên trong quá trình hành nghề.

- Tiêu chí chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá ban hành tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 còn một số bất cập.

Việc chấm điểm, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản còn chưa khách quan, có tình trạng sân sau, tiêu cực trong việc lựa chọn; việc giám sát quá trình tổ chức đấu giá ở một số địa phương chưa thường xuyên, sâu sát; tình trạng bao che, thông đồng, dìm giá, sân sau, dàn xếp kết quả đấu giá trong hoạt động đấu giá tài sản vẫn còn; năng lực của một số đấu giá viên còn hạn chế, chưa chuyên nghiệp; xuất hiện tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức đấu giá tài sản.

- Một số Sở, ngành chưa quan tâm rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giám định vẫn còn lạc hậu, thô sơ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chế độ phụ cấp trách nhiệm, chế độ bồi dưỡng đối với giám định viên tư pháp hiện nay còn thấp, chưa đủ bù đắp những nguy hiểm, độc hại trong quá trình thực hiện giám định; tỉnh chưa có cơ chế, chính sách thu hút, hỗ trợ cho đội ngũ làm công tác giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh.

- Việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ Thừa phát lại nói chung và dịch vụ lập vi

bằng của Thừa phát lại nói riêng chưa thật sự phổ biến, hầu hết người dân vẫn chưa có thói quen tạo lập chứng cứ, lưu trữ các văn bản, tài liệu trong các giao dịch dân sự, kinh tế và trong hoạt động tố tụng. Hiện nay, lập vi bằng là công việc chính mà các Văn phòng Thừa phát lại đang thực hiện, việc tống đạt văn bản chỉ mới triển khai thực hiện của một số tòa án nhân dân các huyện trên địa bàn; các công việc còn lại (xác minh điều kiện thi hành án, tổ chức thi hành án) chưa thực hiện được do chưa phát sinh *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

- Về vẫn còn một số tổ chức hành nghề công chứng chưa tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực…:

Luật Công chứng số 46/2024/QH15 mới được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024 có nhiều quy định mới nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động công chứng, trách nhiệm của công chứng viên. Để xử lý tình trạng các Văn phòng công chứng mượn công chứng viên hợp danh trong thời gian ngắn, gia hạn kéo dài thời gian có 01 công chứng viên hợp danh để đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước, Luật Công chứng năm 2024 đã quy định hết thời hạn 02 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh, công chứng viên mới được thành lập, tham gia thành lập Văn phòng công chứng mới, hợp danh vào Văn phòng công chứng khác hoặc mua Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Luật Công chứng cũng quy định giới hạn các trường hợp được bổ sung thành viên hợp danh trong thời hạn 06 tháng chỉ trong các trường hợp sau: do thành viên hợp danh còn lại chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết, bị khai trừ khỏi Văn phòng công chứng hoặc bị miễn nhiệm công chứng viên hoặc bị Tòa án cấm hành nghề công chứng.

Để khắc phục tình trạng một số tổ chức hành nghề công chứng chưa tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục công chứng, chứng thực: chứng thực bản sao có dấu hiệu sửa chữa, chưa tra cứu thông tin về tình trạng giao dịch của tài sản trên phần mềm Cơ sở dữ liệu công chứng; việc cập nhật thông tin ngăn chặn của các cơ quan có thẩm quyền lên Cơ sở dữ liệu công chứng của tỉnh chưa kịp thời, đầy đủ… Bộ Tư pháp sẽ tăng cường thanh tra, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng, đồng thời yêu cầu Sở Tư pháp tăng cường thanh tra, kiểm tra các tổ chức hành nghề công chứng, tăng cường hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ cho các công chứng viên để nâng cao chất lượng hoạt động của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn.

- Về tình trạng giả mạo chủ thể, giấy tờ, tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức ngày càng tinh vi, diễn biến phức tạp, rất khó để nhận diện, gây khó khăn cho công chứng viên trong quá trình hành nghề:

Luật Công chứng số 46/2024/QH15 mới được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024 có nhiều quy định mới về trình tự, thủ tục công chứng trong đó có quy định về việc tổ chức hành nghề công chứng khai thác thông tin của các giấy tờ trong hồ sơ công chứng như: Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng; bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản hoặc bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xử lý tài sản hoặc giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp giao dịch liên quan đến tài sản đó; Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến giao dịch mà pháp luật quy định phải có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Công chứng viên có quyền khai thác, sử dụng thông tin từ các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật để thực hiện việc công chứng. Với các quy định trên, trường hợp cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan được liên thông thì có thể hạn chế tình trạng giả mạo chủ thể, giấy tờ, tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức.

- Về tiêu chí chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá ban hành tại Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 còn một số bất cập. Việc chấm điểm, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản còn chưa khách quan, có tình trạng sân sau, tiêu cực trong việc lựa chọn; việc giám sát quá trình tổ chức đấu giá ở một số địa phương chưa thường xuyên, sâu sát…:

Qua hơn 02 năm thi hành cho thấy việc ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã tạo cơ sở pháp lý cho người có tài sản thực hiện đánh giá, chấm điểm lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế, vướng mắc, trong đó có vướng mắc như kiến nghị nêu trên. Để khắc phục các vướng mắc phát sinh này, đồng thời triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tiến hành tổng kết, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTP và gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư để ban hành đảm bảo thời điểm có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Để đảm bảo việc triển khai quy định về lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá hiệu quả, minh bạch, khách quan, đề nghị Sở Tư pháp quan tâm, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền quy định.

- Về một số Sở, ngành chưa quan tâm rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giám định vẫn còn lạc hậu, thô sơ, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chế độ phụ cấp trách nhiệm, chế độ bồi dưỡng đối với giám định

viên tư pháp…:

Luật Giám định tư pháp năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 đã quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ người giám định tư pháp và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giám định (Điều 41, Điều 43); trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quy định chế độ, chính sách để thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp (khoản 3 Điều 38).

Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành và xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp ghi nhận để tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tham mưu trong quá trình sửa đổi các văn bản nêu trên.

- Về việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ Thừa phát lại nói chung và dịch vụ lập vi bằng của Thừa phát lại nói riêng chưa thật sự phổ biến, hầu hết người dân vẫn chưa có thói quen tạo lập chứng cứ, lưu trữ các văn bản, tài liệu trong các giao dịch dân sự, kinh tế và trong hoạt động tố tụng…:

Thừa phát lại là một nghề mới (*từ 01/01/2016 theo Nghị quyết số Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại*). Người dân, doanh nghiệp chưa biết đến hoặc vẫn còn cách hiểu Thừa phát lại là dịch vụ của tư nhân mà không biết rằng Thừa phát lại là một hệ thống tổ chức được Nhà nước thành lập để trợ giúp cho cá nhân, tổ chức trong việc tổ chức thi hành án dân sự, tạo lập các chứng cứ để cá nhân, tổ chức tự bảo vệ mình trong các giao dịch dân sự và các quan hệ pháp lý hoặc có tâm lý e ngại khi sử dụng các dịch vụ về Thừa phát lại dẫn đến nhu cầu sử dụng các dịch vụ về thừa phát lại chưa nhiều.

Để góp phần phát triển nghề thừa phát lại. Bộ Tư pháp đề nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nội dung của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại và các văn bản hướng dẫn thi hành với nhiều hình thức phù hợp tới các đối tượng khác nhau trong xã hội nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vị trí, vai trò của Thừa phát lại, các công việc Thừa phát lại. Qua đó giúp cá nhân, tổ chức hiểu đúng và sử dụng các dịch vụ của Thừa phát lại.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo, tọa đàm trong các lĩnh vực: đấu giá tài sản, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại, quản tài viên cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp ở địa phương để có điều kiện trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm *(UBND các tỉnh: An Giang, Quảng Nam, Quảng Ninh).*

Trả lời:

Tiếp thu ý kiến của các địa phương, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công tác tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, hội thảo, tọa đàm trong các lĩnh vực: đấu giá tài sản, giám định tư pháp, tư vấn pháp luật, hòa giải thương mại, trọng tài thương mại, quản tài viên cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về bổ trợ tư pháp ở địa phương để có điều kiện trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình hành nghề bổ trợ tư pháp.

12. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương có văn bản chỉ đạo việc chuyển giao văn bản tống đạt của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án cho các Văn phòng Thừa phát lại thực hiện nhằm giảm áp lực công việc, chia sẻ trách nhiệm, công việc với Nhà nước và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân theo chủ trương xã hội hóa một số hoạt động tư pháp nói chung và thi hành án dân sự nói riêng theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020; đồng thời bố trí kinh phí tống đạt kịp thời cho địa phương để chi trả cho các Văn phòng Thừa phát lại *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã có văn bản gửi các cơ quan liên quan để đề nghị phối hợp, chỉ đạo việc chuyển giao văn bản tống đạt cho các Văn phòng thừa phát lại. Tuy nhiên, kết quả hơn 3 năm triển khai thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, trong đó có hoạt động tống đạt văn bản của các Văn phòng thừa phát lại vẫn còn hạn chế. Về kiến nghị này của địa phương, Bộ Tư pháp ghi nhận để nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, đồng thời có các giải pháp tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân...

13. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định mức khung thù lao chi phí lập vi bằng để áp dụng thống nhất trên cả nước *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Nam để nghiên cứu

sửa đổi trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, nâng mức khung chi phí tống đạt để các Văn phòng Thừa phát lại thực hiện tống đạt văn bản ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa của tỉnh *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Về kiến nghị sửa đổi, nâng mức khung chi phí tống đạt, Bộ Tư pháp ghi nhận để nghiên cứu sửa đổi trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

15. Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về "các trường hợp điểm chỉ trong vi bằng" gồm: Người yêu cầu lập vi bằng, người làm chứng không ký được, bị khuyết tật hoặc theo đề nghị của người lập vi bằng; cấp bản sao vi bằng trong trường hợp vi bằng được lập kèm theo đĩa DVD, USB tài liệu; quy định cụ thể về các trường hợp không được lập vi bằng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Trả lời:

Về kiến nghị này của địa phương, Bộ Tư pháp đã tổng hợp để nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, trong đó có các vấn đề về "các trường hợp điểm chỉ trong vi bằng" gồm: Người yêu cầu lập vi bằng, người làm chứng không ký được, bị khuyết tật hoặc theo đề nghị của người lập vi bằng...

16. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ công chứng viên, thừa phát lại để đáp ứng nhu cầu thực tiễn nhiệm vụ tại địa phương *(UBND các tỉnh: Quảng Nam, Tây Ninh).*

Trả lời:

Ngày 05/12/2024, Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm đã ban hành Quyết số 2317/QĐ-HĐKT, theo đó, việc tổ chức Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng sẽ được tổ chức vào ngày 21-22/12/2024 tại thành phố Hà Nội (đối với các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc) và Thành phố Hồ Chí Minh (đối với các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam). Thông tin về Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ năm đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

17. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, phối hợp với Bộ Tài chính để có hướng dẫn cho các địa phương về việc xây dựng giá dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Ngày 10/7/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá năm 2023, trong đó có quy định chi tiết về ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá (Nghị định số 85/2024/NĐ-CP). Ngày 01/7/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2024/TT-BTC ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Trên cơ sở đó, đề nghị UBND TP. Đà Nẵng chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính và cơ quan liên quan căn cứ quy định của Luật Giá năm 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, Thông tư số 45/2024/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan để kịp thời ban hành định giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng tại địa phương. Bên cạnh đó, việc quy định, hướng dẫn về giá thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Do đó, trường hợp có khó khăn, vướng mắc thì UBND TP. Đà Nẵng gửi văn bản xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài chính.

18. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung đối với Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, để đảm bảo công tác đấu giá tại địa phương được triển khai hiệu quả *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và đã tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự theo Thông tư. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư để ban hành đảm bảo thời điểm có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

19. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sớm ban hành khung giá đối với dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá để các cơ quan, đơn vị có cơ sở áp dụng giá *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Thực hiện quy định của Luật Giá, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã xây dựng, tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá và Quyết định ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá theo quy định của Luật Giá năm 2023, dự kiến ban hành đảm bảo có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 theo quy định của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Giá.

20. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, kiến nghị Quốc hội sớm sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012 theo hướng mở rộng lĩnh vực được thành lập Văn phòng giám định tư pháp để thực hiện kêu gọi xã hội hóa giám định tư pháp thay vì các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả như hiện nay; sớm triển khai xây dựng Đề án đẩy mạnh xã hội hóa giám định tư pháp để việc thực hiện kêu gọi xã hội hóa được triển khai thống nhất từ trung ương đến địa phương, huy động được các cơ quan, đơn vị, tổ chức chuyên môn của nhà nước và ngoài nhà nước tham gia hoạt động giám định tư pháp *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành. Trong đó, có nội dung chính sách quy định về Văn phòng giám định tư pháp theo hướng kế thừa quy định hiện hành và mở rộng phạm vi thành lập Văn phòng đối với một số lĩnh vực giám định mà tổ chức, cá nhân trong xã hội có nhu cầu.

21. Đề nghị Bộ Tư pháp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, theo hướng nâng mức tiền bồi dưỡng giám định tư pháp, quy định rõ hồ sơ đề nghị thanh toán tiền bồi dưỡng giám định tư pháp gồm những giấy tờ gì để các tổ chức giám định tư pháp thuận lợi hơn trong quá trình thanh toán tiền bồi dưỡng giám định tư pháp; quy định giám định viên kỹ thuật hình sự cũng được hưởng tiền bồi dưỡng giám định ngoài giờ hành chính khi thực hiện giám định *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Hiện nay, dự thảo Quyết định (sửa đổi) đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và cơ quan có liên quan.

22. Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ kiến nghị Quốc hội bổ sung vào danh mục phí và lệ phí đối với các loại phí như phí đăng ký vi bằng, phí thẩm định báo cáo kết quả tập sự, phí kiểm tra, xác minh việc tập sự hành nghề thừa phát lại để hỗ trợ Sở Tư pháp các địa phương trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Thực hiện Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 05/TT-BTC ngày 20/1/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại *(Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/3/2021)*. Về kiến nghị của địa phương liên quan đến phí đăng ký vi bằng, phí thẩm định báo cáo kết quả tập sự, phí kiểm tra, xác minh việc tập sự hành nghề thừa phát lại, Bộ Tư pháp ghi nhận, tổng hợp kiến nghị này để phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét.

23. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét tổ chức kỳ thi cấp Chứng chỉ hành nghề Thừa phát lại cho những người đáp ứng đủ điều kiện để đảm bảo nguồn thừa phát lại tại địa phương *(UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của các địa phương và sẽ có kế hoạch tổ chức kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại trong thời gian sớm nhất.

24. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu quy định giới hạn mức chi phí tối đa mà Văn phòng Thừa phát lại được thu khi thực hiện các công việc thừa phát lại (tương tự như với lĩnh vực công chứng, đấu giá tài sản) - *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi các quy định pháp luật về thừa phát lại theo hướng như thành lập doanh nghiệp, rõ tiêu chuẩn, điều kiện, không giới hạn định tính *(UBND TP. Hà Nội).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này để nghiên cứu, tổng hợp trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

25. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp các Bộ, ngành chuyên môn hàng năm phải tổ chức tập huấn chuyên sâu về công tác giám định trong lĩnh vực phụ trách, nhằm giúp giám định viên tư pháp tại các địa phương bổ sung thêm kiến thức, kinh nghiệm trong hoạt động giám định *(UBND tỉnh Tây Ninh).*

Trả lời:

Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 41 Luật Giám định tư pháp thì Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Ngoài ra, Luật

Giám định tư pháp cũng quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở địa phương.

Về phía Bộ Tư pháp, với vai trò quản lý chung về công tác giám định tư pháp, hằng năm đều phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp.

26. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm trình Quốc hội ban hành Luật Luật sư sửa đổi, Luật Giám định tư pháp sửa đổi để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội và thực tiễn phát triển của các nghề, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế *(UBND tỉnh An Giang).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh An Giang, Bộ sẽ nghiên cứu đưa vào dự thảo Luật Luật sư sửa đổi Luật Giám định tư pháp để phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và thực tiễn phát triển của các nghề, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

27. Mức thu phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y và mức bồi dưỡng giám định tư pháp còn thấp, đã được áp dụng trong thời gian dài đã trở nên bất cập, không còn phù hợp với chỉ số giá tiêu dùng và mức lương tối thiểu tăng nhiều lần trong thời gian qua. Đặc biệt, với những vụ việc giám định phức tạp, đòi hỏi chuyên môn cao, chịu trách nhiệm pháp lý lớn đồng thời chế độ bồi dưỡng không phù hợp với tính chất lao động đặc thù nên không bảo đảm ý nghĩa động viên, thu hút các chuyên gia giỏi tham gia vào hoạt động giám định tư pháp. Do đó, cần có chính sách ưu đãi riêng đối với viên chức làm công tác pháp y để thu hút người tham gia tuyển dụng, giải quyết tình trạng thiếu nhân sự như hiện nay; có chế độ, chính sách dành cho các giám định viên tại các cơ quan chuyên môn của tỉnh để thu hút sự tham gia của các lực lượng này đảm bảo yêu cầu của các cơ quan trưng cầu giám định tư pháp Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg này 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp do chế độ bồi dưỡng; Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định pháp y cho phù hợp với thực tiễn hiện nay *(UBND tỉnh Bình Định).*

Đề nghị Bộ Tư pháp sớm có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg này 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp do chế độ bồi dưỡng; Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực giám định pháp y cho phù hợp với thực tiễn hiện nay *(UBND tỉnh Bình Định).*

Trả lời:

- Đối với chi phí giám định tư pháp: Hiện nay, trong lĩnh vực giám định pháp y vẫn thực hiện tạm thu theo mức phí giám định tư pháp cũ đối với dịch vụ cùng loại theo hướng dẫn tại Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/03/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y, do Bộ Y tế chưa có hướng dẫn, ban hành định mức chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định chi phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y.

- Đối với chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp: Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Hiện nay, dự thảo Quyết định (sửa đổi) đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và cơ quan có liên quan, trong đó một trong những nội dung chính là sửa đổi, tăng mức bồi dưỡng giám định tư pháp.

28. Một số quy định liên quan đến hoạt động công chứng chưa có sự thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật, trong khi các văn bản hướng dẫn chưa được ban hành kịp thời, cần có hướng dẫn áp dụng của Bộ Tư pháp, cụ thể:

a) Luật Đất đai 2024 đã bỏ đối tượng hộ gia đình sử dụng đất (khoản 25 Điều 3) và chỉ công nhận đối tượng hộ gia đình sử dụng đất trước ngày Luật có hiệu lực. Như vậy, từ ngày Luật Đất đai 2024 có hiệu lực, hộ gia đình sử dụng đất sẽ không được giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất với tư cách hộ gia đình sử dụng đất.

Luật có quy định chuyển tiếp đối với quyền sử dụng đất của hộ gia đình tại Điều 259, theo đó hộ gia đình sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tham gia quan hệ pháp luật về đất đai với tư cách nhóm người sử dụng đất mà có chung quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Luật không quy định cách xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất khi thực hiện các giao dịch về quyền sử dụng đất của hộ gia đình, nên khi triển khai còn gặp nhiều lúng túng, không biết xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất bằng cách nào.

Trong khi đó, khoản 4 Điều 256 Luật Đất đai 2024 quy định: "Trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho đại diện hộ gia đình trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, nếu các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình có nhu cầu thì được cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và ghi đầy đủ tên các thành viên có chung quyền sử dụng đất và Luật cho phép "*xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình để ghi tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do các thành viên này tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật*".

Từ đó, dẫn đến tình trạng muốn giao dịch liên quan đến đất hộ thì phải cấp đổi Giấy chứng nhận (mặc dù "không có nhu cầu").

b) Luật Đất đai 2024 đã mở rộng quyền sử dụng đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam. Theo đó, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam có các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất như cá nhân trong nước (khoản 3 Điều 4 Luật Đất đai).

Tuy nhiên, Luật Nhà ở 2023 lại quy định: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về quốc tịch (bao gồm: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam định cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài - Khoản 3 Điều 4 Luật Quốc tịch 2008; Sửa đổi, bổ sung năm 2014) phải tuân thủ điều kiện: "được phép nhập cảnh vào Việt Nam" mới được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai (điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 8).

Do quy định chưa thống nhất giữa Luật Đất đai và Luật Nhà ở dẫn đến lúng túng trong áp dụng luật, cụ thể: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam khi nhận quyền sử dụng đất có bắt buộc phải có mặt tại Việt Nam không (tuân thủ điều kiện "được phép nhập cảnh vào Việt Nam") hay họ có thể lập hợp đồng ủy quyền tại nước ngoài ủy quyền cho người khác nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho,… quyền sử dụng đất tại Việt Nam (có các quyền và nghĩa vụ như cá nhân trong nước).

c) Trong hoạt động công chứng, việc xác định chủ thể tham gia hợp đồng, giao dịch có đúng là người trên giấy tờ hay không là một bước quan trọng, cần thực hiện kỹ lưỡng. Nếu chỉ nhìn ảnh trong căn cước, nhiều khi rất khó xác định có đúng người hay không, ví dụ: anh chị em sinh đôi hay những người đã thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ, ... Trong những trường hợp này, việc đối chiếu dấu vân tay là một biện pháp hữu hiệu để xác định được đúng người tham gia giao dịch.

Tuy nhiên hiện nay, theo quy định của Luật Căn cước năm 2023 thì thông tin được in trên thẻ căn cước không còn dấu vân tay, mà những thông tin này *"... được mã hóa, lưu trữ trong bộ phận lưu trữ trên thẻ căn cước gồm thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt của công dân"* (Khoản 2, Điều 18 Luật Căn cước 2023), việc này làm cho công chứng viên đôi khi gặp khó khăn trong việc xác định chính xác chủ thể tham gia giao dịch.

d) Một số trường hợp bất động sản đã được cơ quan có thẩm quyền gửi

văn bản yêu cầu ngăn chặn, tạm dừng giao dịch nhưng cơ quan này không gửi cho các tổ chức hành nghề công chứng mà chỉ gửi văn bản cho các Trung tâm hành chính công. Do đó, các tổ chức hành nghề công chứng vẫn thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng, nhưng khi đăng ký tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì không thực hiện được do có ngăn chặn. Điều này tiềm ẩn nhiều rủi ro pháp lý cho người yêu cầu công chứng cũng như tổ chức hành nghề công chứng.

đ) Hiện nay, phần lớn người tham gia hợp đồng, giao dịch đã có định danh điện tử mức độ 2 (VNeID). Các thông tin trên ứng dụng này tương đối đầy đủ (cha/mẹ, vợ/chồng, con, nơi cư trú, …) và là các thông tin đã được xác minh với Cơ sở dữ liệu Dân cư Quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu tin cậy khác. Do đó, việc sử dụng thông tin công dân trên ứng dụng VNeID như thông tin vợ/chồng, cha, mẹ có thể thay thế các giấy tờ như: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh trong hoạt động công chứng được hay không? *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

- Đối với kiến nghị tại điểm a và điểm b:

Theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng và thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, bồi thường nhà nước, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, công tác pháp chế; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ.

Căn cứ quy định nêu trên, Bộ Tư pháp không có thẩm quyền hướng dẫn áp dụng pháp luật đối với Luật Đất đai, Luật Nhà ở. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong trường hợp có vướng mắc, khó khăn, đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có văn bản đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng hướng dẫn theo thẩm quyền.

- Đối với phản ánh tại điểm c:

Điều 18 Luật Căn cước năm 2023 quy định các nội dung thể hiện trên thẻ căn cước, trong đó, khoản 3 điều này quy định "*Thông tin được mã hóa, lưu trữ trong bộ phận lưu trữ trên thẻ căn cước gồm thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt của công dân, các thông tin quy định từ khoản 1 đến khoản 18 Điều 9, khoản 2 Điều 15 và khoản 2 Điều 22 của Luật này*".

Khoản 5 Điều 22 Luật Căn cước quy định "*Việc khai thác thông tin tích hợp được mã hóa trong thẻ căn cước được quy định như sau: a) Sử dụng thiết bị chuyên dụng để khai thác thông tin tích hợp trong bộ phận lưu trữ được mã hóa của thẻ căn cước; b) Sử dụng thông tin trên thẻ căn cước qua thiết bị chuyên dụng để truy xuất, khai thác thông tin tích hợp qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống định danh và xác thực điện tử;... d) Tổ chức và cá nhân khai thác thông tin tích hợp được mã hóa trong thẻ căn cước của công dân khi được sự đồng ý của công dân đó".* Có thể thấy, ngoài việc sử dụng thiết bị chuyên dụng để khai thác thông tin tích hợp trong bộ phận lưu trữ được mã hóa của thẻ căn cước thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng thông tin trên thẻ căn cước qua thiết bị chuyên dụng để truy xuất, khai thác thông tin tích hợp qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Bên cạnh đó, trong trường hợp các tổ chức hành nghề công chứng, thừa phát lại cần thêm cơ sở để xác nhận thông tin của người yêu cầu công chứng, thừa phát lại thì có thể thực hiện việc khai thác thông tin của những khách hàng này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua các phương thức khai thác thông tin đã được quy định tại Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024), theo đó "*Tổ chức tín dụng... tổ chức hành nghề công chứng, thừa phát lại và tổ chức khác được giao thực hiện dịch vụ công khai thác thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua phương thức khai thác thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 5 Điều 10[1] Luật Căn cước*" (khoản 2 Điều 8).

Thêm vào đó, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP cũng quy định "*thông qua phương thức khai thác thông tin quy định tại các điểm b, c, d khoản 5 Điều 10 Luật Căn cước và thông qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh, công dân thực hiện khai thác thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện thủ tục hành chính và phục vụ các hoạt động khác theo nhu cầu của mình*" (khoản 2 Điều 8).

Như vậy, các tổ chức hành nghề công chứng có thể áp dụng các phương pháp, cách thức nêu trên để khai thác các thông tin về các chủ thể hợp đồng, giao dịch.

- Đối với phản ánh tại điểm d:

Việc các cơ quan có thẩm quyền tại tỉnh Thừa Thiên Huế không gửi các văn bản văn bản yêu cầu ngăn chặn, tạm dừng giao dịch cho tổ chức hành nghề công chứng mà chỉ gửi cho Trung tâm hành chính công là do công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức tại địa phương. Do vậy, đề nghị Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để

tăng cường và chủ động phối hợp để các thông tin thông suốt, bảo đảm thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi có yêu cầu công chứng.

- Đối với vấn đề nêu tại điểm đ:

Luật Công chứng quy định hồ sơ yêu cầu công chứng gồm:

"c) Bản sao giấy tờ tùy thân của người yêu cầu công chứng;

d) Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó;

đ) Bản sao giấy tờ khác có liên quan đến hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định phải có." (điểm c, d, đ khoản 1 Điều 40).

Còn giấy tờ tùy thân và các giấy tờ cụ thể liên quan đến hợp đồng, giao dịch được quy định tại các văn bản pháp luật khác có liên quan (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Căn cước, pháp luật về hộ tịch…)

Khoản 3 Điều 22 Luật Căn cước quy định "*việc sử dụng thông tin đã được tích hợp vào thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác"*

Điều 33 Luật Căn cước quy định:

"1. Căn cước điện tử có giá trị chứng minh về căn cước và thông tin khác đã được tích hợp vào căn cước điện tử của người được cấp căn cước điện tử để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác theo nhu cầu của công dân.

2. Trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công, thực hiện các giao dịch và hoạt động khác, nếu phát hiện có sự khác nhau giữa thông tin in trên thẻ căn cước hoặc thông tin lưu trữ trong bộ phận lưu trữ được mã hóa của thẻ căn cước với thông tin trong căn cước điện tử thì cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng thông tin trong căn cước điện tử."

Công chứng viên cần căn cứ vào các quy định của Luật Căn cước, pháp luật hộ tịch… để xem xét đối với các việc công chứng cụ thể.

29. Thực tiễn tại tỉnh Thừa Thiên Huế, có trường hợp Văn phòng Thừa phát lại thu hồi và hủy bỏ vi bằng. Tuy nhiên, Nghị định số 08/2020/NĐ-CP không nội dung này. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn giải quyết đối với trường hợp Văn phòng Thừa phát lại có văn bản thu hồi và hủy bỏ Vi bằng đã lập do phát hiện vi phạm hoặc theo yêu cầu của người lập vi bằng và người tham gia lập vi bằng *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Ngày 15/7/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, theo đó có quy định về các hành vi như lập vi bằng không đúng nội dung và hình thức quy định hoặc vi phạm về các trường hợp không được lập vi bằng... Do vậy, đề nghị địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động thừa phát lại trên địa bàn để kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền**.** Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này để nghiên cứu, rà soát trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

30. Nghị định số 08/2020/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, trong đó quy định việc Thừa phát lại thực hiện tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Toà án, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự theo hợp đồng dịch vụ tống đạt được ký kết giữa Văn phòng Thừa phát lại với Toà án, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự. Thừa phát lại thực hiện tống đạt văn bản tố tụng theo hợp đồng đã thoả thuận và phải thông báo kết quả tống đạt hoặc tài liệu chứng minh việc tống đạt hoàn thành cho Toà án, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan, tổ chức khác đã yêu cầu trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong việc tống đạt được quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

Theo điểm c khoản 2 Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng, do Tòa án trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người có chức năng tống đạt hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú, nơi cơ quan, tổ chức có trụ sở thực hiện niêm yết bản chính tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và phải lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết.

Theo quy định trên, Văn phòng Thừa phát lại được Tòa án ủy quyền thực hiện tống đạt và lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai. Trong quá trình thực hiện Tòa án yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai và phải được UBND cấp xã nơi niêm yết công khai xác nhận. Tuy nhiên, UBND cấp xã từ chối không xác nhận do không có văn bản nào quy định về việc UBND cấp xã phải thực hiện xác nhận biên bản của Văn phòng Thừa phát lại về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Về kiến nghị liên quan đến việc UBND cấp xã từ chối không xác nhận do không có văn bản nào quy định về việc UBND cấp xã phải thực hiện xác nhận biên bản của Văn phòng Thừa phát lại về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã nơi đương sự cư trú, Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị này để rà soát, tổng hợp trong quá trình xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP.

31. Theo Công văn số 1949/BTP-BTTP ngày 14/6/2022 của Bộ Tư pháp về việc triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá, theo đó tại khoản 3.3 Công văn số 1949/BTP-BTTP có nêu: "*Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP bao gồm hợp đồng dịch đấu giá tài sản hoặc hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đã ký (áp dụng đối với cả trường hợp đấu giá thành và đấu giá không thành)*". Quá trình thực tế áp dụng Thông tư số 02/2022/TT-BTP theo nội dung hướng dẫn này đã phát sinh một số vấn đề bất cập cụ thể như sau:

Ví dụ 1: Năm 2023 Công ty đấu giá A ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản đối với 01 tài sản là quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất, cuộc đấu giá không thành, phải giảm giá khởi điểm 04 lần và mỗi lần giảm giá Công ty đấu giá A và người có tài sản ký hợp đồng sửa đổi, bổ sung.

Ví dụ 2: Năm 2023 Công ty đấu giá ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất gồm 32 lô đất thuộc dự án. Lần 1: đấu thành công 11 lô, còn lại 21 lô. Có hai trường hợp xảy ra:

i) Công ty đấu giá tiếp tục tổ chức các phiên đấu giá cho đến khi hoàn thành hết 32 lô mà không thực hiện sửa đổi, bổ sung hợp đồng đấu giá.

ii) Để tiếp tục đấu giá 21 lô còn lại, Công ty đấu giá và người có tài sản thực hiện sửa đổi, bổ sung hợp đồng đấu giá cho mỗi lần tiếp tục thực hiện tổ chức đấu giá cho đến khi hoàn thành hết 32 lô.

Như vậy, với nguyên tắc các tổ chức đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn và phải chịu hậu quả bất lợi do kê khai không đầy đủ, không chính xác thông tin. Do đó, khi thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại khoản 3.3 Công văn số 1949/BTP-BTTP, các tổ chức đấu giá và người có tài sản có 02 cách hiểu và tính số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP khác nhau:

Cách hiểu 1: Khi chấm điểm Số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trong trường hợp trên là tổng cộng hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản và hợp đồng sửa đổi,

bổ sung hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề là năm 2023 thì Công ty đấu giá A có 01 hợp đồng chính và + n hợp đồng sửa đổi, bổ sung.

Cách hiểu 2: Ngoài ra, (ii) Số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trong trường hợp trên là một trong hai loại: số hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (ban đầu) nếu hợp đồng này thuộc phạm vi trong năm trước liền kề; hoặc 01 hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng dịch đấu giá tài sản nếu hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản (ban đầu) không thuộc phạm vi trong năm trước liền kề và hợp đồng sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi trong năm trước liền kề.

Do có sự không thống nhất về cách tính của các tổ chức thực hiện lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản nên dẫn đến cách chấm điểm chưa thống nhất đối với mục: Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá quy định tại khoản 1 mục III phụ lục I Thông tư số 02/2022/TT-BTP. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn trường hợp này *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Qua hơn 02 năm triển khai thi hành cho thấy việc ban hành và triển khai Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã tạo cơ sở pháp lý cho người có tài sản thực hiện đánh giá, chấm điểm lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Thông tư số 02/2022/TT-BTP đã phát sinh một số tồn tại, hạn chế, vướng mắc, trong đó có vướng mắc trong kiến nghị nêu trên. Để khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Thông tư, đồng thời triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 02/2022/TT-BTP và gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến nêu trên và nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Thông tư để ban hành trong thời gian tới.

32. Theo quy định tại khoản 7 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai: "*Việc lựa chọn đơn vị, tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trình tự thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Luật Đất đai và Luật Đấu giá tài sản*". Như vậy, kể từ ngày 01/8/2024, việc lựa chọn đơn vị, tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất (sau đây gọi là tổ chức đấu giá) phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo Điều 56 Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá. Khoản 5 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản 2016 quy định: "*Trường hợp pháp luật*

quy định việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thông qua đấu thầu thì thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về đấu thầu." Hiện nay, trên địa bàn tỉnh các tổ chức có tài sản đấu giá thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá có cách hiểu khác nhau và thực hiện chưa thống nhất.

Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn về việc áp dụng khoản 5 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản 2016 đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất (áp dụng khoản 5 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản về nội dung gì và áp dụng pháp luật về đấu thầu nội dung gì?) Dịch vụ đấu giá tài sản đất là dịch vụ tư vấn hay dịch vụ phi tư vấn để áp dụng đúng quy định pháp luật đấu thầu *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Liên quan đến kiến nghị của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã nhận được văn bản nhiều địa phương phản ánh khó khăn, vướng mắc trong việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư) để trao đổi, thảo luận về giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nêu trên. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan theo đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình có hướng dẫn thống nhất cho các địa phương đối với vấn đề này.

33. Bộ Tư pháp chưa tổ chức các đợt thi hoàn thành kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản, dẫn đến những người đã hoàn thành xong thời gian tập sự và đăng ký kiểm tra hành nghề đấu giá tài sản nhiều năm nhưng chưa được tham gia kiểm tra, ảnh hưởng đến quyền lợi, cơ hội hành nghề của người đã hoàn thành xong thời gian tập sự *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ sẽ sắp xếp, tổ chức Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản trong thời gian tới.

34. Chi phí giám định là một nội dung qua trọng trong hoạt động giám định tư pháp, nhưng đến nay trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự vẫn chưa được hướng dẫn thực hiện cụ thể, dẫn trên việc thu, chi trả, sử dụng phí, chi phí giám định tư pháp hiện nay thực hiện chưa thống nhất *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì việc xây dựng Pháp lệnh

Chi phí tố tụng (sửa đổi), trong đó có nội dung về chi phí giám định tư pháp. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành, trong đó có nội dung chính sách về chi phí giám định tư pháp. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật Giám định tư pháp và phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình xây dựng Pháp lệnh Chi phí tố tụng (sửa đổi) để đảm bảo khắc phục các khó khăn, vướng mắc hiện nay trong việc thực hiện chế định chi phí giám định tư pháp.

35. Chế độ chi phí giám định không phù hợp với thực tiễn; chế độ bồi dưỡng giám định theo Quyết định số 01/2014/QĐ-TT ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ đã được thực hiện hơn 10 năm, so với hiện tại không có phù hợp *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

- Đối với chi phí giám định tư pháp: Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang chủ trì việc xây dựng Pháp lệnh Chi phí tố tụng (sửa đổi), trong đó có nội dung về chi phí giám định tư pháp. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành, trong đó có nội dung chính sách về chi phí giám định tư pháp. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật Giám định tư pháp và phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình xây dựng Pháp lệnh Chi phí tố tụng (sửa đổi) để đảm bảo khắc phục các khó khăn, vướng mắc hiện nay trong việc thực hiện chế định chi phí giám định tư pháp.

- Đối với chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp: Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Hiện nay, dự thảo Quyết định (sửa đổi) đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và cơ quan có liên quan.

36. Luật Giám định tư pháp quy định giám định viên pháp y CAND cấp tỉnh chi tiến hành giám định y tử thi, không giám định thương tích và pháp y khác là chưa phù hợp, gây lãng phí nhân lực trong khi lực lượng cấp tỉnh đã được tăng cường về số lượng, chất lượng bác sỹ pháp y để giải quyết các vụ việc tại địa phương. Chưa có quy định về thời gian trưng cầu giám định dẫn đến một số vụ

việc đưa đi giám định chậm, ảnh hưởng kết quả giám định *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành. Bộ Tư pháp xin ghi nhận ý kiến này để tiếp tục nghiên cứu trong quá trình đề nghị xây dựng Luật.

37. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục hoàn thiện thể chế chính sách liên quan đến các chế định bổ trợ tư pháp như: ban hành các quy định về giám định tư pháp; về chế độ, chính sách đối với người giám định tư pháp; các quy trình, quy chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp trong các lĩnh vực; cơ chế hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giám định cho các tổ chức, cơ quan chuyên môn; ban hành văn bản hướng dẫn hoặc xây dựng Nghị định quy định cụ thể để địa phương xây dựng Đề án quản lý, phát triển tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn; quy định chặt chẽ về việc thành lập Văn phòng công chứng tại các địa phương *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Thực hiện nhiệm vụ được giao triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp, trong thời gian qua, các bộ, cơ quan ngang bộ đã xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tính đến nay, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giám định tư pháp lên tới 62 văn bản (của Chính phủ và các Bộ, ngành ban hành), trong đó, (1) từ năm 2013 đến tháng 6/2020 là 38 văn bản; (2) từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2023 là 24 văn bản bản.

Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn đã ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế các thông tư về: (1) tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm giám định viên tư pháp; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; (2) quy trình giám định, trong đó quy định thời hạn giám định đối với từng loại việc giám định[19]; ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám

[19] Bộ Công an đã ban hành 02 Thông tư với 51 quy trình giám định chuẩn trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự ở 11 chuyên ngành; tương tự như vậy, Bộ Y tế đã ban hành 02 Thông tư với 37 quy trình giám định pháp y và 01 quy trình giám định pháp y tâm thần.

định tư pháp theo yêu cầu và đặc thù của lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; (3) mẫu, thành phần hồ sơ và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định; (4) điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện phục vụ giám định của các tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn khi thực hiện giám định ở từng lĩnh vực tạo điều kiện cho tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở các lĩnh vực.

Chế độ, chính sách của người giám định tư pháp đã được quy định tại Luật Giám định tư pháp (Điều 38); Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp; Thông tư số 02/2009/TT-BTP ngày 17/9/2009 của Bộ Tư pháp quy định về hế độ phụ cấp trách nhiệm công việc giám định tư pháp.

Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Tư pháp đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật Giám định tư pháp (sửa đổi) để thay thế Luật Giám định tư pháp hiện hành và xây dựng Quyết định sửa đổi Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp ghi nhận để tiếp tục rà soát, nghiên cứu, tham mưu trong quá trình sửa đổi các văn bản nêu trên.

38. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, ban hành các quy định cụ thể để khuyến khích phát triển các tổ chức hành nghề công chứng tại các địa bàn chưa có tổ chức hành nghề công chứng *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

Luật Công chứng số 46/2024/QH15 đã quy định Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng, đồng thời tại tại các đơn vị hành chính cấp huyện có mật độ dân số thấp, cơ sở hạ tầng và dịch vụ chưa phát triển và khó khăn trong việc thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh, Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với loại hình công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Luật giao Chính phủ quy định danh mục các đơn vị hành chính cấp huyện được thành lập Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân và việc chuyển đổi loại hình Văn phòng công chứng tại các đơn vị hành chính cấp huyện này. Ngoài ra, để khuyến khích việc phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, Luật Công chứng quy định văn phòng công chứng thành lập tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các chính sách ưu đãi khác theo quy định

của Chính phủ.

39. Đề nghị Bộ Tư pháp bổ sung quy định chặt chẽ hơn từ khâu đào tạo, tập sự, thi, cấp chứng chỉ hành nghề, bổ nhiệm để nâng cao chất lượng luật sư, công chứng viên, đấu giá viên và các chức danh bổ trợ tư pháp khác *(UBND TP. Hải Phòng).*

Trả lời:

- Đối với quy định về đào tạo, tập sự hành nghề công chứng: Nhằm nâng cao chất lượng của đội ngũ công chứng viên, Luật Công chứng năm 2024 quy định những đối tượng được miễn đào tạo nghề và tham gia bồi dưỡng nghề 03 tháng theo Luật Công chứng năm 2014 trước đây sẽ phải tham gia đào tạo nghề 06 tháng (tăng 1/2 thời gian so với trước đây); Thời gian tập sự hành nghề công chứng thống nhất là 12 tháng thay vì có 02 loại thời gian là 06 tháng và 12 tháng như quy định của Luật Công chứng năm 2014. Quy định rõ người tập sự hành nghề công chứng phải bảo đảm thời gian tập sự theo ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự.

- Đối với quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm công chứng viên: Luật Công chứng năm 2024 đã bổ sung thêm một số trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên, bị miễn nhiệm nhiệm công chứng viên, tạm đình chỉ hành nghề công chứng, không được bổ nhiệm lại nhiệm công chứng viên… để bảo đảm những người thực sự xứng đáng mới được đứng trong đội ngũ nhiệm công chứng viên.

Việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng được quy định chặt chẽ tại Thông tư số 08/2023/TT-BTP ngày 02/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

40. Hiện nay, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về vi bằng được giao cho các địa phương thực hiện, trong khi số lượng vi bằng ở mỗi địa phương khác nhau. Đồng thời, chưa có văn bản hướng dẫn việc xây dựng cơ sở dữ liệu theo hệ thống tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật nên sẽ rất khó khăn cho việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về vi bằng trong phạm vi cả nước. Do đó, kiến nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xây dựng phần mềm dùng chung để hỗ trợ, cung cấp cho các địa phương thực hiện quản lý thống nhất về Cơ sở dữ liệu vi bằng *(UBND tỉnh Tiền Giang).*

Trả lời:

Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại đã quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu vi bằng và quản lý cơ sở dữ liệu về vi bằng thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tư pháp (khoản 4 Điều 39, điểm đ khoản 2 Điều 68). Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện

pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đã có quy định về việc xây dựng cơ sở dữ liệu vi bằng (Điều 31). Hiện nay, theo báo cáo của Sở Tư pháp một số địa phương đã xây dựng được Phần mềm cơ sở dữ liệu về vi bằng và đi vào hoạt động như tỉnh Bình Dương, Hải Dương và Quảng Nam... Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Sở Tư pháp chủ động nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm các địa phương nêu trên để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương, báo cáo kết quả về Bộ Tư pháp.

41. Kiến nghị sửa đổi Luật Luật sư theo hướng quy định cụ thể các "dịch vụ pháp lý khác" của Luật sư, việc làm chứng của luật sư trong các giao dịch dân sự; quy định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề luật sư chặt chẽ hơn cho phù hợp với tình hình mới, đảm bảo đội ngũ luật sư có tâm, có tầm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa *(UBND tỉnh Đồng Nai).*

Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản quy định, hướng dẫn về nghĩa vụ báo cáo của Chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư để thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về luật sư; bổ sung quy định về thời hạn giải quyết của thủ tục *"Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư" (UBND tỉnh Phú Yên).*

Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể về việc quản lý việc hành nghề của luật sư nước ngoài và các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam theo hướng thống nhất một đầu mối nhưng không làm ảnh hưởng đến việc hành nghề của cá nhân luật sư; bổ sung quy định nghĩa vụ của luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam trong việc chấp hành và các hình thức xử lý khi luật sư nước ngoài và luật sư Việt Nam hành nghề trong các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài vi phạm các quy định pháp luật Việt Nam, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư tại Việt Nam *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành liên quan sớm rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản để giải quyết những tồn tại, hạn chế như: một số cấp ủy, chính quyền địa phương và một số ngành chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của luật sư và hoạt động luật sư trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; số lượng và chất lượng hoạt động hành nghề luật sư chưa đáp ứng yêu cầu, chưa hình thành được đội ngũ luật sư chuyên sâu về các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư quốc tế, chứng khoán, tài chính, ngân hàng, sở hữu trí tuệ, chống bán phá giá…; một số luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư chưa chấp hành tốt các quy định pháp luật về luật sư, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp *(UBND tỉnh Quảng Nam).*

Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập của Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan đến trách nhiệm báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư (TCHNLS) cho Sở Tư pháp nơi chi nhánh đặt trụ sở; về hình thức hành nghề của luật sư, về cách thức thực hiện thu hồi Giấy đăng ký hoạt động trong trường hợp TCHNLS, chi nhánh của TCHNLS không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn 06 tháng; về Phiếu LLTP trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; việc thành lập Văn phòng giao dịch của TCHNLS... *(UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Cần Thơ).*

Đề nghị Bộ Tư pháp tham mưu, đề xuất với Chính phủ xem xét tiếp tục hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo đề nghị Quốc hội xem xét, sớm ban hành Luật Luật sư, trong đó tập trung tháo gỡ một số bất cập, tồn tại của Luật hiện hành, tạo thuận lợi nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước: Xây dựng cơ sở dữ liệu luật sư thống nhất toàn quốc; tăng cường chế tài xử lý nghiêm vi phạm, tăng cường sự tham gia của chính quyền các cấp trong công tác quản lý. Bỏ khâu trung gian đối với các TTHC liên quan đến luật sư và tổ chức hành nghề luật sư; xác định rõ thủ tục hành chính, điều kiện, thành phần hồ sơ thay đổi đăng ký hoạt động,..; xác định đúng vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp, giới hạn trong công tác phối hợp quản lý... *(UBND TP. Hà Nội).*

Trả lời:

Hiện nay, đề nghị xây dựng Luật Luật sư (sửa đổi) đang được trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến, bổ sung vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025. Theo dự kiến Đề cương Luật Luật sư (sửa đổi) thì đa số các nội dung kiến nghị nêu trên cũng đã được Bộ Tư pháp nghiên cứu và bước đầu đưa vào hồ sơ đề nghị. Do đó, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng dự thảo để giúp cho các nội dung kiến nghị nêu trên được đưa vào Luật Luật sư (sửa đổi) được đầy đủ, khả thi.

42. Đối với nội dung Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Dương bán đấu giá tài sản gắn liền với đất được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm theo Đơn tố cáo của công dân, việc áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Đất đai năm 2013 còn có ý kiến khác nhau. UBND tỉnh Bình Dương đã có 02 văn bản xin ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Công văn số 2209/UBND-KT ngày 08/5/2024 và Công văn số 5200/UBND-KT ngày 17/9/2024), đồng thời gửi Bộ Tư pháp. Tuy nhiên đến nay, chưa nhận được hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét phối hợp hướng dẫn địa phương *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Nội dung kiến nghị nêu trên liên quan đến việc áp dụng quy định của Luật Đất đai thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết theo đúng thẩm quyền.

43. Điều 76 Luật Đấu giá năm 2016 quy định: *"1. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.*

2. Việc giải quyết tố cáo trong hoạt động đấu giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo".

- Theo quy định tại điểm l khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản *(có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025)* đã bãi bỏ quy định tại Điều 76 Luật Đấu giá năm 2016.

- Luật Tố cáo năm 2018 quy định:

+ Khoản 1 Điều 2 quy định:

"1. Tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật này báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, bao gồm:

a) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ;

b) Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực".

+ Điều 3 quy định:

"1. Tố cáo và giải quyết tố cáo được áp dụng theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp luật khác có quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của luật đó.".

Tuy nhiên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản bãi bỏ quy định về việc công dân có quyền tố cáo về hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản và việc giải quyết tố cáo trong hoạt động đấu giá tài sản. Như vậy, theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, Sở Tư pháp có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong hoạt động đấu giá tài sản không? *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đã bãi bỏ quy định tại Điều 76 Luật Đấu giá năm 2016. Do đó, đề nghị Sở Tư pháp căn cứ các quy định của Luật Tố cáo để giải quyết tố cáo về hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản.

44. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về các chức danh bổ trợ tư pháp, trong đó có luật sư để tạo điều kiện cho các cơ quan trong việc tra cứu, cấp giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức, cá nhân hành nghề luật sư; hỗ trợ hiệu quả cho việc giải quyết hồ sơ được khoa học cũng như góp phần tích cực cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hành nghề của luật sư *(UBND TP. Cần Thơ).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp tiếp thu, trong thời gian tới sẽ đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình xây dựng cơ sở dữ liệu về các chức danh bổ trợ tư pháp, trong đó có luật sư để tạo điều kiện cho các cơ quan trong việc tra cứu, cấp giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức, cá nhân hành nghề luật sư; hỗ trợ hiệu quả cho việc giải quyết hồ sơ được khoa học cũng như góp phần tích cực cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hành nghề của luật sư

45. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về các chế định bổ trợ tư pháp như: Giám định tư pháp, công chứng và hoạt động hành nghề công chứng nhằm nâng cao nhận thức của cơ quan, tổ chức và người dân về vị trí, vai trò của các chế định này trong xã hội *(UBND TP. Hải Phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Trả lời:

Với vai trò quản lý chung về công tác giám định tư pháp, hằng năm, Bộ Tư pháp đều phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp và cử báo cáo viên hỗ trợ địa phương tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp.

46. Đối với hoạt động lập vi bằng: kiến nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp không được lập vi bằng quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; tại khoản 6 điều 37 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP đề nghị quy định cụ thể, rõ ràng hơn về "giao dịch trái pháp luật", không áp dụng cho tất cả các giao dịch *(UBND TP. Cần Thơ).*

Trả lời:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đã bãi bỏ quy định tại Điều 76 Luật Đấu giá năm 2016. Theo quy định của Luật Đấu giá tài sản thì Sở Tư pháp giúp UBND thực hiện công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản tại địa phương, do đó, đề nghị Sở Tư pháp căn cứ các quy định của Luật Tố cáo để giải quyết tố cáo về hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

47. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể nhiệm vụ "công chứng" của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã được quy định tại điểm c, điểm đ khoản 5 Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thống nhất thực hiện trong phạm vi toàn quốc *(UBND tỉnh Sơn La).*

Trả lời:

Luật Công chứng năm 2014 quy định: *Công chứng* là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng (khoản 1 Điều 2)

Luật Công chứng số 46/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 cũng quy định: Công chứng là dịch vụ công do công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện để chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của giao dịch mà luật quy định phải công chứng, luật giao Chính phủ quy định phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu (khoản 1 Điều 2).

Căn cứ quy định của Luật Công chứng thì công chức Tư pháp - Hộ tịch không thực hiện việc công chứng. Trong quá trình rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về cán bộ, công chức cấp xã, Bộ Tư pháp sẽ trao đổi với Bộ Nội vụ về vấn đề này để đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.

IX. TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp cập nhật, khắc phục các lỗi của Hệ thống quản lý vụ việc trợ giúp pháp lý. Hướng dẫn cụ thể về cách thức nhập dữ liệu, thống kê vụ việc tham gia tố tụng thành công lên Hệ thống *(UBND tỉnh Phú Yên).*

Trả lời:

Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL (gọi tắt là Hệ thống) là phần mềm được Bộ Tư pháp xây dựng và chính thức triển khai trên toàn quốc từ tháng 01/2019. Hệ thống quản lý TGPL cho phép cập nhật chi tiết thông tin tổ chức, nhân sự, vụ việc, việc TGPL; quản lý, cho phép trích xuất số liệu thống kê theo quy định của Ngành Tư pháp và cung cấp số liệu cho các báo cáo. Trong thời gian vừa qua, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý phối hợp chặt chẽ với Cục Công nghệ thông tin hỗ trợ, hướng dẫn cũng như kịp thời khắc phục các vướng mắc của người dùng trên Hệ thống ngay khi tiếp nhận thông tin.

Về nhập dữ liệu vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công lên Hệ thống, hiện tại được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 261/CTGPL-TC&QLCL ngày 03/6/2022 của Cục Trợ giúp pháp lý. Việc xác định tiêu chí và thực hiện chế độ báo cáo thống kê về vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công thực hiện theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công. Đề nghị địa phương triển khai thực hiện việc cập nhật vụ việc tham gia tố tụng thành công theo các văn bản trên. Trong quá trình triển khai, khi có khó khăn, vướng mắc đề nghị địa phương liên hệ về Cục Trợ giúp pháp lý để được hướng dẫn kịp thời.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung về mở rộng thêm đối tượng được trợ giúp pháp lý tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý *(UBND tỉnh Ninh Thuận)*.

Trả lời:

Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định về 14 diện người được TGPL. Vừa qua, Luật Tư pháp người chưa thành niên và Luật Phòng chống mua bán người (sửa đổi) mới được Quốc hội thông qua quy định mở rộng diện người được TGPL. Một là, "Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác (1), người bị kiến nghị khởi tố (2), người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (3), người bị buộc tội (4), bị hại (5), người làm chứng (6), người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng (7), phạm nhân (8)" được TGPL. Như vậy, với quy định này Luật Tư pháp người chưa thành niên đã mở rộng thêm nhiều diện người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được TGPL so với trước đây, vì theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý thì chỉ có: người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi (1) và bị hại từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi trong vụ án hình sự có khó khăn tài chính (2) được TGPL. Hai là, "Nạn nhân (1), người đang trong quá trình xác định là nạn nhân (2) và người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân (3)" được TGPL. Như vậy, so với Luật Trợ giúp pháp lý hiện hành quy định "Nạn nhân của hành vi mua bán người có khó khăn về tài chính" (1) mới được TGPL thì Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) đã bỏ điều kiện "có khó khăn về tài chính" của nạn nhân bị mua bán và bổ sung thêm 02 đối tượng là "người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân" cũng được TGPL.

Bên cạnh đó, hiện nay, Bộ Tư pháp đang tham mưu lập đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 144/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và một số biện pháp bảo đảm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý, trong đó đang nghiên cứu mở rộng điều kiện có khó khăn về tài chính.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý để các Trợ giúp viên tham gia nhằm nâng cao kỹ

năng thực hiện trợ giúp pháp lý nhất là kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người dân tộc thiểu số... *(UBND các tỉnh: Vĩnh Long, Cao Bằng, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Yên Bái)*.

Trả lời:

Hàng năm, Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ người thực hiện TGPL về kỹ năng TGPL, trong đó tập trung tập huấn chuyên sâu về các kỹ năng TGPL trong các lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính… cho các đối tượng đặc thù. Từ tháng 01/2023 đến tháng 12 /2024, Bộ đã tổ chức 19 lớp tập huấn kỹ năng thực hiện TGPL và chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình thực hiện hoạt động TGPL. Trong thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án, trong đó có kỹ năng TGPL cho người dân tộc thiểu số trong các lĩnh vực pháp luật được TGPL cho đội ngũ người thực hiện TGPL. Đồng thời, đề nghị địa phương chủ động tổ chức các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, kỹ năng TGPL cho người thực hiện TGPL trên địa bàn trong kinh phí địa phương được cấp.

4. Đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý tham mưu Bộ Tư pháp có ý kiến thống nhất với Sở Tư pháp khẩn trương phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cấp kinh phí để trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc tổ chức phiên tòa trực tuyến *(UBND tỉnh Vĩnh Long)*.

Trả lời:

Theo Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức Phiên toà trực tuyến, để tổ chức phiên tòa trực tuyến thì ngoài điểm cầu Trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án còn có điểm cầu thành phần do Trung tâm TGPL nhà nước bố trí được Tòa án chấp nhận. Để triển khai thực hiện quy định này, Bộ Tư pháp đã có văn bản hướng dẫn[20] Sở Tư pháp lập dự trù kinh phí gửi UBND tỉnh bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm tham gia tổ chức phiên tòa trực tuyến, trong đó Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để được bố trí kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về xét xử trực tuyến tại điểm cầu Trung tâm TGPL nhà nước theo hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao, Toà án nhân dân cấp tỉnh để tham gia có hiệu quả phiên toà trực tuyến.

[20] Công văn số 546/BTP-TGPL ngày 25/02/2022 của Bộ Tư pháp gửi các Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm TGPL nhà nước tham gia tổ chức phiên toà trực tuyến.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường công tác phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, công tác kiểm tra việc thực hiện Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC *(UBND tỉnh Lâm Đồng)*.

Trả lời:

Hiện nay công tác phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng được quy định cụ thể tại Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC (Thông tư liên tịch số 10). Để triển khai cơ chế phối hợp theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, Thông tư liên tịch số 10, ngày 19/5/2022, Chương trình phối hợp số 1603/CTPH-BTP-TANDTC giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao về việc người thực hiện TGPL trực tại Tòa án được ký kết ban hành; ngày 27/11/2023, Bộ Tư pháp và Bộ Công an ký Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA về trực TGPL trong điều tra hình sự. Việc ký kết các Chương trình phối hợp giúp người bị buộc tội, bị hại, đương sự là người thuộc diện được TGPL tiếp cận sớm với TGPL; được giải thích đầy đủ, cung cấp và sử dụng dịch vụ TGPL kịp thời, chất lượng; hạn chế việc người thuộc diện được TGPL bị bỏ lỡ cơ hội được nhận dịch vụ pháp lý miễn phí.

Đây là cơ sở pháp lý quan trọng và đầy đủ cho công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng tại các địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị địa phương nêu vấn đề vướng mắc cụ thể để Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng Trung ương kịp thời có biện pháp tháo gỡ.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 10 và Kế hoạch phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng, hàng năm Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng tại Trung ương đều tổ chức các Đoàn công tác nhằm kiểm tra việc triển khai Thông tư liên tịch số 10 tại địa phương (trung bình 1 năm tổ chức 2 đoàn tại 04 tỉnh). Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý tham mưu Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc triển khai Thông tư liên tịch số 10 cũng như tăng cường công tác phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng tại các địa phương.

6. Để đảm bảo tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ được bổ nhiệm chức danh Trợ giúp viên pháp lý hạng I, đảm bảo được tính thứ bậc, phân rõ tầng nấc và có sự tương thích, hài hòa giữa chức danh Trợ giúp viên pháp lý hạng I và hạng II, kiến nghị Bộ Tư pháp xem xét sửa đổi, bổ sung Thông tư số 05/2022/TT-BTP (đề xuất bổ sung thêm điều kiện: “hoặc thực

hiện ít nhất 10 vụ việc tham gia tố tụng thành công tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh") - *(UBND tỉnh Tây Ninh).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh và sẽ có nghiên cứu trong quá trình tham mưu hoàn thiện thể chế về trợ giúp pháp lý.

7. Đề nghị chỉ tiêu vụ việc tham gia tố tụng đối với mỗi Trợ giúp viên là chốt số vụ việc thụ lý trong năm. Còn nếu tính số liệu hoàn thành thì chốt số liệu đến ngày 30/11 hàng năm vì các cơ quan tiến hành tố tụng đa số đều tập trung giải quyết các vụ án trong tháng 11 *(UBND tỉnh Bình Định).*

Trả lời:

Theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, số liệu thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/10 hàng năm; Trung tâm TGPL nhà nước có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp số liệu vào ngày 07/11. Chính vì vậy, từ năm 2019 đến nay, Bộ Tư pháp yêu cầu báo cáo số vụ việc tham gia tố tụng để tính chỉ tiêu là số vụ việc kết thúc được lấy từ 01/11 năm trước đến hết 31/10 năm sau, thời điểm báo cáo trùng với thời điểm Trung tâm TGPL nhà nước gửi Sở Tư pháp tỉnh/thành phố tổng hợp gửi Bộ Tư pháp theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP (ngày 07/11) để bảo đảm số liệu vụ việc năm thực tế và tạo thuận tiện cho địa phương.

8. Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý của UBND tỉnh (khoản 4 Điều 40 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 chỉ quy định chung: "*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại địa phương; bảo đảm các điều kiện làm việc cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước").* Do đó, gây lúng túng khi xác định công việc cụ thể của hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Khoản 4 Điều 40 Luật TGPL năm 2017 quy định: "UBND cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý nhà nước về TGPL tại địa phương; bảo đảm các điều kiện làm việc cho Trung tâm TGPL nhà nước."

Đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước về TGPL tại địa phương, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện quy định: "*Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc*

UBND cấp tỉnh, có chức năng tham mưu UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về:…TGPL…".

Khoản 13 Điều 2 Thông tư số 07/2020/TT-BTP quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp trong lĩnh vực TGPL là:

"13. Về TGPL

a) Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Trung tâm TGPL nhà nước, hoạt động TGPL của các tổ chức tham gia TGPL theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tố tụng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đề nghị Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm TGPL nhà nước, bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý;

d) Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ cộng tác viên TGPL; cấp, thay đổi nội dung, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia TGPL của tổ chức đăng ký tham gia TGPL theo quy định pháp luật; đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra tập sự TGPL;

đ) Công bố, cập nhật danh sách các tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL tại địa phương, đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp và gửi Bộ Tư pháp để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;

e) Lựa chọn, ký kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng thực hiện TGPL với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng thực hiện TGPL; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện TGPL cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL; quản lý và tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc tham gia tố tụng và vụ việc đại diện ngoài tố tụng theo quy định pháp luật."

Tại địa phương, Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh, có nhiệm vụ tham mưu UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về TGPL. Trên cơ sở ý kiến tham mưu của Sở Tư pháp và trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, UBND cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về TGPL.

9. Xác định vụ việc tham gia tố tụng thành công trong lĩnh vực hình sự theo Tiêu chí 06 ban hành kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công (sau đây viết tắt là Quyết định số 1179/QĐ-BTP): Tiêu chí 06 quy định: *"Được tuyên mức án thấp nhất hoặc thấp hơn theo mức đề nghị của Viện kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh",* có 02 cách hiểu về

Tiêu chí 06 như sau:

- Quan điểm thứ nhất: Vụ việc đáp ứng Tiêu chí 06 khi thuộc 01 trong 02 trường hợp: (1) được tuyên mức án thấp nhất theo mức đề nghị của Viện kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh; (2) được tuyên mức án thấp hơn theo mức đề nghị của Viện Kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh.

- Quan điểm thứ hai: Vụ việc đáp ứng Tiêu chí 06 khi thuộc 01 trong 02 trường hợp: (1) được tuyên mức án thấp nhất khung hình phạt; (2) được tuyên mức án thấp hơn theo đề nghị của Viện Kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Tiêu chí 06 (TC 06) mục I Phần B Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ Tư pháp về việc ban hành Tiêu chí xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công được hiểu là: "Được tuyên mức án thấp nhất theo mức đề nghị của Viện Kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh" hoặc "Được tuyên mức án thấp hơn theo mức đề nghị của Viện kiểm sát trong cùng khung hình phạt, cùng tội danh" (theo cách hiểu thứ nhất của địa phương).

10. Về Tiêu chí xác định vụ việc tham gia tố tụng thành công trong vụ việc dân sự theo Tiêu chí 20:

- Khoản 2.2 mục A về nguyên tắc xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công quy định: *"Thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc mà quan điểm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khác với quan điểm của một trong các cơ quan có thẩm quyền tố tụng và được chấp nhận một phần hoặc toàn bộ theo hướng có lợi cho người được TGPL trên cơ sở quy định pháp luật".*

- Khoản 1 phần II mục B quy định Tiêu chí 20: "*Giúp người được TGPL bảo đảm quyền và lợi ích khi hòa giải trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm hoặc tại phiên Tòa sơ thẩm và được Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; ..."*

Nếu đối chiếu Tiêu chí 20 với nguyên tắc xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công tại khoản 2.2 mục A nêu trên thì các vụ án ly hôn được hòa giải thành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm hoặc tại phiên Tòa sơ thẩm và được Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sẽ không bảo đảm nguyên tắc chung *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của địa phương để nghiên cứu hoàn thiện Tiêu chí xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công trong thời gian tới.

11. Về thẩm quyền xác định vụ việc TGPL thành công:

- Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 12 /2018/TT-BTP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP) quy định: "*1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm tổ chức...; đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công...".*

- Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 12 /2018/TT-BTP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP) quy định: "*2. Sở Tư pháp có trách nhiệm quản lý và tổ chức ..., đánh giá hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng để xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong phạm vi địa phương...".*

- Điều 5 Thông tư số 09 /2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ Tư pháp quy định: *"Sở Tư pháp gửi Công văn đề nghị Cục trợ giúp pháp lý xác nhận vụ việc tham gia tố tụng thành công...".*

Như vậy, cơ quan nào có thẩm quyền xác định vụ việc trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng thành công? *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động TPGL; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ TGPL và quản lý chất lượng vụ việc TGPL thì cơ quan thực hiện việc đánh giá vụ việc TGPL tham gia tố tụng để xác định vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công là: Trung tâm TGPL nhà nước, Sở Tư pháp và Cục TGPL, Bộ Tư pháp.

Đồng thời, theo quy định tại Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý và Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý thì cơ quan xác nhận vụ việc TGPL tham gia tố tụng thành công để phục vụ việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý là Cục TGPL, Bộ Tư pháp.

12. Về hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý: Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP quy định hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý. Tại khoản 2 quy định hồ sơ tham gia tố tụng bao gồm 7 loại giấy tờ, trong đó "*Bản bào chữa hoặc bản bảo vệ quyền lợi...".* Tuy nhiên, đối với các vụ án có quyết định đình chỉ điều tra, quyết

định không khởi tố, đình chỉ xét xử thì hồ sơ không có bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bản bào chữa. Như vậy, hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý có bắt buộc phải có tài liệu này không? *(UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).*

Trả lời:

Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP quy định các tài liệu trong hồ sơ vụ việc tham gia tố tụng nói chung.

Điều 10 Thông tư số 12/2018/TT-BTP quy định hồ sơ vụ việc TGPL quy định vụ việc TGPL kết thúc khi thuộc một trong các trường hợp sau:

"1. Thực hiện xong yêu cầu hợp pháp của người được TGPL theo hình thức TGPL thể hiện trong đơn yêu cầu TGPL.

2. Thuộc một trong các trường hợp không tiếp tục thực hiện vụ việc TGPL quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật TGPL.

3. Bị đình chỉ theo quy định của pháp luật."

Đối với các vụ án có quyết định đình chỉ điều tra, quyết định không khởi tố, đình chỉ xét xử thì được coi là vụ việc TGPL theo khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2018/TT-BTP và hồ sơ vụ việc TGPL kết thúc. Hồ sơ vụ việc TGPL là sản phẩm phản ánh quá trình thực hiện TGPL của Tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL. Do đó, hồ sơ vụ việc TGPL kết thúc tại giai đoạn điều tra sẽ bao gồm các giấy tờ, tài liệu tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 12/2018/TT-BTP (Hoạt động tố tụng đến giai đoạn nào thì hồ sơ vụ việc TGPL bao gồm các giấy tờ, tài liệu tương ứng, phán ánh quá trình thực hiện TGPL tại giai đoạn đó).

13. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn các địa phương liên quan đến việc xét và thi thăng hạng Trợ giúp viên pháp lý *(UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức nói chung, viên chức Trợ giúp viên pháp lý nói riêng được thực hiện bằng hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

Ngày 06/9/2024, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 09/2024/TT-BTP quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý. Thông tư quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý từ hạng III lên hạng II và từ hạng II lên hạng I, các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đăng ký dự xét

thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý cũng như xác nhận vụ việc tham gia tố tụng thành công…

Vì vậy, đề nghị các địa phương chủ động thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý theo đúng quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý.

14. Đề nghị Bộ Tư pháp hằng năm tổ chức thi kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý để kịp thời bổ sung đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý cho các Trung tâm Trợ giúp pháp lý *(UBND tỉnh Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 28 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động TGPL quy định: "*Bộ Tư pháp tổ chức kiểm tra kết quả tập sự TGPL không quá 02 lần trong một năm*".

Hàng năm, trên cơ sở đăng ký nhu cầu thực tế của địa phương, Bộ Tư pháp đều tổ chức các kỳ kiểm tra kết quả tập sự TGPL bảo đảm minh bạch, khách quan, theo đúng quy định nhằm tạo nguồn trợ giúp viên pháp lý cho các địa phương.

15. Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp hệ thống Phần mềm quản lý trợ giúp pháp lý, đặc biệt là dung lượng hồ sơ, tài liệu đính kèm được tải lên cao hơn, nâng cấp Phần mềm máy chủ để hoạt dộng cập nhật dữ liệu không bị gián đoạn *(UBND các tỉnh: Cao Bằng, Kiên Giang, Vĩnh Phúc).*

Trả lời:

Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL (gọi tắt là Hệ thống) là phần mềm được Bộ Tư pháp xây dựng và chính thức triển khai trên toàn quốc từ tháng 01/2019. Trong quá trình triển khai vận hành Hệ thống, Cục Trợ giúp pháp lý luôn phối hợp chặt chẽ với Cục Công nghệ thông tin hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho địa phương; kịp thời khắc phục lỗi trên Hệ thống ngay khi tiếp nhận thông tin từ địa phương hoặc phát hiện ra sự cố. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục ghi nhận, tổng hợp các vướng mắc, kiến nghị của địa phương để

chỉ đạo Cục TGPL đề xuất với Cục Công nghệ thông tin có biện pháp cải thiện dung lượng máy chủ để nâng cao hiệu quả vận hành Hệ thống quản lý TGPL.

Về việc nâng cấp hệ thống phần mềm: Ngày 11/12/2024, Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1294 /CNTT-CĐS về việc trả lời kiến nghị của địa phương và các Bộ, ngành, nội dung kiến nghị này đã được trả lời tại phần trả lời về các phần mềm sử dụng tại địa phương, trong đó có Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL.

16. Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung vào Luật Trợ giúp pháp lý quy định bổ nhiệm lại đối với người đã từng là Trợ giúp viên pháp lý *(UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Cao Bằng).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận kiến nghị của UBND các tỉnh, thành phố Đà Nẵng, Cao Bằng, Bộ sẽ có nghiên cứu trong quá trình tham mưu hoàn thiện thể chế về trợ giúp pháp lý.

17. Đề nghị Bộ Tư pháp đề xuất với Chính phủ xem xét hỗ trợ kinh phí đối với các hoạt động trợ giúp pháp lý ở địa phương còn nhiều khó khăn. Xem xét bổ sung thêm nội dung *"Hỗ trợ chi phí, thù lao thực hiện vụ việc tham gia tố tụng phức tạp, điển hình"* vào nội dung 3, tiểu dự án 1 của dự án 10 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn II: từ năm 2026 - 2030. Vì qua thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng có rất nhiều vụ việc bảo vệ thành công quyền, lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý là người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...., đã giúp người dân nâng cao nhận thức pháp luật và tạo hiệu quả truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

Trả lời:

Thời gian qua, trợ giúp pháp lý đã giúp hàng trăm nghìn người yếu thế trong đó có người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo.... được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi có vướng mắc, tranh chấp pháp luật, qua đó góp phần quyền bảo vệ con người, quyền công dân, quyền công bằng trong tiếp cận pháp luật, tiếp cận công lý, trong xét xử cũng như bình đẳng trong tranh tụng. Bộ Tư pháp đã đề xuất nội dung hỗ trợ vụ việc tại các dự án của Bộ Tư pháp trong các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) như: *"Hỗ trợ thực hiện vụ việc TGPL tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình về ma tuý cho người thuộc diện được TGPL của các Trung tâm TGPL nhà nước ở các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách"* trong CTMTQG về Phòng, chống ma túy đến

năm 2030 (đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư); *"Hỗ trợ thực hiện vụ việc TGPL tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình (trừ vụ việc có liên quan đến ma tuý) cho các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách"* trong CTMTQG về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

X. CÔNG TÁC XÂY DỰNG NGÀNH, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Đề nghị có cơ chế, hình thức khen thưởng, đánh giá đối với các tổ chức hành nghề luật sư và luật sư, trong đó:

- Đề nghị Bộ Tư pháp có cơ chế khen thưởng, đánh giá các tổ chức hành nghề luật sư cho địa phương để khuyến khích các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư để chủ động có biện pháp vinh danh, nguồn kinh phí cho việc đánh giá, phân loại nhằm nâng cao chất lượng hành nghề, tạo môi trường cho luật sư hoạt động chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển hội nhập quốc tế trong tình hình mới *(UBND TP. Hồ Chí Minh).*

- Đề nghị Bộ Tư pháp có hình thức khen thưởng kịp thời cho các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có thành tích và có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương *(UBND TP. Đà Nẵng).*

Trả lời:

Theo pháp luật về thi đua, khen thưởng, trực tiếp là quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Tư pháp, thì *Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thẩm quyền khen thưởng về thành tích thường xuyên (công trạng) cho các tập thể, cá nhân trong tổ chức bộ máy, biên chế do Bộ, Ngành quản lý*. Các Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư không phải đối tượng, thành phần trong biên chế, quỹ lương của Bộ Tư pháp nên không thuộc đối tượng khen thưởng thường xuyên hàng năm (theo công trạng). Tuy nhiên, trong thời gian qua Bộ Tư pháp cũng đã phát động, triển khai và tổ chức tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề (khen thưởng tổng kết 15 năm Luật Luật sư, khen thưởng nhân dịp Đại hội kết thúc nhiệm kỳ Đoàn Luật sư của các tỉnh...) để phát hiện, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đó có đội ngũ Luật sự và tổ chức hành nghề luật sư.

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tiếp tục tham mưu tổ chức các phong trào thi đua theo chuyên đề trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Tư pháp, trong đó có lĩnh vực hoạt động của Luật sư để, kịp thời khen thưởng động viên đối với các Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có nhiều thành tích, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của Bộ, ngành Tư pháp.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tham mưu triển khai hiệu quả kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, nhất là việc chỉ đạo bố trí, sắp xếp bố trí cán bộ tư pháp địa phương đủ về số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu tình hình mới *(UBND tỉnh Quảng Ninh).*

Trả lời:

Ngay sau khi Văn phòng Trung ương có Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 thông báo kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 234-KH/BCSĐ ngày 20/11/2024 triển khai Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm, trong đó xác định nhiệm vụ xây dựng cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao cho công tác xây dựng pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp; xây dựng Đề án điều động, luân chuyển cán bộ, công chức của Bộ, ngành Tư pháp để tăng cường kinh nghiệm thực tế, bồi dưỡng, đa dạng hóa kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển nguồn nhân lực làm công tác tham mưu xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đến năm 2030… Đồng thời, Bộ cũng đã báo cáo cơ quan có thẩm quyền và có Công văn số 919-CV/BCSĐ ngày 20/11/2024 gửi Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đề nghị quan tâm kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp địa phương theo tinh thần chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp.

Trong thời gian tới, Bộ sẽ tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định tại Kế hoạch số 234-KH/BCSĐ gắn với chỉ đạo của Trung ương về việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực. Bộ Tư pháp đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh tiếp tục quan tâm, tổ chức thực hiện các nội dung theo Công văn số 919-CV/BCSĐ ngày 20/11/2024 để nhanh chóng kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp các cấp của địa phương.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành bộ tiêu chí chấm điểm thi đua đối với Sở Tư pháp các địa phương cùng với thời điểm ban hành kế hoạch hướng dẫn về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương xây dựng kế hoạch công tác năm, trên cơ sở đó cân đối, bố trí kinh phí thực hiện ngay từ đầu năm, để bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu thi đua đề ra *(UBND tỉnh Quảng Bình).*

Trả lời:

Các tiêu chí trong Bảng Tiêu chí chấm điểm, xếp hạng thi đua hàng năm đối với Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được xây dựng trên cơ sở

nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp hàng năm và với 15 nhóm lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ, ngành Tư pháp ở địa phương. Khi xây dựng các đơn vị đều căn cứ trên cơ sở các chương trình, kế hoạch công tác trong lĩnh vực quản lý để đề xuất các tiêu chí cụ thể đánh giá kết quả công tác của các cơ quan, đơn vị, trong đó có Sở Tư pháp. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị các Sở Tư pháp bám sát các chương trình, kế hoạch công tác trong các lĩnh vực để kịp thời, chủ động triển khai các nhiệm vụ theo đúng nội dung, tiến độ yêu cầu. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của các địa phương, trong thời gian tới, Bộ sẽ chỉ đạo các đơn vị tham mưu để đẩy nhanh tiến độ trong xây dựng, ban hành Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua Sở Tư pháp các địa phương, kịp thời tạo động lực cho các cơ quan trong thi đua, nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao, đóng góp chung vào việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của Bộ, ngành Tư pháp.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn đối với việc thành lập Hội đồng quản lý tại các đơn vị sự nghiệp đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư có số lượng nhân sự ít (từ 10 -15 người), không có chi ủy; không có tổ chức công đoàn, chi đoàn riêng. Vì vậy, không thể tổ chức họp liên tịch về việc thành lập, dự kiến số lượng, cơ cấu thành phần tham gia Hội đồng quản lý và Hội nghị cán bộ chủ chốt của đơn vị (theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BTP) và cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý (theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2022/TT-BTP) - *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của UBND tỉnh Bình Dương và đề nghị UBND tỉnh Bình Dương chỉ đạo Sở Tư pháp và đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp đã đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư tiếp tục rà soát, kiện toàn công tác cán bộ để đảm bảo có đủ điều kiện để thành lập Hội đồng quản lý theo quy định của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp. Trong thời gian tới Bộ Tư pháp sẽ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 04/2022/TT-BTP tại các địa phương trên phạm vi cả nước để có cơ sở sửa đổi Thông tư số 04/2022 cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện việc luân chuyển đối với các chức danh lãnh đạo đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, nhất là đối với lãnh đạo quản lý có chức danh tư pháp *(UBND tỉnh Cao Bằng).*

Trả lời:

Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 về luân chuyển cán bộ, trong đó quy định cụ thể các nội dung thực hiện luân chuyển gồm phạm vi, đối tượng, chức danh, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình luân chuyển, đồng thời xác định rõ thẩm quyền thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và căn cứ Quy định này, các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể hoá thành quy định của tổ chức, cơ quan, đơn vị mình cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn. Căn cứ quy định nêu trên, việc quy định và tổ chức thực hiện việc luân chuyển đối với lãnh đạo đơn vị sự nghiệp thuộc Sở thuộc thẩm quyền và phân cấp quản lý cán bộ tại địa phương. Do đó, đề nghị Sở trao đổi, phối hợp với Sở Nội vụ báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm nâng cao chất lượng đào tạo nghề luật sư; sớm sửa đổi, bổ sung chương trình, nội dung, thời gian đào tạo nghề luật sư cho phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt trong giai đoạn Hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay *(UBND TP. Cần Thơ).*

Trả lời:

Thời gian qua, Bộ Tư pháp luôn quan tâm chỉ đạo Học viện Tư pháp chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề luật sư, góp phần phát triển nguồn luật sư đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Bộ Tư pháp cũng thường xuyên chỉ đạo Học viện Tư pháp rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung, chương trình đào tạo nghề luật sư đáp ứng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn của xã hội. Ngày 26/10/2022, Bộ Tư pháp đã ban hành Chương trình khung đào tạo nghề luật sư theo hệ thống tín chỉ[21] (thay thế Chương trình khung đào tạo nghề luật sư theo hình thức tín chỉ ban hành năm 2017). Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng đã ban hành Chương trình khung đào tạo luật sư phục vụ hội nhập quốc tế[22]; phê duyệt Đề án "*Phát triển Học viện Tư pháp thành cơ sở có uy tín về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về pháp luật quốc tế cho các chức danh tư pháp và cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng*"[23].

Tới đây, sau khi Luật Luật sư sửa đổi, bổ sung được Quốc hội thông qua, Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo Học viện Tư pháp sớm đề xuất sửa đổi, bổ sung chương trình, nội dung, thời gian đào tạo nghề luật sư cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật và tình hình thực tế. Đồng thời chỉ đạo triển khai hiệu quả Đề án "*Phát triển Học viện Tư pháp thành cơ sở có uy tín về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về pháp luật quốc tế cho các chức danh tư pháp và cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng*".

---

[21] Theo Quyết định số 2105/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
[22] Theo Quyết định số 1711/QĐ-BTP ngày 12/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
[23] Theo Quyết định số 803/QĐ-BTP ngày 07/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

XI. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành Tư pháp *(UBND tỉnh Hậu Giang).*

Trả lời:

1. Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *"Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước" là dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu và dịch vụ sự nghiệp công mang tính đặc thù của một số ngành, lĩnh vực thuộc danh mục do cấp có thẩm quyền ban hành, được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện.*

Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định: *Dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục thu phí thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí. Đơn vị sự nghiệp công thu phí theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.*

2. Ngày 05/01/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/QĐ-TTg về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Theo đó, trong lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ Tư pháp có 07 nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Ngày 08/12/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2069/QĐ-TTg ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp, theo đó:

- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu gồm" (i) Dịch vụ hỗ trợ thông tin, thực hiện trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý; (ii) Dịch vụ hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản gồm: (i) Dịch vụ tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; (ii) Dịch vụ đấu giá tài sản; (iii) Dịch vụ công chứng.

Quyết định số 2069/QĐ-TTg thay thế nội dung dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực trợ giúp pháp lý; dịch vụ quy định tại tiểu mục 2.2 và tiểu mục 2.3 thuộc nhóm dịch vụ cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp luật; nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực lý lịch tư pháp do Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia và Sở Tư pháp thực hiện; nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực đấu giá tài sản; nhóm dịch vụ thuộc lĩnh vực công chứng, chứng thực (do Phòng Công chứng trực thuộc Sở Tư pháp thực hiện) được quy định tại Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng

ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành Tư pháp hiện nay bao gồm: các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu theo Quyết định số 2069/QĐ-TTg và một số dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước còn hiệu lực theo Quyết định số 19/QĐ-TTg.

4. Thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 18/11/2020, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2302/QĐ-BTP quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó đã giao Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực tại Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp.

Hiện tại, thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg và Quyết định số 2069/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo rà soát để phân công đơn vị chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

5. Quá trình rà soát, Bộ Tư pháp cũng nhận thấy, trong số dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp có dịch vụ chỉ thực hiện tại đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp và có dịch vụ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan tư pháp địa phương, cụ thể:

5.1. Các dịch vụ sự nghiệp công chỉ thực hiện tại đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp mà không thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp công thuộc cơ quan tư pháp địa phương, gồm:

(i) Dịch vụ: Tiếp nhận, cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật cho các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật (mục 2.1 Danh mục kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTg);

(ii) 03 dịch vụ Nhóm dịch vụ thuộc nhóm lĩnh vực lĩnh vực đăng ký giao dịch, tài sản (mục 4 Danh mục kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTg);

(iii) 04 dịch vụ Nhóm dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực tư pháp và pháp luật (mục 7 Danh mục kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTg);

(iv) Dịch vụ hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (điểm b, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2069/QĐ-TTg);

(v) Dịch vụ tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (điểm a, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2069/QĐ-TTg).

5.2. Các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan tư pháp địa phương, gồm:

(i) Dịch vụ hỗ trợ thông tin, thực hiện trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý (tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2069/QĐ-TTg);

(ii) 02 dịch vụ: Dịch vụ đấu giá tài sản và Dịch vụ công chứng (tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2069/QĐ-TTg).

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện tại các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan tư pháp địa phương, Bộ Tư pháp nhận thấy:

- Lĩnh vực công chứng: Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên;

- Lĩnh vực đấu giá tài sản: Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/20217 quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

- Lĩnh vực trợ giúp pháp lý: Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18/6/2020 hướng lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý.

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các văn bản nêu trên là cơ sở để các đơn vị ở địa phương cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và thu phí cung cấp dịch vụ này.

XII. THANH TRA

1. Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn, kết hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác thanh tra chuyên ngành, quy trình xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo phát sinh trong lĩnh vực ngành Tư pháp, nhất là lĩnh vực bổ trợ tư pháp, góp phần giúp ngành Tư pháp địa phương, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, xử lý dứt điểm ngay từ đầu, tránh các vụ việc phức tạp, kéo dài xảy ra *(UBND tỉnh Sóc Trăng).*

Trả lời:

Trong dự thảo Kế hoạch công tác năm 2025, Thanh tra Bộ đã dự kiến tổ chức tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra các Sở Tư pháp. Do đó, các nội dung liên quan thanh tra chuyên ngành, xử lý đơn thư, giải quyết

khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý của ngành Tư pháp sẽ được tập huấn, hướng dẫn tại Hội nghị này.

2. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã không có quy định về hành vi thu phí chứng thực không đúng quy định dẫn đến việc hành vi này chưa được xử lý *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Bộ sẽ xem xét bổ sung khi sửa đổi, bổ sung Nghị định số 82/2020/NĐ-CP.

3. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, trong đó, có hành vi thu phí công chứng không đúng quy định. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định vi phạm hành chính về phí thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm. Hiện Thanh tra Sở lúng túng trong việc áp dụng thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi thu phí công chứng không đúng quy định là 01 năm (áp dụng thời hiệu thuộc lĩnh vực bổ trợ tư pháp) hay 02 năm (áp dụng thời hiệu thuộc lĩnh vực phí, lệ phí). Đề nghị Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn *(UBND tỉnh Bình Dương).*

Trả lời:

Việc thu phí công chứng được quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng, phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề công chứng, phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. Do đó, hành vi thu phí công chứng không đúng quy định áp dụng thời hiệu thuộc lĩnh vực phí, lệ phí là 02 năm theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

XIII. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Công nghệ thông tin thường xuyên phối hợp với Tỉnh rà soát, kiểm tra và nâng cấp hệ thống để khắc phục những lỗi kết nối hệ thống để các địa phương thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian theo quy định *(UBND tỉnh Phú Yên).*

Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành chức năng nâng cấp Phần mềm, chia sẻ kết nối Cơ sở dữ liệu, đường truyền, tạo điều kiện cho địa phương được mở rộng quyền tra cứu, truy cập phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết TTHC được thuận lợi, kịp thời *(UBND TP. Hà Nội).*

Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp các phần mềm sử dụng tại địa phương để khắc phục các lỗi phát sinh, đồng thời chỉ đạo các đầu mối được giao hỗ trợ địa phương thực hiện công tác số hóa, công tác liên thông TTHC tích cực, chủ động hướng dẫn địa phương trong giải quyết các lỗi phát sinh tại phần mềm để địa phương kịp thời thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ *(UBND các tỉnh: Lai Châu, Sóc Trăng, Tuyên Quang).*

Trả lời:

Các Phần mềm do Bộ Tư pháp triển khai cho các địa phương được xây dựng trong giai đoạn trước năm 2020 như: Phần mềm Quản lý lý lịch tư pháp dùng chung từ năm 2012, Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch từ năm 2016, Phần mềm quản lý trợ giúp pháp lý từ năm 2018…

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn rà soát, cập nhật các lỗi phát sinh; hỗ trợ các địa phương trong quá trình khai thác, sử dụng. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang chỉ đạo các đơn vị chuyên môn khẩn trương triển khai dự án, hạng mục đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin: Dự án "Xây dựng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch" trong giai đoạn 2024 - 2025 (dự án đã khởi công vào tháng 9/2024), Dự án "Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý" trong giai đoạn 2024 - 2027 và hạng mục "Nâng cấp Hệ thống Phần mềm Lý lịch tư pháp" dự kiến triển khai năm 2025 nhằm khắc phục những tồn tại bất cập về mặt kỹ thuật công nghệ cũng như các yêu cầu nghiệp vụ, quản lý của các đơn vị.

2. Đề nghị cấu hình lại địa giới hành chính của huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị từ: "huyện ĐaKrông" thành "huyện Đakrông", để đảm bảo chính xác khi cấp Phiếu Lý lịch tư pháp điện tử cho công dân *(UBND tỉnh Quảng Trị).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) đã hoàn thành việc rà soát, chuẩn hóa, điều chỉnh tên gọi địa giới hành chính của huyện "ĐaKrông", tỉnh Quảng Trị thành "huyện Đakrông" trong các Hệ thống Quản lý và cấp Phiếu Lý lịch tư pháp điện tử và đảm bảo đồng bộ với các Dữ liệu trên Hệ thống.

Tuy nhiên, để đảm bảo chính xác trong việc cấp Phiếu Lý lịch tư pháp, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh phải đồng bộ kịp thời với Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung. Do đó, địa phương cần chủ động rà soát, kiểm tra và khắc phục lỗi trong quá trình đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung; đồng bộ và cập nhật thông tin giữa các Hệ thống quản lý liên quan để đảm bảo thông tin luôn chính xác và đồng nhất trên các nền tảng.

3. Bước đầu triển khai thực hiện cấp Phiếu LLTP trên VNeID đã phát sinh nhiều vướng mắc về kỹ thuật, Sở Tư pháp đã chủ động phối hợp với Sở Thông

tin và Truyền thông, Cục Công nghệ thông tin (Bộ Tư pháp) xử lý các vấn đề phát sinh, tuy nhiên vẫn còn một số vướng mắc như:

- Một số hồ sơ cấp Phiếu LLTP công dân nộp, được một cửa tiếp nhận nhưng chậm đồng bộ về phần mềm Lý lịch tư pháp dùng chung;

- Thông tin công dân trên CSDLQGDC không được cập nhật đầy đủ, kịp thời dẫn đến thiếu hoặc sai thông tin khi nộp hồ sơ (thiếu thông tin vợ chồng, sai thông tin nơi cư trú…) dẫn đến tỷ lệ hồ sơ bị từ chối tiếp nhận cao.

- Một số trường hợp hồ sơ công dân bị từ chối tiếp nhận nhưng Ứng dụng VNeID chậm hoàn tiền cho công dân dẫn đến công dân có phản ánh kiến nghị trên Cổng DVC quốc gia và trên Hệ thống PAKN Khánh Hòa. Việc chậm hoàn tiền cho công dân dẫn đến công dân có PAKN, làm giảm mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước, giảm tính hấp dẫn của dịch vụ cấp LLTP trên VNeID đối với người dân.

Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan quan tâm sớm khắc phục lỗi chậm đồng bộ; cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin công dân trên CSDLQDDC; khắc phục lỗi chậm hoàn tiền cho công dân khi nộp hồ sơ bị từ chối *(UBND tỉnh Khánh Hòa).*

Trả lời:

- Triển khai Thí điểm cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID, các đơn vị chuyên môn của Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Bộ Công an và các đơn vị chuyên môn của UBND các tỉnh/thành phố trong việc điều chỉnh các Hệ thống thông tin, Phần mềm ứng dụng đáp ứng yêu cầu sẵn sàng triển khai thí điểm toàn quốc từ ngày 01/10/2024. Đến ngày 01/12/2024, 63/63 địa phương đã chính thức triển khai thí điểm - Bộ Tư pháp (Cục Công nghệ thông tin) và các đơn vị liên quan đảm bảo việc kết nối thông suốt giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính - *NDXP* - Phần mềm Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung. Điều này giúp đảm bảo dữ liệu được truyền tải và xử lý một cách ổn định, chính xác, đồng thời giảm thiểu sự gián đoạn trong việc đồng bộ về Phần mềm Lý lịch tư pháp.

Để nâng cao hiệu quả và giảm thiểu sai sót trong việc cấp Phiếu LLTP, đề nghị các đơn vị rà soát thông tin phản hồi từ Phần mềm LLTP, phối hợp với các bên liên quan để xử lý vấn đề, đảm bảo dữ liệu đầu vào chính xác và chuẩn hóa dữ liệu hợp lệ.

- Đối với một số vấn đề liên quan đến Hệ thống VNeID, Cổng Dịch vụ công quốc gia,… Bộ Tư pháp sẽ chỉ đạo các đơn vị chuyên môn phối hợp, hỗ

trợ trong quá trình triển khai thí điểm cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID.

Hiện nay, Bộ Tư pháp tiếp tục duy trì nhóm kỹ thuật hỗ trợ các địa phương kết nối và sẵn sàng xử lý vấn đề kỹ thuật phát sinh khi triển khai (nếu có).

- BỘ TƯ PHÁP -